



GIÁO TRÌNH ĐẠO ĐỨC HỌC MARX-LÊ NIN



BÀI 1

ĐỐI TƯỢNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA

ĐẠO ĐỨC HỌC MÁC - LÊNIN

Chia sẻ ebook : <http://downloadsach.com/>

Follow us on Facebook : <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>

I. ĐẠO ĐỨC VÀ CẤU TRÚC CỦA ĐẠO ĐỨC.

1. Khái niệm đạo đức.

Với tư cách là một bộ phận của tri thức triết học, những tư tưởng đạo đức học đã xuất hiện hơn 26 thế kỷ trước đây trong triết học Trung Quốc, Ấn Độ, Hy Lạp cổ đại.

Danh từ đạo đức bắt nguồn từ tiếng La tinh là mos (moris) - lễ thói, (moralis nghĩa

là có liên quan đến lễ thói, đạo nghĩa). Còn “luân lý” thường xem như đồng nghĩa với

“đạo đức” thì gốc ở chữ Hy Lạp là Êthicos nghĩa là lễ thói; tập tục. Hai danh từ đó chứng

tỏ rằng, khi ta nói đến đạo đức, tức là nói đến những lễ thói tập tục và biểu hiện mối quan

hệ nhất định giữa người và người trong sự giao tiếp với nhau hàng ngày. Sau này người ta thường phân biệt hai khái niệm, moral là đạo đức, còn Ethicos là đạo đức học.

Ở phương đông, các học thuyết về đạo đức của người Trung Quốc cổ đại bắt nguồn từ cách hiểu về đạo và đức của họ. Đạo là một trong những phạm trù quan trọng nhất của triết học Trung Quốc cổ đại. Đạo có nghĩa là con đường, đường đi, về sau khái niệm đạo được vận dụng trong triết học để chỉ con đường của tự nhiên. Đạo còn có nghĩa

là con đường sống của con người trong xã hội.

Khái niệm đạo đức đầu tiên xuất hiện trong kinh văn đời nhà Chu và từ đó trở đi

nó được người Trung Quốc cổ đại sử dụng nhiều. Đức dùng để nói đến nhân đức, đức tính

và nhìn chung đức là biểu hiện của đạo, là đạo nghĩa, là nguyên tắc luân lý. Như vậy có

thể nói đạo đức của người Trung Quốc cổ đại chính là những yêu cầu, những nguyên tắc

do cuộc sống đặt ra mà mỗi người phải tuân theo.

Ngày nay, đạo đức được định nghĩa như sau: đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là tập hợp những nguyên tắc, qui tắc, chuẩn mực xã hội, nhằm điều chỉnh cách đánh

giá và cách ứng xử của con người trong quan hệ với nhau và quan hệ với xã hội, chúng được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, bởi sức mạnh của truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội.

Trong định nghĩa này có mấy điểm cần chú ý sau:

1

Đạo đức với tư cách là một hình thái ý thức xã hội phản ánh tồn tại xã hội, phản ánh hiện thực đời sống đạo đức xã hội.

Xã hội học trước Mác không thể giải quyết một cách khoa học vấn đề nguồn gốc

và thực chất của đạo đức. Nó xuất phát từ “mệnh lệnh của thượng đế”, “ý niệm tuyệt đối,

lý tính trừu tượng”, bản tính bất biến của loài người,...chứ không xuất phát từ điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội, từ quan niệm xã hội hiện thực xã hội để suy ra toàn bộ lĩnh vực tư tưởng trong đó có tư tưởng đạo đức.

Theo Mác và Ăngghen, trước khi sáng lập các thứ lý luận và nguyên tắc bao gồm

cả triết học và luân lý học, con người đã hoạt động, tức là đã sản xuất ra các tư liệu vật chất cần thiết cho đời sống. Ý thức xã hội của con người là phản ánh tồn tại xã hội của con người. Các hình thái ý thức xã hội khác nhau tùy theo phương thức phản ánh tồn tại

xã hội và tác động riêng biệt đối với đời sống xã hội. Đạo đức cũng vậy, nó là hình thái ý thức xã hội phản ánh một lĩnh vực riêng biệt trong tồn tại xã hội của con người. Và cũng như các quan điểm triết học, chính trị, nghệ thuật, tôn giáo đều mang tính chất của kiến trúc thượng tầng. Chế độ kinh tế xã hội là nguồn gốc của quan điểm này thay đổi theo cơ

sở đã đề ra nó. Ví dụ: Thích ứng với chế độ phong kiến, dựa trên cơ sở bóc lột những người nông nô bị cột chặt vào ruộng đất là đạo đức chế độ nông nô. Thích ứng với chế độ

tư bản, dựa trên cơ sở bóc lột người công nhân làm thuê là đạo đức tư sản. Chế độ xã hội chủ nghĩa tạo ra một nền đạo đức biểu hiện mối quan hệ hợp tác trên tình đồng chí và quan hệ tương trợ xã hội chủ nghĩa của những người lao động đã được giải phóng khỏi ách bóc lột. Như vậy, sự phát sinh và phát triển của đạo đức, xét đến cùng là một quá trình do sự phát triển của phương thức sản xuất quyết định.

- Đạo đức là một phương thức điều chỉnh hành vi của con người. Loài người đã sáng tạo ra nhiều phương thức điều chỉnh hành vi con người: phong tục, tập quán, tôn giáo, pháp luật, đạo đức...Đối với đạo đức, sự đánh giá hành vi con người theo khuôn khế chuẩn mực và qui tắc đạo đức biểu hiện thành những khái niệm về thiện và ác, vinh

và nhục, chính nghĩa và phi nghĩa. Bất kỳ trong thời đại lịch sử nào, người ta cũng đều được đánh giá như vậy. Các khái niệm thiện ác, khuôn khế và qui tắc hành vi của con người thay đổi từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, từ

dân tộc này sang dân tộc khác. Và trong

xã hội có giai cấp thì bao giờ cũng biểu hiện lợi ích của một giai cấp nhất định. Những khuôn khếp (chuẩn mực) và qui tắc đạo đức là yêu cầu của xã hội hoặc của một giai cấp nhất định đề ra cho hành vi mỗi cá nhân. Nó bao gồm hành vi của cá nhân đối với xã hội

(đối với tổ quốc, nhà nước, giai cấp mình và giai cấp đối địch...) và đối với người khác. Những chuẩn mực và quy tắc đạo đức nhất định được công luận của xã hội, hay một giai cấp, dân tộc thừa nhận. Ở đây quan niệm của cá nhân về nghĩa vụ của mình đối với xã hội

và đối với người khác (khuôn khếp hành vi) là tiền đề của hành vi đạo đức của cá nhân.

2

Đã là một thành viên của xã hội, con người phải chịu sự giáo dục nhất định về ý thức đạo đức, một sự đánh giá đối với hành vi của mình và trong hoàn cảnh nào đó còn chịu sự khiển trách của lương tâm...Cá nhân phải chuyển hóa những đòi hỏi của xã hội và những biểu hiện của chúng thành nhu cầu, mục đích và hứng thú trong hoạt động của mình. Biểu hiện của sự chuyển hóa này là hành vi cá nhân tuân thủ những ngăn cấm, những khuyến khích, những chuẩn mực phù hợp với những đòi hỏi của xã hội...Do vậy sự điều chỉnh đạo đức mang tính tự nguyện, và xét về bản chất, đạo đức là sự lựa chọn của con người.

- Đạo đức là một hệ thống các giá trị.

Giá trị là đối tượng của giá trị học (giá trị học phân loại các hiện tượng giá trị theo quan niệm đã được xây dựng nên một cách truyền thống về các lĩnh vực của đời sống xã hội, các giá trị vật chất và tinh thần, các giá trị sản xuất, tiêu dùng, các giá trị xã hội – chính trị, nhận thức, đạo đức, thẩm mỹ, tôn giáo)⁽¹⁾. Đạo đức là một hiện tượng xã hội, mang tính chuẩn mực: mệnh lệnh, đánh giá rõ rệt.

Các hiện tượng đạo đức thường biểu hiện dưới hình thức khẳng định, hoặc là phủ định một hình thức chính đáng, hoặc không chính đáng nào đó. Nghĩa là nó bài tỏ sự tán thành hay phản đối trước thái độ hoặc hành vi ứng xử của các cá nhân, giữa cá nhân với cộng đồng trong một xã hội nhất định. Vì vậy, đạo đức là một nội dung hợp lệ thống trị xã hội. Sự hình thành phát triển và hoàn thiện hệ thống trị đạo đức không tách rời sự phát triển và hoàn thiện của ý thức đạo đức và sự điều chỉnh đạo đức. Nếu hệ thống giá trị đạo đức phù hợp với sự phát triển, tiến bộ, thì hệ thống ấy có tính tích cực, mang tính nhân đạo. Ngược lại, thì hệ thống ấy mang tính tiêu cực, phản động, phản nhân đạo.

2. Cấu trúc của đạo đức.

Đạo đức vận hành như là một hệ thống tương đối độc lập của xã hội. Cơ chế vận hành của nó được hình thành trên cơ sở liên hệ và tác động lẫn nhau của những yếu tố hợp thành đạo đức. Khi phân tích cấu trúc của đạo đức người ta xem xét nó dưới nhiều góc độ. Mỗi góc độ cho phép chúng ta nhìn ra một lớp cấu trúc xác định. Chẳng hạn: xét đạo đức theo mối quan hệ giữa ý thức và hoạt động thì hệ thống đạo đức hợp thành từ hai yếu tố ý thức đạo đức và thực tiễn đạo đức. Nếu xét nó trong mối quan hệ giữa người và người thì người ta nhìn ra quan hệ đạo đức. Nếu xét theo quan điểm về mối quan hệ giữa

cái chung và cái riêng, cái phổ biến cái đặc thù với cái đơn chất thì đạo đức được tạo nên

từ đạo đức xã hội và đạo đức cá nhân.

a. Ý thức đạo đức và thực tiễn đạo đức.

Đạo đức là sự thống nhất biện chứng giữa ý thức về hệ thống những nguyên tắc, chuẩn mực, hành vi phù hợp với những quan hệ đạo đức đều có những ranh giới của hành

3

vi và những quan hệ đạo đức đang tồn tại. Mặt khác, nó còn bao trùm cả những cảm xúc, những tình cảm đạo đức con người.

Trong quan hệ giữa người và người về mặt đạo đức đều có những ranh giới của hành vi và giá trị đạo đức. Đó là ranh giới giữa cái thiện và cái ác, giữa chủ nghĩa cá nhân

ích kỷ và tinh thần tập thể. Về mặt giá trị của hành vi đạo đức cũng có ranh giới: lao động

là hành vi thiện. Ăn bám bóc lột là vô nhân đạo. Ngay cả trong một hành vi thiện mức độ

giá trị của nó không phải lúc nào cũng ngang nhau, mà có những thang bậc nhất định (cao

cả, tốt, được). Ý thức đạo đức là sự thể hiện thái độ nhận thức của con người trước hành

vi của mình trong sự đối chiếu với hệ thống chuẩn mực hành vi và những quy tắc đạo đức

xã hội đặt ra; nó giúp con người tự giác điều chỉnh hành vi và hoàn thành một cách tự giác, tự nguyện những nghĩa vụ đạo đức. Trong ý thức đạo đức còn bao hàm cảm xúc, tình cảm đạo đức của con người. Tóm lại, ý thức đạo đức (về mặt cấu trúc) gồm tri thức đạo đức.

Thực tiễn đạo đức là hoạt động của con người do ảnh hưởng của niềm tin, ý thức

đạo đức, là quá trình hiện thực hoá ý thức đạo đức trong cuộc sống.

Ý thức và thực tiễn đạo đức luôn có quan hệ biện chứng với nhau, bổ sung cho nhau tạo nên bản chất đạo đức con người, của một giai cấp, của một chế độ xã hội và của một thời đại lịch sử. Ý thức đạo đức phải được thể hiện bằng hành động thì mới đem lại những lợi ích xã hội và ngăn ngừa cái ác. Nếu không có thực tiễn đạo đức thì ý thức đạo đức không đạt tới giá trị, sẽ rơi vào trừu tượng theo kiểu các giáo lý của tôn giáo.

Thực tiễn đạo đức được biểu hiện như sự tương trợ, giúp đỡ, cử chỉ nghĩa hiệp, hành động nghĩa vụ... Thực tiễn đạo đức là hệ thống các hành vi đạo đức của con người được nảy sinh trên cơ sở của ý thức đạo đức.

b. Quan hệ đạo đức.

Quan hệ đạo đức là hệ thống những quan hệ xác định giữa con người và con người, giữa cá nhân và xã hội về mặt đạo đức.

Quan hệ đạo đức là một dạng quan hệ xã hội, là yếu tố tạo nên tín hiệu thực của bản chất xã hội của con người.

Các quan hệ đạo đức không chỉ hình thành nên giữa các cá nhân, mà còn giữa cá nhân với xã hội, với những mặt riêng biệt của xã hội (chẳng hạn: với lao động, với văn hoá tinh thần) trong chừng mực những mặt này liên quan đến các lợi ích chứa đựng trong các mối quan hệ này.

4

Quan hệ đạo đức được hình thành và phát triển như những qui luật tất yếu của xã hội, nó xác định những nhu cầu khách quan của xã hội, nó “tiềm ẩn” trong các quan hệ xã hội.

Quan hệ đạo đức tồn tại một cách khách quan và luôn luôn biến đổi qua các thời

đại lịch sử và chính nó là một trong những cơ sở để hình thành nên ý thức đạo đức.

Tóm lại, ý thức đạo đức, thực tiễn đạo đức và quan hệ đạo đức là một yếu tố tạo nên cấu trúc đạo đức. Mỗi yếu tố không tồn tại độc lập, mà liên hệ tác động nhau, tạo nên sự vận động, phát triển và chuyển hóa bên trong của hệ thống đạo đức.

c. Đạo đức xã hội và đạo đức cá nhân.

Đạo đức xã hội là sự phản ánh tồn tại xã hội của cộng đồng người xác định, và là phương thức điều chỉnh hành vi của các cá nhân thuộc cộng đồng nhằm hình thành; phát triển hoàn thiện tồn tại xã hội ấy.

Đạo đức xã hội được hình thành trên cơ sở cộng đồng về lợi ích và hoạt động của

cá nhân thuộc cộng đồng. Nó tồn tại như là một hệ thống kinh nghiệm xã hội mang tính phổ biến của đời sống đạo đức của cộng đồng.

Đạo đức cá nhân là đạo đức của những cá nhân riêng lẻ của cộng đồng, phản ánh

và khẳng định tồn tại xã hội của các cá nhân ấy như là thể hiện riêng lẻ của tồn tại xã hội của cộng đồng về lợi ích và hoạt động của các cá nhân.

Trong hoạt động thực tiễn và nhận thức của mình, các cá nhân thu nhận đạo đức xã hội như là hệ thống kinh nghiệm xã hội, những lí tưởng, chuẩn mực, tư tưởng, đánh giá đạo đức đã được hình thành nên trong lịch sử cộng đồng, biến kinh nghiệm xã hội thành kinh nghiệm bản thân...

Trước mắt cá nhân đạo đức xã hội tồn tại một cách khách quan mà trong cuộc sống của mình, cá nhân tất yếu phải nhận thức, tiếp thu và thực hiện.

Đạo đức xã hội hay đạo đức cá nhân là sự thống nhất biện chứng giữa cái chung và

cái riêng, giữa cái phổ biến, cái đặc thù và cái đơn nhất. Đạo đức cá nhân là sự biểu hiện độc đáo của đạo đức xã hội, nhưng không bao hàm hết thấy mọi nội dung, đặc điểm của đạo đức xã hội. Mỗi cá nhân tiếp thu lĩnh hội đạo đức xã hội khác nhau và ảnh hưởng đến đạo đức xã hội cũng khác nhau. Đạo đức xã hội không thể là số cộng của đạo đức cá nhân

mà nó tổng hợp những nhu cầu phổ biến được đúc kết thành những tinh hoa của đạo đức

cá nhân. Nó trở thành cái chung của một giai cấp, một cộng đồng xã hội, một thời đại nhất định, nó được duy trì và củng cố bằng những phong tục, tập quán, truyền thống, những di sản văn hóa vật chất và tinh thần, được biến đổi phát triển thông qua hoạt động sản xuất tinh thần và giao tiếp xã hội.

5

Quan hệ đạo đức xã hội và đạo đức cá nhân là quan hệ giữa những chuẩn mực chung mang tính phát triển đặc thù trong từng xã hội với những phẩm chất hành vi những yêu cầu cụ thể hàng ngày, quan hệ giữa lý tưởng xã hội và hiện thực của cá nhân, giữa trí tuệ, tri thức xã hội với tình cảm, ý chí và năng lực hoạt động đạo đức cụ thể của cá nhân.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠO ĐỨC HỌC MÁC – LÊNIN.

1. Đối tượng.

Đạo đức học là một môn khoa học nghiên cứu về đạo đức, về những quy luật phát sinh, phát triển, tồn tại của đời sống đạo đức con người và xã hội. Nó xác lập nên hệ thống những khái niệm, phạm trù, những chuẩn mực đạo đức cơ bản, làm cơ sở cho ý thức đạo đức và hành vi đạo đức của con người.

Giữa đạo đức và đạo đức học có sự khác biệt nhau. Đạo đức là tồn tại xã hội được

ý thức những giá trị khách quan của đời sống đạo đức của con người, trải qua các thời đại lịch sử và cuộc sống hiện thực, nó được phản ánh thành ý thức đạo đức. Còn đạo đức học

là khoa học nghiên cứu về đời sống đạo đức, là tri thức khoa học về đạo đức (bao hàm cả những cái đã biết và những cái đang tìm kiếm) của con người. Dù chúng có chung một đối tượng phản ánh tồn tại khách quan về các quan hệ đạo đức và thực tiễn đạo đức của con người, nhưng mỗi lĩnh vực có sự phản ánh khác nhau. Sự khác nhau giữa đạo đức học

và đạo đức chính là sự khác nhau giữa một khoa học với đối tượng của khoa học này.

Đạo đức học là một khoa học xã hội. Nó phản ánh những quan hệ xã hội hiện thực

từ bản thân cuộc sống con người. Trong cuộc sống con người phải ý thức được ý nghĩa hoạt động của mình, cần biết được những điều đã, đang và sẽ phải làm.

Đạo đức học thuộc ý thức xã hội, là một bộ phận của thế giới quan con người, vì vậy đạo đức học là một khoa học triết học, là triết học của đời sống thực tiễn.

Đạo đức học là trình độ phát triển cao của các tư tưởng đạo đức. Thường thì những trường phái triết học lớn đều hình thành nên một lý luận riêng của mình về đạo đức.

Ngày nay đạo đức học được nhiều khoa học nghiên cứu. Ngoài đạo đức, các khoa học khác cũng nghiên cứu như: dân tộc học, tâm lý học, xã hội học, giáo dục học, giá trị học... Tất nhiên, các khoa học này không nghiên cứu bản chất qui luật vận động và phát triển của đạo đức như là một hệ thống trọn vẹn thuộc kiến trúc thượng tầng xã hội, mà chủ yếu nghiên cứu đạo đức như là yếu tố hợp thành đối tượng của chúng, phù hợp với khả năng và nhiệm vụ mà các khoa học này định ra.

6

Đạo đức học Mác - Lênin nghiên cứu đạo đức như là một hệ thống trọn vẹn có logic vận động và phát triển của riêng mình, có “cuộc sống” riêng của mình với những quy luật đặc thù, với những hình thức và chất lượng khác nhau phụ thuộc điều kiện thời

đại và các cộng đồng khác nhau. Đồng thời, nó còn nghiên cứu đạo đức cộng sản chủ nghĩa - đạo đức của giai cấp công nhân cách mạng, luận chứng cho vai trò cải tạo cách mạng của đạo đức này.

“Đạo đức học Mác - Lênin là khoa học về bản chất của đạo đức, về các qui luật xuất hiện và phát triển lịch sử của đạo đức, đặc biệt là của đạo đức cộng sản, về chức năng đặc trưng của đạo đức, về các giá trị đạo đức của đời sống xã hội”.

Ở đây các giá trị đạo đức được sáng tạo ra không chỉ tồn tại trong ý thức mà điều quan trọng phải được thể hiện trong đời sống xã hội. Vì vậy, đạo đức học Mác - Lênin nghiên cứu không chỉ ý thức đạo đức, quan hệ đạo đức mà còn nghiên cứu cả thực tiễn đạo đức.

2. Nhiệm vụ.

Cũng như bất cứ một khoa học nào khác, đạo đức học Mác - Lênin có nhiệm vụ nhận thức đối tượng và trên cơ sở nhận thức ấy góp phần biến đổi, cải tạo đối mới đối tượng phù hợp với nhu cầu của tiến bộ xã hội cụ thể là:

- Thứ nhất, xác định ranh giới giữa sự khác nhau về bản chất của quan hệ đạo đức

so với các quan hệ xã hội khác. Thực chất là làm rõ nội dung và yêu cầu của những quan

hệ đạo đức chứa đựng trong các quan hệ xã hội khác. Trong hiện thực, đạo đức không biểu hiện ra như những quan hệ thuần túy, mà chứa đựng, “tiềm ẩn” trong các quan hệ xã hội khác như: quan hệ kinh tế, chính trị... và những quan hệ trong những cộng đồng người khác nhau: dân tộc, tập thể, gia đình,... Vì thế đạo đức học Mác - Lênin cần làm sáng tỏ nội dung và yêu cầu đạo đức trong các quan hệ ấy.

- Thứ hai, đạo đức học Mác - Lênin vạch ra tính tất yếu nguồn gốc, bản chất đặc trưng và chức năng của đạo đức trong đời sống xã hội, nêu lên con đường hình thành và phát triển của đạo đức. Đồng thời nó tái tạo lại đời sống đạo đức dưới hình thức lý luận và

đạt tới trình độ nhất định. Việc đặt ra và giải quyết nhiệm vụ này, xét đến cùng được qui

định bởi thực tiễn xã hội, bởi những nhu cầu của tiến bộ xã hội và tiến bộ đạo đức.

- Thứ ba, góp phần hình thành đạo đức trong đời sống xã hội, nó khẳng định những

giá trị của đạo đức cộng sản đồng thời phê phán, đấu tranh chống lại những khuynh hướng, tàn dư đạo đức cũ, những biểu hiện đạo đức không lành mạnh, đi ngược lại lợi ích chân chính của con người. Để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu của mình, đạo đức học phân ra những chuyên ngành như: đạo đức học chuẩn mực, đạo đức học nghề nghiệp, lịch sử đạo

7

đức học, triết học đạo đức. Khi giải quyết nhiệm vụ trên, đạo đức học Mác - Lênin mang bản chất khoa học và cách mạng. Bởi vì những tri thức của nó là chân lý, nó là công cụ không thể thiếu trong sự nghiệp giáo dục đạo đức nói riêng và giáo dục con người mới nói chung.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA ĐẠO ĐỨC HỌC MÁC - LÊNIN.

Mỗi khoa học đều có khách thể và đối tượng nghiên cứu của nó, nên chúng đều có phương pháp nghiên cứu nhất định.

- Trước hết, đạo đức học cũng như các khoa học khác, phải lấy từ phương pháp duy vật biện chứng và phương pháp duy vật lịch sử làm phương pháp nghiên cứu của mình. Nghĩa là, trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu đạo đức học, phải vận dụng triệt để, nhất quán những nguyên lý, qui luật của triết học Mác - Lênin, đặc biệt là phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử mới khắc phục được những hạn chế, những sai lầm của đạo đức học trước Mác. Đó là những sai lầm cực đoan của chủ nghĩa kinh nghiệm, chủ nghĩa duy lý, duy tâm thần học. Đạo đức học là môn khoa học xã hội vì thế nghiên cứu nó phải đặt trong mối quan hệ biện chứng với những thành tựu của các bộ môn khoa học xã hội khác như: Luật học, Mỹ học, Chính trị học, đặc biệt là giáo dục học, tâm lý học. Bởi vì các môn đó vừa là phương thức thực hiện những chức năng thực hành đạo đức, vừa là nguồn, bộ phận của đạo đức học.

- Hai là, phương pháp lịch sử, so sánh.

Đạo đức học là một phạm trù lịch sử, nó phát sinh, tồn tại, phát triển trong từng giai đoạn lịch sử xã hội nhất định. Do đó, quan niệm về đạo đức trong lịch sử phải được xem như những nấc thang giá trị nhất định của xã hội loài người. Nó luôn luôn bị phủ định, loại bỏ, kế thừa để phát triển không ngừng với sự tiến bộ xã hội nói chung. Mỗi hiện tượng đạo đức hiện thực có cội nguồn từ cơ sở của quá khứ, của một nền truyền thống lịch sử, đồng thời đạo đức hiện tại là tiền đề để phát triển trong tương lai, như là một quá trình phủ định biện chứng. Vì thế phương pháp lịch sử, so sánh giúp ta thấy được cái logic bản chất của hiện tượng đạo đức.

Tiếp tục và cụ thể hoá tư tưởng của Mác về tính quy định của cơ sở kinh tế đối với

ý thức xã hội nói chung và đạo đức nói riêng, Ăngghen đã luận chứng cho bản chất xã hội của đạo đức bằng cách chỉ ra tính thời đại, tính dân tộc và tính giai cấp của đạo đức.

8

Trong tác phẩm “Chống Duy- Rinh”, Ăngghen đã chỉ ra mối quan hệ của các thời

đại đối với các nguyên tắc, các chuẩn mực đạo đức với tính cách là biểu hiện về mặt đạo

đức của các thời đại kinh tế.

Phê phán quan niệm của Duy- Rinh về những chân lý đạo đức vĩnh cửu, Ăngghen

đã khẳng định rằng, thực chất và xét đến cùng, các nguyên tắc, các chuẩn mực, các quan điểm đạo đức chẳng qua chỉ là sản phẩm của các chế độ kinh tế, các thời đại kinh tế mà thôi. Lấy ví dụ về nguyên tắc không được ăn cắp, Ăngghen cho rằng đó không phải là một nguyên tắc, một chân lý vĩnh cửu gắn liền với bản chất trừu tượng của con người. Nguyên

tắc này có cơ sở kinh tế của nó và nó sẽ mất ý nghĩa khi cơ sở kinh tế của nó không còn nữa. Ông viết: “*Từ khi sở hữu tư nhân về động sản phát triển thì tất cả các xã hội có chế*

độ sở hữu tư nhân ấy, tất phải có một lời răn chung về đạo đức: không được trộm cắp”(1).

Vậy là chỉ từ khi có sở hữu tư nhân, người ta mới yêu cầu bảo vệ nó. Trước khi có sở hữu

tư nhân, không thể có nguyên tắc đạo đức không được trộm cắp. Cũng như vậy, “*trong một xã hội mà mọi động cơ trộm cắp bị loại trừ*” nghĩa là trong xã hội cộng sản chủ nghĩa, lời răn đạo đức đó sẽ không có ý nghĩa nữa.

Tính quy định của thời đại đối với đạo đức cho ta quan niệm khoa học về loại hình

đạo đức. Mặc dù đạo đức có quy luật vận động nội tại, có sự kế thừa, có sự lệch pha nào

đó đối với cơ sở sản sinh ra nó nhưng về căn bản, tương ứng với mỗi chế độ kinh tế, mỗi phương thức sản xuất và do đó mỗi hình thái kinh tế - xã hội là một hình thái đạo đức nhất định. Đạo đức nguyên thủy, đạo đức chiếm hữu nô lệ, đạo đức phong kiến, đạo đức

tư sản và sau đó, đạo đức cộng sản chủ nghĩa là những thời đại tiến triển dần dần của đạo

đức nhân loại.

Cùng với tính thời đại, tính dân tộc là một trong những biểu hiện bản chất xã hội của đạo đức. Có thể nhìn nhận tính dân tộc như là sự biểu hiện đặc thù tính thời đại của đạo đức trong các dân tộc khác nhau. Không phải các học thuyết đạo đức trước Mác không thấy sự khác biệt trong đời sống đạo đức của các dân tộc. Có điều, việc giải thích

sự khác biệt ấy, hoặc là dựa trên cơ sở tôn giáo hoặc là dựa trên các quan niệm duy tâm triết học nên không đúng đắn...

Coi đạo đức như là một hình thái ý thức xã hội, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã đặt cơ sở khoa học cho việc luận chứng tính dân tộc của đạo đức. Là một hình thái ý thức xã hội, ý thức đạo đức vừa bị quy định bởi tồn tại xã hội, vừa chịu ảnh hưởng của các hình thái ý thức xã hội khác (chính trị, triết học, tôn giáo, nghệ thuật...). Tổng thể những nhân tố ấy trong mỗi dân tộc là sự khác biệt nhau làm thành cái mà ngày nay chúng ta gọi là bản sắc dân tộc. Bản sắc ấy được phản ánh vào đạo đức tạo nên tính độc đáo của các quan niệm, các chuẩn mực, cách ứng xử đạo đức, nghĩa là tạo nên tính độc

9

đáo trong đời sống đạo đức của mỗi dân tộc, nhìn nhận tính độc đáo và sự khác biệt ấy về

mặt dân tộc trong cặp khái niệm cơ bản của đạo đức, cặp khái niệm thiện – ác, Ăngghen

chỉ ra sự biến đổi của chúng qua các thời đại và dân tộc. Ông viết: *“Từ dân tộc này sang dân tộc khác, từ thời đại này sang thời đại khác, những quan niệm về thiện và ác đã biến đổi nhiều đến mức chúng thường trái ngược hẳn nhau”*⁽¹⁾.

Luận chứng cho bản chất xã hội của đạo đức, Mác và Ăngghen đặc biệt chú ý đến tính giai cấp của đạo đức. Trong *“Chống Duy - Rinh”*, Ăngghen nhận xét rằng: *“Cho tới nay, xã hội đã vận động trong những sự đối lập giai cấp, cho nên đạo đức cũng luôn luôn*

là đạo đức của giai cấp”⁽²⁾.

Trong xã hội có giai cấp và đối kháng giai cấp, mỗi giai cấp có vai trò, địa vị khác nhau trong hệ thống kinh tế, xã

hội, và do đó mà họ có các lợi ích khác nhau và đối nghịch nhau. Đạo đức với tư cách là hình thái ý thức xã hội đã phản ánh và khẳng định lợi

ích của mỗi giai cấp. Ý thức đạo đức giúp mỗi giai cấp hiểu được lợi ích của nó, hiểu được những cách thức, biện pháp bảo vệ và khẳng định lợi ích giai cấp. Mặt khác, mỗi giai cấp đều sử dụng đạo đức của mình như là công cụ bảo vệ lợi ích của mình. Như vậy, tính giai cấp của đạo đức là sự phản ánh và thể hiện lợi ích của các giai cấp. Tính giai cấp của đạo đức là biểu hiện đặc trưng của bản chất xã hội của đạo đức trong xã hội có giai cấp và đối kháng giai cấp. (Vì xã hội là quan hệ người - người, những quan hệ người - người không trừu tượng mà gắn với những quan hệ kinh tế - xã hội).

Mỗi giai cấp có những lợi ích riêng do đó cũng có những quan niệm đạo đức, hệ thống đạo đức riêng. Những hệ thống đạo đức này có sự tác động khác nhau, triệt tiêu nhau (nếu đối kháng), do đó mà tác động hoặc tích cực hoặc tiêu cực đến sự phát triển và tiến bộ xã hội. Tuy nhiên, hệ thống đạo đức được áp đặt cho toàn xã hội bao giờ cũng là

hệ thống đạo đức của giai cấp thống trị, mặc dù, trong cuộc sống hàng ngày, mỗi giai cấp vẫn ứng xử theo những lợi ích trực tiếp của mình.

Do chiếm được địa vị thống trị trong đời sống xã hội, giai cấp thống trị đã làm cho

đạo đức của mình trở thành yếu tố thống trị trong đời sống xã hội.

Giai cấp thống trị nắm khâu tuyên truyền, điều khiển toàn bộ quá trình sản xuất tinh thần, trong đó có sản xuất các giá trị đạo đức phù hợp với lợi ích giai cấp của nó và buộc mọi thành viên trong xã hội phải tuân thủ những chuẩn mực đạo đức này. Từ đó, nó

trở thành cái phổ biến trong xã hội và được củng cố thành thói quen, phong tục, tâm lý. Vì vậy, nó có sức sống dai dẳng trong tâm lý xã hội và cá nhân.

Còn giai cấp bị trị, do bị tước đoạt mất những điều kiện và tư liệu sản xuất tinh thần, các giai cấp bị thống trị không thể phát triển đạo đức của mình ngang tầm với đạo đức của giai cấp thống trị. Hệ thống này luôn bị chèn ép và do đó kém phát triển. Đạo đức

10

của giai cấp bị trị không đủ điều kiện để ảnh hưởng đến toàn bộ các thành viên của giai cấp mình. Nó tồn tại như cái không chính thống, không phổ biến bằng đạo đức của giai cấp thống trị. Vì các giai cấp bị thống trị không có điều kiện để sản xuất, tuyên truyền và

sử dụng đạo đức của mình trên phạm vi toàn xã hội.

Trong xã hội có giai cấp, đạo đức mang tính giai cấp nhưng không phải vì vậy mà phủ nhận tính nhân loại chung của đạo đức.

Không nên thổi phồng tính nhân loại chung của đạo đức để đi đến những quan niệm sai lệch về đạo đức trừu tượng,

về đạo đức phổ biến phi lịch sử, chẳng có tác dụng

gì trong thực tiễn. Nhưng cũng không được phủ định tính nhân loại của đạo đức. Tính nhân loại của đạo đức tồn tại ở hình thức thấp là biểu hiện ở những quy tắc đơn giản, thông thường nhưng lại cần thiết để bảo đảm trật tự bình thường cho cuộc sống hàng ngày của con người. Biểu hiện cao hơn trong tính nhân loại của đạo đức lại ở những giá

trị đạo đức tiến bộ nhất trong từng giai đoạn phát triển lịch sử những giá trị đạo đức này thường thường là những giá trị đạt được ở các giai cấp tiến bộ nhất trong từng giai đoạn phát triển của lịch sử nhân loại. Đi đến tột đỉnh các giá trị đạo đức của các giai cấp tiến

bộ của từng thời kỳ lịch sử, nhân loại sẽ bắt gặp đạo đức của mình tương ứng với các thời kỳ lịch sử đó.

BÀI 2

NGUỒN GỐC, BẢN CHẤT, CHỨC NĂNG VÀ VAI TRÒ CỦA ĐẠO ĐỨC

I. NGUỒN GỐC CỦA ĐẠO ĐỨC.

1. Các quan niệm trước Mác về nguồn gốc của đạo đức.

Trước Mác, Ăngghen, những nhà triết học (kể cả duy tâm và duy vật) đều rơi vào quan niệm duy tâm khi xem xét vấn đề xã hội và đạo đức. Họ không thấy được tính quy định của nhân tố kinh tế đối với sự vận động của xã hội nói chung và đạo đức nói riêng.

Do vậy, đạo đức với tính cách là một lĩnh vực hoạt động đặc thù của con người, của xã hội được nhìn nhận một cách tách rời cơ sở kinh tế - xã hội sinh ra và quy định nó. Các nhà triết học, đạo đức trước Mác đã tìm nguồn gốc, bản chất của đạo đức hoặc ở ngay chính bản tính của con người, hoặc ở một bản thể siêu nhiên bên ngoài con người, bên ngoài xã hội. Nét chung của các lý thuyết này là không coi đạo đức phản ánh cơ sở xã hội, hiện thực khách quan.

Các nhà triết học – thần học coi con người và xã hội chẳng qua chỉ là những hình thái biểu hiện cụ thể khác nhau của một đấng siêu nhiên nào đó. Những chuẩn mực đạo đức, do vậy là những chuẩn mực do thần thánh tạo ra để răn dạy con người. Mọi biểu hiện đạo đức của con người do vậy đều là sự thể hiện cái thiện tối cao từ đấng siêu nhiên; và tiêu chuẩn tối cao để thẩm định thiện – ác chính là sự phán xét của đấng siêu nhiên đó.

Những nhà duy tâm khách quan tiêu biểu như Platon, sau là Hêghen tuy không mượn tới thần linh, nhưng lại nhờ tới “ý niệm” hoặc “ý niệm tuyệt đối”, về các lý giải nguồn gốc và bản chất đạo đức suy cho cùng, cũng tương tự như vậy. Những nhà duy tâm chủ quan nhìn nhận đạo đức như là những năng lực “tiên thiên” của lý trí con người.

Ý chí đạo đức hay là “thiện ý” theo cách gọi của Cantor, là một năng lực có tính nhất thành

bất biến, có trước kinh nghiệm, nghĩa là có trước và độc lập với những hoạt động với những hoạt động mang tính xã hội của con người.

Những nhà duy vật trước Mác, mà tiêu biểu là L.Phoi-ơ-bắc đã nhìn thấy đạo đức trong quan hệ con người, người với người. Nhưng với ông, con người chỉ là một thực thể trừu tượng, bất biến, nghĩa là con người ở bên ngoài lịch sử, đứng trên giai cấp, dân tộc và thời đại.

Những người theo quan điểm Đắc-Uyn xã hội đã tầm thường hóa chủ nghĩa duy

vật bằng cách cho rằng những phẩm chất đạo đức của con người là đồng nhất với những bản năng bầy đàn của động vật. Đối với họ, đạo đức về thực chất cũng chỉ là những năng lực được đem lại từ bên ngoài con người, từ xã hội.

2. Quan niệm mácxít về nguồn gốc của đạo đức.

Quan niệm khoa học về nguồn gốc của đạo đức là quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Khác với tất cả các quan niệm trên, Mác, Ăngghen đã quan niệm đạo đức nảy sinh

do nhu cầu của đời sống xã hội, là kết quả của sự phát triển lịch sử.

Theo Mác, Ăngghen, con người khi sống phải có “quan hệ song trùng”. Một mặt, con người quan hệ với tự nhiên, tác động vào tự nhiên để thỏa mãn cuộc sống của mình.

Tự nhiên không thỏa mãn con người, điều đó buộc con người phải xông vào tự nhiên để thỏa mãn mình. Mặt khác, khi tác động vào tự nhiên, con người không thể đơn độc, con người phải quan hệ với con người để tác động vào tự nhiên. Sự tác động lẫn nhau giữa người và người là hệ quả của hoạt động vật chất và hoạt động tinh thần mà cơ bản là hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức.

Khi bàn về vai trò của lao động đối với sự hình thành, tồn tại và phát triển của xã hội loài người, Mác, Ăngghen cho rằng “lao động là điều kiện cơ bản đầu tiên của toàn bộ đời sống loài người” (Mác, Ăngghen, toàn tập, T 20, NXB CTQG. H 1994, tr 641). Rằng

“người ta phải ăn, ở, mặc, đi lại trước khi làm chính trị, khoa học, nghệ thuật...”. Xuất phát từ con người thực tiễn, chứ không phải con người thuần túy ý thức hay con người sinh học, hai ông đi đến quan niệm về phương thức sản xuất quyết định đối với toàn bộ các hoạt động của con người, xã hội loài người. Trong “Lời tựa” của tác phẩm “Góp phần phê phán chính trị - kinh tế học”, Mác viết: “Phương thức sản xuất đời sống vật chất quyết định quá trình sinh hoạt xã hội, chính trị và tinh thần nói chung. Không phải ý thức của con người quyết định sự tồn tại của họ; trái lại chính sự tồn tại xã hội của họ quyết định ý thức của họ” (Mác, Ăngghen toàn tập, T13, NXBCTQG H1993, tr 15). Luận điểm này chính là chìa khóa để khám phá tất cả các hiện tượng xã hội trong đó có đạo đức.

Như vậy, đạo đức không là sự biểu hiện của một sức mạnh nào đó ở bên ngoài xã hội, bên ngoài các quan hệ con người; cũng không phải là sự biểu hiện của những năng lực “tiên thiên”, nhất thành bất biến của con người. Với tư cách là sự phản ánh tồn tại xã hội, đạo đức là sản phẩm của những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội, của cơ sở kinh tế. “Xét cho cùng, mọi học thuyết về đạo đức đã có từ trước đến nay đều là sản phẩm của tình hình kinh tế của xã hội lúc bấy giờ” (Mác, Ăngghen toàn tập, T20, NXBCTQG, H1994, tr 137).

Những phong tục đạo đức của người nguyên thủy, đời sống của xã hội văn minh là sản phẩm của hoạt động thực tiễn và các hoạt động nhận thức của xã hội đó. Sự phát triển

từ phong tục đạo đức của người nguyên thủy đến ý thức đạo đức của xã hội văn minh là

kết quả của sự phát triển từ thấp đến cao của hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức của con người.

Xã hội Cộng sản nguyên thủy là bước đầu tiên con người thoát khỏi trạng thái động vật. Hoạt động thực tiễn của xã hội hết sức thấp kém, chưa tạo nên sản phẩm thặng dư, và do đó, tư hữu và chế độ tư hữu chưa có tiền đề khách quan để xuất hiện. Trong xã hội chưa có hiện tượng áp bức xã hội, nhưng con người vẫn bị nô dịch bởi những lực lượng tự phát của tự nhiên. Tuy nhiên, xã hội nguyên thủy đã đem lại nội dung “ngây thơ” “thuần phác” nhưng “tốt đẹp thơ mộng” cho đạo đức người nguyên thủy. Đạo đức này chưa biết nói đến thói xấu, cái ác trong xã hội văn minh. Đây là “ý thức bày đàn đơn thuần” của “bản năng được ý thức”. Ý thức đạo đức chưa tách ra thành hình thái độc lập.

Đạo đức của con người nguyên thủy là hình thái sinh thành trừu tượng của đạo

đức. Hình thái của nó cũng trừu tượng và không có tính duy lý.

Những hình thái kinh tế - xã hội có đối kháng giai cấp tạo nên những cơ sở kinh tế,

xã hội và tinh thần cho sự phát triển ý thức đạo đức. Những hệ thống đạo đức của các giai cấp khác nhau và đối nghịch nhau đều lấy “những quan niệm đạo đức của mình từ những quan hệ thực tiễn đang làm cơ sở cho vị trí giai cấp của mình, tức là từ những quan hệ kinh tế trong đó người ta sản xuất và trao đổi” (Mác, Ăngghen toàn tập T 20, CTQA H

1994 tr136) Những hệ thống đạo đức đó phản ánh và điều chỉnh những quan hệ xã hội đa dạng, phong phú và phức tạp, trong khi ý thức nói chung và đạo đức nói riêng của người nguyên thủy chỉ phản ánh hoàn cảnh gần nhất có thể cảm giác được. Đạo đức đã tự khẳng định mình là một hình thái ý thức xã hội, là lĩnh vực sản xuất tinh thần của xã hội. Đây là một bước tiến, làm đạo đức phát triển so với xã hội nguyên thủy. Tuy nhiên, bước phát triển này cũng làm nảy sinh những cái ác, tham lam, ích kỷ, lừa dối... mà loài người phải đấu tranh hàng ngàn năm nay để chống lại nó.

Về mặt hình thức, đạo đức của xã hội văn minh đã phát triển vượt bậc. Do nhận thức của loài người vượt bỏ tư duy cụ thể, chuyển sang xây dựng lý luận... Nội dung đạo đức được thể hiện dưới hình thức kinh nghiệm, khái niệm, lý tưởng, chuẩn mực và đánh

giá đạo đức, do đó đạo đức ngày càng phát triển về cấu trúc. Và đến lượt mình, sự hoàn thiện cấu trúc làm cho phản ánh và điều chỉnh đạo đức trở nên sâu sắc, tự giác. Nội dung của đạo đức được thể hiện dưới những hình thức cụ thể.

Tuy nhiên, trong xã hội có giai cấp, nội dung và hình thức của đạo đức phát triển nhưng chưa thật nhân đạo, chưa hoàn thiện. Sự hoàn thiện của nội dung đạo đức (thật sự

nhân đạo) chỉ có thể đạt được khi con người chiến thắng được tình trạng đối kháng giai cấp và tạo ra những điều kiện để có thể “quên được tình trạng đối kháng giai cấp”. Điều kiện đó chỉ có thể bắt đầu có được bằng đạo đức cộng sản trong xã hội cộng sản mà giai đoạn đầu là xã hội xã hội chủ nghĩa. Sự hoàn thiện đạo đức được bắt đầu

từ đạo đức của giai cấp công nhân “có nhiều nhân tố hứa hẹn” để dẫn tới một kiểu đạo đức “thật sự có tính nhân đạo”. Như vậy, xã hội cộng sản nguyên thủy với trình độ bắt đầu làm nảy sinh đạo đức do hoạt động thực tiễn và nhận thức đã phát triển đạo đức. Xã hội cộng sản chủ nghĩa trong tương lai mà hiện thực hôm nay đang bắt đầu xây dựng sẽ hoàn thiện đạo đức cả về nội dung lẫn hình thức.

Như vậy, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, đạo đức sinh ra trước hết là

từ nhu cầu phối hợp hành động trong lao động sản xuất vật chất, trong đấu tranh xã hội, trong phân phối sản phẩm để con người tồn tại và phát triển. Cùng với sự phát triển của sản xuất, các quan hệ xã hội, hệ thống các quan hệ đạo đức, ý thức đạo đức, hành vi đạo đức cũng theo đó mà ngày càng phát triển, ngày càng nâng cao, phong phú, đa dạng và phức tạp.

Đạo đức là sản phẩm tổng hợp của các yếu tố khách quan và chủ quan, là sản phẩm của hoạt động thực tiễn và nhận thức của con người. Những quan hệ người – người, cá nhân - xã hội càng có ý thức, tự giác, ý nghĩa và hiệu quả của chúng càng có tính chất xã hội rộng lớn thì hoạt động của con người càng có đạo đức. Đạo đức “đã là một sản phẩm

xã hội, và vẫn là như vậy chừng nào con người còn tồn tại” (Mác, Ăngghen toàn t T3, CTQG, H 1995, tr 43)

II. BẢN CHẤT CỦA ĐẠO ĐỨC.

Như ở phần trên đã trình bày, quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin về nguồn gốc của đạo đức đã khẳng định đạo đức không phải từ sự “tiên nghiệm” càng không phải là lực lượng từ bên ngoài ấn vào xã hội, đạo đức là sản phẩm của xã hội.

Đạo đức là lĩnh vực của quan hệ thật sự con người. Trong khi phát triển với tính cách là thực thể xã hội, con người lựa chọn và chịu trách nhiệm với sự lựa chọn, với hậu quả của những sự lựa chọn đối với hành vi ứng xử người - người. Tự do lựa chọn và sự lựa chọn có trách nhiệm nảy sinh trong quan hệ người - người, trong quan hệ cá nhân và

xã hội. Mỗi người chấp nhận kiểm tra những yêu cầu của xã hội để nhận được sự đánh giá, sự ủng hộ của xã hội. Còn xã hội thì với những chuẩn mực của nó, yêu cầu các cá nhân điều chỉnh các hành vi phù hợp với lợi ích của xã hội.

Với tính cách là sự phản ánh tồn tại xã hội, đạo đức mang bản chất xã hội. Bản chất xã hội của đạo đức được hiểu theo nghĩa:

- Nội dung của đạo đức là do hoạt động thực tiễn và tồn tại xã hội quyết định.

- Nhận thức xã hội đem lại các hình thức cụ thể của phản ánh đạo đức, làm cho

đạo đức, tồn tại như một lĩnh vực độc lập về sản xuất tinh thần của xã hội.

- Sự hình thành, phát triển, hoàn thành bản chất xã hội của đạo đức được qui định bởi trình độ phát triển và hoàn thiện của thực tiễn và nhận thức xã hội của con người. Nói cách khác, nội dung khách quan của các quan niệm, quan điểm, các nguyên tắc, các chuẩn mực đạo đức chính là biểu hiện của trạng thái, một trình độ phát triển nhất định của những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội, của cơ sở kinh tế.

Việc khẳng định tính qui định của cơ sở kinh tế đối với đạo đức cho phép nhìn nhận sự biến đổi của đạo đức theo sự biến đổi của cơ sở kinh tế. Phân tích mối quan hệ giữa cơ sở kinh tế với kiến trúc thượng tầng mà trong đó đạo đức là một yếu tố của nó, Mác viết: “ Cơ sở kinh tế thay đổi thì toàn bộ cái kiến trúc thượng tầng đồ sộ cũng bị đảo lộn ít nhiều nhanh chóng”

Tiếp tục và cụ thể hoá tư tưởng của Mác về tính qui định của cơ sở kinh tế đối với ý thức xã hội nói chung và đạo đức nói riêng, Ăngghen đã luận chứng cho *bản chất xã hội của đạo đức bằng cách chỉ ra tính thời đại, tính dân tộc và tính giai cấp của đạo đức.*

Trong tác phẩm “ Chống Duy- Rinh” Ăngghen đã chỉ ra mối quan hệ của các thời

đại đối với các nguyên tắc, các chuẩn mực đạo đức với tính cách là *biểu hiện về mặt đạo*

đức của các thời đại kinh tế.

Phê phán quan điểm của Đuyrinh về những chân lý đạo đức vĩnh cửu, Ăngghen đã khẳng định rằng, thực chất và xét đến cùng, các nguyên tắc, các chuẩn mực, các quan điểm đạo đức chẳng qua là sản phẩm của các chế độ kinh tế, các thời đại kinh tế mà thôi. Lấy ví dụ về nguyên tắc không được ăn cắp, Ăngghen cho rằng đó không phải là một nguyên tắc, một chân lý vĩnh cửu gắn liền với bản chất trừu tượng của con người. Nguyên

tắc này có cơ sở kinh tế của nó và nó sẽ mất ý nghĩa khi cơ sở kinh tế của nó không còn nữa. Ông viết: “ Từ khi sở hữu tư nhân về động sản phát triển thì tất cả các xã hội có chế

độ sở hữu tư nhân ấy, tất phải có một lời răn chung về đạo đức: không được trộm cắp”. Vậy, là chỉ từ khi có sở hữu tư nhân, người ta mới yêu cầu bảo vệ nó. Trước khi có sở hữu

tư nhân, không thể có nguyên tắc đạo đức không được trộm cắp. Cũng như vậy, “ trong một xã hội mà mọi động cơ trộm cắp bị loại trừ” nghĩa là trong xã hội cộng sản chủ nghĩa,

lời răn đạo đức đó sẽ không có ý nghĩa nữa.

Tính qui định của thời đại đối với đạo đức cho ta quan niệm khoa học về loại hình

đạo đức. Mặc dù đạo đức có qui luật vận động nội tại, có sự kế thừa, có sự lệch pha nào

đó đối với cơ sở sản sinh ra nó nhưng về căn bản, tương ứng với một chế độ kinh tế, mỗi

phương thức sản xuất và do đó mỗi hình thái kinh tế - xã hội là một hình thái đạo đức nhất định. Đạo đức nguyên thủy, đạo đức chiếm hữu nô lệ, đạo đức phong kiến, đạo đức tư sản và sau đó, đạo đức Cộng sản chủ nghĩa là những thời đại tiến triển dần dần của đạo

đức nhân loại.

Cùng với tính thời đại, tính dân tộc là một trong những biểu hiện bản chất xã hội của đạo đức. Có thể nhìn nhận tính dân tộc như là sự biểu hiện đặc thù tính thời đại của đạo đức trong các dân tộc khác nhau. Không phải các học thuyết đạo đức trước Mác không thấy sự khác biệt trong đời sống đạo đức của các dân tộc. Có điều, việc giải thích

sự khác biệt ấy hoặc là dựa trên cơ sở tôn giáo hoặc là dựa trên các quan niệm duy tâm triết học nên không đúng đắn...

Coi đạo đức như là một hình thái ý thức xã hội, các nhà kinh điển của Chủ nghĩa Mác đã đặt cơ sở khoa học cho việc luận chứng tính dân tộc của đạo đức. Là một hình thái ý thức xã hội, ý thức đạo đức vừa bị qui định bởi tồn tại xã hội, vừa chịu ảnh hưởng của các hình thái ý thức xã hội khác (chính trị, triết học, nghệ thuật, tôn giáo ...). Tổng

thể những nhân tố ấy trong mỗi dân tộc là sự khác biệt nhau, làm thành cái mà ngày nay chúng ta gọi là bản sắc dân tộc. Bản sắc ấy được phản ánh vào đạo đức nên tính độc đáo của các quan niệm, các chuẩn mực, cách ứng xử đạo đức, nghĩa là tạo nên tính độc đáo trong đời sống đạo đức của mỗi dân tộc. Nhìn nhận tính độc đáo và sự khác biệt ấy về mặt dân tộc trong cặp khái niệm cơ bản của đạo đức, cặp khái niệm thiện-ác, Ph. Angghen

chỉ ra sự biến đổi của chúng qua các thời đại và dân tộc. Ông viết: “Từ dân tộc này sang dân tộc khác, từ thời đại này sang thời đại khác, những quan niệm về thiện và ác đã biến đổi nhiều đến mức chúng thường trái ngược hẳn nhau”.

Trong xã hội có giai cấp và đối kháng giai cấp, mỗi giai cấp có vai trò, địa vị khác nhau trong hệ thống kinh tế, xã hội và do đó mà họ có các lợi ích khác và đối nghịch nhau. Đạo đức với tư cách là hình thái ý thức xã hội đã phản ánh và khẳng định lợi ích của mỗi giai cấp. Ý thức đạo đức giúp mỗi giai cấp hiểu được lợi ích của nó, hiểu được những cách thức, biện pháp bảo vệ và khẳng định lợi ích giai cấp. Mặt khác, mỗi giai cấp đều sử dụng đạo đức của mình như là công cụ bảo vệ lợi ích của mình. Như vậy, tính giai cấp của đạo đức là sự phản ánh và sự thể hiện lợi ích của các giai cấp. Tính giai cấp của đạo đức là biểu hiện đặc trưng của bản chất xã hội của đạo đức trong xã hội có giai cấp.

(vì xã hội là quan hệ người – người, quan hệ người – người không trừu tượng mà gắn với những quan hệ kinh tế - xã hội).

Mỗi giai cấp có những lợi ích riêng đó nó cũng có những quan niệm đạo đức, hệ thống đạo đức riêng. Những hệ thống đạo đức này có sự tác động khác nhau, triệt tiêu nhau (nêu đối kháng), do đó mà tác động hoặc tích cực hoặc tiêu cực đến sự phát triển và

tiến bộ xã hội. Tuy nhiên, hệ thống đạo đức được áp đặt cho toàn xã hội bao giờ cũng là

hệ thống đạo đức của giai cấp thống trị, mặc dù, trong cuộc sống hàng ngày, mỗi giai cấp vẫn ứng xử theo những lợi ích trực tiếp của mình.

Do chiếm được địa vị thống trị trong đời sống xã hội, giai cấp thống trị đã làm cho

đạo đức của mình trở thành yếu tố thống trị trong đời sống xã hội.

Giai cấp thống trị nắm khâu tuyên truyền điều khiển toàn bộ quá trình sản xuất tinh thần, trong đó có sản xuất các giá trị đạo đức phù hợp với lợi ích giai cấp của nó, và buộc mọi thành viên trong xã hội phải tuân thủ những chuẩn mực đạo đức này. Từ đó, nó trở thành cái phổ biến trong xã hội và được củng cố thành thói quen, phong tục, tâm lí. Vì vậy, nó có sức sống dai dẳng trong tâm lí xã hội và cá nhân.

Còn giai cấp bị trị, do bị tước đoạt mất những điều kiện và tư liệu sản xuất tinh thần các giai cấp bị thống trị không thể phát triển đạo đức của mình ngang tầm với đạo đức của giai cấp thống trị. Hệ thống này luôn bị chèn ép và do đó kém phát triển. Đạo đức của giai cấp bị trị không đủ điều kiện để ảnh hưởng đến toàn bộ các thành viên của giai cấp mình. Nó tồn tại như cái không chính thống, không phổ biến bằng đạo đức của giai cấp thống trị. Vì các giai cấp thống trị không có điều kiện để sản xuất, tuyên truyền

và sử dụng đạo đức của mình trên phạm vi toàn xã hội.

Trong xã hội có giai cấp, đạo đức mang tính giai cấp nhưng không phải vì vậy mà phủ nhận tính nhân loại chung của đạo đức.

Không thể thổi phồng tính nhân loại chung của đạo đức để đi đến những quan niệm sai lệch

về đạo đức trừu tượng, về đạo đức phổ biến phi lịch sử, chẳng có tác dụng gì trong thực tiễn. Nhưng cũng không được phủ nhận tính nhân loại của đạo đức. Tính nhân loại của đạo đức tồn tại ở hình thức thấp là biểu hiện của những quy tắc đơn giản, thông thường nhưng lại cần thiết để bảo đảm trật tự bình thường cho cuộc sống hàng ngày của con người. Biểu hiện cao hơn trong tính nhân loại của đạo đức lại ở những giá trị đạo đức tiến bộ nhất trong từng giai đoạn phát triển của lịch sử những giá trị đạo đức này thường thường là những giá trị đạt được ở giai cấp tiến bộ nhất trong từng giai đoạn phát triển của lịch sử nhân loại. Đi đến tột đỉnh các giá trị đạo đức của giai cấp tiến bộ của từng thời kỳ lịch sử, nhân loại sẽ bắt gặp đạo đức của mình tương ứng với các thời kỳ lịch sử đó.

III. CHỨC NĂNG CỦA ĐẠO ĐỨC.

1.Chức năng điều chỉnh hành vi.

- Đạo đức là một phương thức điều chỉnh hành vi. Sự điều chỉnh hành vi làm cá nhân và xã hội cùng tồn tại và phát triển, bảo đảm quan hệ lợi ích cá nhân và cộng đồng.

Loài người sáng tạo ra nhiều phương thức điều chỉnh hành vi, trong đó có chính trị, pháp quyền và đạo đức...

- Chính trị điều chỉnh hành vi giữa các giai cấp, các dân tộc, các quốc gia bằng các biện pháp đặc trưng như ngoại giao, kinh tế, hành chính, bạo lực...

- Pháp quyền và đạo đức điều chỉnh hành vi trong quan hệ giữa các cá nhân với cộng đồng bằng các biện pháp đặc trưng là pháp luật và dư luận xã hội, lương tâm. Sự điều chỉnh này, có thể thuận chiều, có thể ngược chiều.

- Điều chỉnh hành vi của đạo đức và pháp quyền khác nhau ở mức độ đòi hỏi và phương thức điều chỉnh.

Pháp quyền thể hiện ra ở pháp luật, là ý chí của giai cấp thống trị buộc mọi người phải tuân theo. Những chuẩn mực của pháp luật được thực hiện bằng ngăn cấm và cưỡng bức (quyền lực công cộng cùng với đội vũ trang đặc biệt, quân đội, cảnh sát, toà án, nhà tù...). Pháp quyền là đạo đức tối thiểu của mỗi cá nhân sống trong cộng đồng.

Đạo đức đòi hỏi từ tối thiểu đến tối đa đối với các hành vi cá nhân. Phương thức điều chỉnh là bằng dư luận xã hội và lương tâm. Những chuẩn mực đạo đức bao gồm cả chuẩn mực ngăn cấm và cả chuẩn mực khuyến khích.

Chức năng điều chỉnh hành vi của đạo đức bằng dư luận xã hội và lương tâm đòi hỏi từ tối thiểu tới tối đa hành vi con người đã trở thành đặc trưng riêng để phân biệt đạo đức với các hình thái ý thức khác, các hiện tượng xã hội khác và làm thành cái không thể thay thế của đạo đức.

- Mục đích điều chỉnh: bảo đảm sự tồn tại và phát triển xã hội bằng tạo nên quan

hệ lợi ích cộng đồng và cá nhân theo nguyên tắc hài hòa lợi ích cộng đồng và cá nhân (và khi cần phải ưu tiên lợi ích cộng đồng).

- Đối tượng điều chỉnh: Hành vi cá nhân (trực tiếp) qua đó điều chỉnh quan hệ cá nhân với cộng đồng (gián tiếp).

- Cách thức điều chỉnh được biểu hiện: Lựa chọn giá trị đạo đức; xác định chương trình của hành vi bởi lý tưởng đạo đức; xác định phương án cho hành vi bởi chuẩn mực đạo đức; tạo nên động cơ của hành vi bởi niềm tin, lý tưởng, tình cảm của đạo đức, kiểm soát uốn nắn hành vi bởi dư luận xã hội.

Chức năng điều chỉnh hành vi được thực hiện bởi hai hình thức chủ yếu.

- Xã hội và tập thể tạo dư luận để khen ngợi khuyến khích cái thiện, phê phán mạnh mẽ cái ác.

- Bản thân chủ thể đạo đức tự giác điều chỉnh hành vi cơ sở những chuẩn mực đạo

đức xã hội.

2. Chức năng giáo dục.

Con người vươn lên “chân - thiện - mỹ”. Con người là sản phẩm của lịch sử, đồng thời là chủ thể của lịch sử. Con người tạo ra hoàn cảnh đến mức nào thì hoàn cảnh cũng tạo ra con người đến mức ấy.

Con người sinh ra bắt gặp hệ thống đạo đức của xã hội. Hệ thống ấy tác động đến con người và con người tác động lại hệ thống. Hệ thống đạo đức do con người tạo ra, nhưng sau khi ra đời hệ thống đạo đức tồn tại như là cái khách quan hoá tác động, chi phối con người.

Xã hội có giai cấp hình thành và tồn tại nhiều hệ thống đạo đức mà các cá nhân chịu sự tác động. Ở đây, môi trường đạo đức: tác động đến đạo đức cá nhân bằng nhận thức đạo đức và thực tiễn đạo đức. Nhận thức đạo đức để chuyển hoá đạo đức xã hội thành ý thức đạo đức cá nhân. Thực tiễn đạo đức là hiện thực hoá nội dung giáo dục bằng hành vi đạo đức. Các hành vi đạo đức lặp đi lặp lại trong đời sống xã hội và cá nhân làm cả đạo đức cá nhân và xã hội được củng cố, phát triển thành thói quen, truyền thống, tập quán đạo đức.

Hiệu quả giáo dục đạo đức phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội, cách thức tổ

chức, giáo dục mức độ tự giác của chủ thể và đối tượng giáo dục trong quá trình giáo dục.

- Giáo dục đạo đức gắn với tiến bộ đạo đức:

Nhân đạo hóa các quan hệ xã hội và mức độ phổ biến nhân đạo hóa các quan hệ xã hội; sự hoàn thiện của cấu trúc đạo đức và mức độ phổ biến của nó...sẽ giúp chủ thể lựa chọn, đánh giá đúng các hiện tượng xã hội, đánh giá đúng tư cách của người khác hay của cộng đồng cũng như tự đánh giá đúng thông qua mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ, nội dung, phương thức, hình thức và các bước đi của quá trình giáo dục sẽ giúp mỗi cá nhân và cả cộng đồng tạo ra các hành vi và thực tiễn đạo đức đúng.

Như vậy, chức năng giáo dục của đạo đức cần được hiểu một mặt “giáo dục lẫn nhau trong cộng đồng”, giữa cá nhân và cá nhân, giữa cá nhân và cộng đồng; mặt khác, là sự “tự giáo dục” ở các cấp độ cá nhân lẫn cấp độ cá nhân lẫn cấp độ cộng đồng.

3. Chức năng nhận thức.

Với tư cách là một hình thái ý thức xã hội, đạo đức có chức năng nhận thức thông qua sự phản ánh tồn tại xã hội.

20

Sự phản ánh của đạo đức với hiện thực có đặc điểm riêng khác với các hình thái ý thức khác.

Đạo đức là phương thức đặc biệt của sự chiếm lĩnh thế giới con người. Nếu xét dưới góc độ bản thể luận, đạo đức là hệ thống tinh thần, được quy định bởi tồn tại xã hội. Nhưng xét dưới góc độ xã hội học thì hệ thống tinh thần (nhận thức đạo đức) không tách

rời thực tiễn – hành động của con người. Do vậy, đạo đức là hiện tượng xã hội vừa mang tính tinh thần vừa mang tính hành động hiện thực.

Sự nhận thức của đạo đức có đặc điểm:

- Hành động đạo đức tiếp liền sau nhận thức giá trị đạo đức. Và đa số trường hợp

có sự hòa quyện ý thức đạo đức với hành động đạo đức. (Khác những khoa học và ứng dụng nghiên cứu thành tựu khoa học có khoảng cách về không gian và thời gian).

- Nhận thức của đạo đức là quá trình vừa hướng ngoại (hướng ra ngoài) và hướng nội (tự nhận thức – hướng vào chính mình, chính chủ thể).

Nhận thức hướng ngoại lấy chuẩn mực, giá trị, đời sống đạo đức của xã hội làm đối tượng. Đó là hệ thống giá trị thiện và ác, trách nhiệm và nghĩa vụ, hạnh phúc và ý nghĩa cuộc sống..., những “cách thức và phương tiện” tạo ra các giá trị đạo đức. Nhờ sự nhận thức này mà chủ thể nhận thức đã chuyển hóa đạo đức của xã hội như là cái chung thành ý thức đạo đức của cá nhân như là cái riêng.

Nhận thức hướng nội (tự nhận thức), lấy bản thân mình – chủ thể đạo đức – làm đối tượng nhận thức. Đây là quá trình tự đánh giá, tự thẩm định, tự đối chiếu những nhận thức, hành vi, đạo đức của mình với những chuẩn mực giá trị chung của cộng đồng. Từ cách nhận thức này mà chủ thể hình thành phát triển thành các quan điểm và nguyên tắc sống: sáng tạo hay chủ động, hy sinh hay hưởng thụ, vị tha hay vị kỷ, hướng thiện hay sa vào cái ác...

Trong tự nhận thức, vai trò của dư luận xã hội và lương tâm là to lớn. Dư luận xã hội là sự bình phẩm, đánh giá từ phía xã hội đối với chủ thể, còn lương tâm là sự phê bình. Cả hai đều giúp chủ thể tái tạo lại giá trị đạo đức của mình – giá trị mà xã hội mong muốn.

Từ nhận thức giúp chủ thể ý thức được trách nhiệm của mình và sẵn sàng để ho thành trách nhiệm đó. Trong cuộc sống có vô số những trách nhiệm như vậy. Nó luôn đặt ra trong quan hệ phong phú giữa chủ thể đạo đức với xã hội, gia đình, bạn bè, đồng chí, đồng đội, tập thể, dân tộc, gia cấp, tổ quốc.

Nhận thức đạo đức (đạo đức phản ánh hiện thực) ở hai trình độ : trình độ thông thường và trình độ lý luận.

21

Nhận thức đạo đức ở trình độ thông thường là ý thức thông thường, những giá trị riêng lẻ. Nó đáp ứng nhu cầu đạo đức thông thường đủ để chủ thể xử lý kịp thời trong cuộc sống và sự phát triển bình thường của xã hội. Mọi cá nhân đều có thể và cần phải ảnh hưởng đạo đức ở trình độ này.

Nhận thức đạo đức ở trình độ lý luận là những nhận thức có tính nguyên tắc được

chỉ đạo bởi những giá trị đạo đức có tính tổng quát. Trình độ này đáng ứng những đòi hỏi của sự phát triển đạo đức và tiến bộ xã hội. Đây là yếu tố không thể thiếu được trong hệ tư tưởng và hành vi của các gia cấp cầm quyền.

- Nhận thức đạo đức đưa lại tri thức đạo đức, ý thức đạo đức. Các cá nhân, nhờ

tri thức đạo đức, ý thức đạo đức xã hội đã nhận thức (trở thành đạo đức cá nhân). Cá nhân hiểu và tin ở các chuẩn mực, lý tưởng giá trị đạo đức xã hội trở thành cơ sở để cá nhân điều chỉnh hành vi, thực hiện đạo đức (hiện thực hóa đạo đức).

IV. VAI TRÒ CỦA ĐẠO ĐỨC.

Đạo đức có vai trò rất lớn trong đời sống xã hội, trong đời sống của con người, đạo đức là vấn đề thường xuyên được đặt ra và giải quyết nhằm đảm bảo cho cá nhân và cộng đồng tồn tại phát triển. Sống trong xã hội, người ta ai cũng phải suy nghĩ về những vấn đề đạo đức để tìm ra những con đường, cách thức và phương tiện hoạt động nhằm

kết hợp lợi ích của mình và cộng đồng, từ đó bảo đảm cho sự tồn tại, phát triển của chính mình và cộng đồng.

Trong sự vận động phát triển của xã hội loài người suy cho cùng nhân tố kinh tế

là cái chủ yếu quyết định. Tuy nhiên, nếu tuyệt đối hóa cái “chủ yếu” này thành cái “duy nhất” thì sẽ dẫn tư duy và hành động đến những lầm lạc đáng tiếc. Sự tiến bộ của xã hội,

sự phát triển của xã hội không thể thiếu vai trò của đạo đức. Và khi xã hội loài người có giai cấp, có áp bức, có bất công, chiến đấu cho cái thiện đẩy lùi cái ác đã trở thành ước mơ, khát vọng, đã trở thành chất men, thành động lực kích thích, cổ vũ nhân loại vượt lên, xốc lên. *Đạo đức đã trở thành mục tiêu đồng thời cũng là động lực để phát*

triển xã hội.

Vai trò của đạo đức còn được biểu hiện thông qua các chức năng cơ bản của đạo đức: Chức năng điều chỉnh hành vi, chức năng giáo dục, chức năng nhận thức như đã trình bày ở phần trên.

Ngày nay để xây dựng xã hội mới, chúng ta đang cần có những con người mới. Những con người phát triển toàn diện cả đức và tài. Tuy nhiên, cần chú ý trong quan hệ giữa đức và tài hôm nay, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn lưu ý, nhắc nhở chúng ta phải

coi trọng cả tài và đức nhưng phải lấy *đức là gốc*. Bởi lẽ tài năng chỉ có thể phát triển lâu bền trên nền của đức và tài năng chỉ có thể hướng thiện trên gốc của đức.

BÀI 3

**CÁC KIỂU ĐẠO ĐỨC TRONG LỊCH SỬ, QUAN HỆ GIỮA ĐẠO
ĐỨC VỚI CÁC HÌNH THÁI Ý THỨC XÃ HỘI KHÁC**

I. CÁC KIỂU ĐẠO ĐỨC TRONG LỊCH SỬ, TÍNH KẾ THỪA CỦA SỰ PHÁT TRIỂN ĐẠO ĐỨC.

Đạo đức là hình thái ý thức xã hội, là tổng hợp những nguyên tắc, qui định, chuẩn mực nhằm định hướng con người tới cái chân, cái thiện, cái mỹ, chống lại cái giả, cái ác, cái xấu...

Đạo đức nảy sinh do nhu cầu đời sống xã hội, là sản phẩm của lịch sử xã hội, do cơ sở kinh tế - xã hội quyết định.

Ngay từ chế độ cộng sản nguyên thủy ý thức của con người mong muốn đã được hình thành, từ đó được phát triển hoàn thiện dần trên cơ sở phát triển của hình thái kinh tế
- xã hội nối tiếp nhau từ thấp đến cao.

1. Đạo đức trong xã hội cộng sản nguyên thủy.

Ý thức đạo đức phụ thuộc vào những điều kiện sinh hoạt vật chất, phương thức tìm kiếm và phân phối những phúc lợi cần thiết đến trình độ thỏa mãn nhu cầu sinh hoạt của con người.

Dưới chế độ công xã nguyên thủy, dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. Tài sản cá nhân của người nguyên thủy chỉ là một số công cụ và đồ tiêu dùng của mỗi người chế tạo lấy.

Trong xã hội không có sự phân chia giai cấp, không có hiện tượng người bóc lột người, không có đầu óc làm giàu. Họ cùng nhau hái quả, đánh bắt cá, làm nhà, kỷ luật và quy tắc lao động được duy trì bằng sức mạnh của phong tục, tập quán, của dư luận xã hội, bằng uy tín và sự tôn kính đối với người tộc trưởng hay người phụ nữ.

Gắn liền với đời sống tinh thần là tôn giáo nguyên thủy, được sinh ra từ những hiểu biết hết sức mơ hồ, tối tăm và nguyên thủy của con người về bản thân họ và về tự nhiên bao quanh họ.

Tôn giáo nguyên thủy can thiệp vào toàn bộ hoạt động của công xã thị tộc và trở thành yếu tố cấu thành hoạt động thực tiễn và ý thức của người nguyên thủy. Trong những điều kiện đó, các dấu hiệu đạo đức xuất hiện.

Ví dụ: các qui định trong săn bắn (do kinh nghiệm đã tích lũy được) không những

có ý nghĩa đối với nhu cầu sinh sống, còn đối với các yêu cầu tương trợ, đoàn kết cộng

đồng cũng như việc giữ gìn tình ruột thịt trong thị tộc.

Như vậy, đạo đức ra đời rất sớm, xuất phát từ chính các hoạt động chung của thị

tộc với những chế độ tự nhiên của chúng. Nó có những đặc điểm sau:

- Tính cụ thể - cảm tính, trực quan và kinh nghiệm của đạo đức nguyên thủy.

Việc coi trọng, tuân thủ các hành vi giao tiếp, ứng xử và hoạt động cụ thể của cộng đồng là biểu hiện ý thức đạo đức của người nguyên thủy. Mọi thành viên thực hiện bất kỳ một hành vi đạo nào bao giờ cũng theo thói quen, đối với họ việc bắt chước các mẫu hoạt động đạo đức là một yêu cầu bắt buộc. Nhờ đó các tập quán, phong tục, các điều cấm kị,

lễ nghi, các định kiến, dư luận xã hội đã tồn tại rất dai dẳng trong các hiện tượng cụ thể -

cảm tính.

- Các bộ lạc còn lại đến nay ở Châu Mỹ, Châu Phi còn giữ nguyên truyền thống không cãi cọ nhau, biết nghe lời người lớn tuổi và xem đó là cái thiện. Ngược lại bất kỳ hành vi nào không theo đúng phong tục, tập quán đều bị xem là ác.

- Trình độ phát triển rất thấp về kinh tế - xã hội và văn hóa của con người nguyên thủy đã làm cho họ có một số đặc điểm gần giống như một loài động vật như hoạt động

ăn thịt người ở thời kỳ đầu của chế độ công xã nguyên thủy, hoạt động đó chỉ mất khi nền kinh tế và văn hóa của xã hội phát triển cao hơn, và chỉ đến đó nó mới trở thành một việc thất đức.

- Tính hợp tác, tính công bằng, thông cảm, tương trợ của đạo đức nguyên thủy.

Trong điều kiện sản xuất thấp kém, sự hợp tác là yếu tố hàng đầu tạo nên hiệu quả

trong lao động tập thể.

Sự hợp tác ở đây là hợp tác giản đơn trong điều kiện kinh tế tự nhiên chưa có sự

khác biệt giữa lợi ích cá nhân với cá nhân, cá nhân với cộng đồng.

Tính công bằng – bằng nhau không chỉ trong hưởng thụ mà còn trong tất cả quan

hệ khác. Tất cả những gì có ích cho bộ lạc được coi là điều thiện, có hại bị coi là điều ác.

25

Điều này tạo ra sự ổn định hợp lý và bình đẳng xã hội trong điều kiện con người chưa sản xuất ra sản phẩm dư thừa, đời sống còn quá thấp. Khả năng tồn tại của đạo đức giai cấp cũng như của đạo đức có ý nghĩa nhân loại phổ biến có cơ sở ở nguyên tắc này.

2. Đạo đức trong xã hội chiếm hữu nô lệ

Sự xuất hiện của giai cấp dẫn tới sự tan vỡ của ý thức đạo đức thống nhất trong nội

bộ cộng đồng xã hội. Nhưng so với chế độ công xã nguyên thủy, thì xã hội chiếm hữu nô

lệ tiến hơn một bậc.

Phù hợp với sức sản xuất tiến bộ hơn của chế độ chiếm hữu nô lệ là quan hệ sản xuất mới, mà cơ sở là chủ nô chiếm hữu tư liệu sản xuất và người nô lệ. Loài người đã bắt đầu hình thành một nền đạo đức mới. Cụ thể là:

- Tính chất đối kháng đạo đức:

Đó là đạo đức của nô lệ và đạo đức của chủ nô, hai nền đạo đức này đối lập với nhau về cơ bản. Những tư tưởng của giai cấp thống trị là những tư tưởng thống trị, giai cấp nào là lực lượng vật chất thống trị trong xã hội thì cũng là lực lượng tinh thần thống trị.

Tầng lớp người có đặc quyền, đặc lợi cho phép mình được là người “*có đức hạnh*,

người thượng lưu, quý tộc” còn những người nô lệ là những người “*không có phẩm hạnh, người thấp hèn, hạ đẳng*”.

Sự nô dịch của số ít (do giàu có mà trở thành mạnh) đối với số đông (do nghèo khổ

mà trở thành yếu) giờ đây được bảo đảm bởi một lực lượng xã hội mới – nhà nước, tình trạng bình đẳng nhường chỗ cho đẳng cấp. Nó quy định nội dung cơ bản của đạo đức, đẩy

tới hai cực đối lập gay gắt: chủ - tớ, trên - dưới, mệnh lệnh - phục tùng.

Tính chất đó quy định các nội dung khác nhau của quan niệm về tốt - xấu trong giai cấp này hay giai cấp kia. Cuộc sống tồi tệ chỉ được đánh giá ngang với giá trị của các vật dụng, các con vật.

Chế độ nô lệ dạy người nô lệ phải phục tùng tuyệt đối. Những đạo đức cao cả của người nô lệ như: lòng dũng cảm, chí khí, nhân phẩm... đã bị chủ nô xem như lời thách thức, sự bất kính.

- Tính mâu thuẫn của “*phẩm hạnh*” trong đạo đức chiếm hữu nô lệ:

Trong xã hội chiếm hữu nô lệ đạo đức của kẻ chiếm hữu nô lệ và đạo đức của người bị nô lệ tạo thành hai mặt của một mâu thuẫn lớn nhất, tập trung nhất đầu tiên trong văn hóa tinh thần nhân loại.

26

+ Chế độ chiếm hữu nô lệ, việc phân công lao động, phát triển sản xuất và đẻ ra một nền văn hóa vĩ đại của thế giới cổ đại - nền văn hóa Hy Lạp - đứng về phía bản thân người nô lệ, Ăngghen đã nói - chế độ nô lệ với ý nghĩa nhất định vẫn là sự tiến bộ, tù binh chiến tranh trở thành nguồn lớn những nô lệ, họ được bảo tồn không bị giết, không bị ăn thịt như trước nữa.

+ Mặt trái của sự tiến bộ đó là đông đảo quần chúng nhân dân chưa hề biết áp bức

và bóc lột giai cấp là gì, giờ họ bỗng nhiên trở nên bị áp bức.

Bọn chủ nô có quyền mua bán, quyền sinh sát, đe dọa nô lệ bằng roi vọt, chúng thường xích nô lệ vào nơi làm việc hoặc công cụ lao động. Pháp luật và đạo đức của chủ

nô tha hồ hành hạ, giết chóc nô lệ. Chúng gây chiến tranh để chiếm thêm đất đai, bắt tù binh để tăng thêm nô lệ, cảnh giác và thẳng tay đàn áp đối với sự phản kháng chống đối của nô lệ.

+ Cùng với sự xuất hiện giai cấp, phụ nữ cũng mất quyền bình đẳng trước kia và

trở thành nô lệ của người chồng. Chế độ một vợ một chồng là một bước tiến của lịch sử,

nó ra đời trên cơ sở chế độ tư hữu chiến thắng chế độ công hữu, nhưng nó mang theo một

điều không thể tránh khỏi: sự nô dịch phụ nữ, nạn mãi dâm...

3. Đạo đức trong xã hội phong kiến

Chế độ phong kiến dựa trên cơ sở sở hữu ruộng đất lớn. Khác với nô lệ, người nông dân có công cụ sản xuất riêng và có nền kinh tế riêng dựa vào lao động cá nhân và đem lại cho họ những điều kiện sinh sống cần thiết. Bọn địa chủ vẫn có quyền điều động nông dân ra khỏi lãnh địa của mình, nhưng không có quyền giết họ.

Đó là một bước tiến của đạo đức xã hội, thật ra địa vị người nông dân cũng chẳng hơn bao nhiêu so với nô lệ. Sự phụ thuộc về kinh tế và sự cưỡng ép trực tiếp đã buộc họ phải cày cấy ruộng đất của địa chủ và làm trăm nghìn công việc có lợi cho giai cấp phong kiến.

Ở đây, tồn tại nhiều kiểu đạo đức, có cả đạo đức của chính giai cấp phong kiến

lại có đạo đức của giai cấp nông dân và nhân dân lao động.

Đạo đức thống trị trong xã hội phong kiến trước hết và đạo đức học của giai cấp phong kiến. Tuy nhiên, tư tưởng đạo đức học ở phương Tây thường xuất phát từ những tín điều của tôn giáo.

Ở phương Đông đạo đức học không hoàn toàn lệ thuộc vào tôn giáo mà thường xuất phát từ quan hệ giữa người và người được nhìn qua lăng kính của học thuyết nho

27

giáo. Yêu cầu chung của đạo đức thống trị là bầy tôi phải trung với vua, chư hầu phải trung với thiên tử, nông dân phải trung với địa chủ.

4. Đạo đức trong xã hội tư bản:

Chế độ tư bản là một bước tiến của xã hội, vì nó đập tan xiềng xích của chế độ nông nô, xóa bỏ tình trạng cát cứ của phong kiến, mở ra thị trường trong nước và thế giới, phát triển sản xuất, thúc đẩy khoa học kỹ thuật tiến lên.

Sự thay thế quan hệ sản xuất phong kiến bằng quan hệ sản xuất tư bản dẫn đến biến đổi cả hệ thống đạo đức xã hội. Chủ nghĩa cá nhân tư sản là nguyên tắc cơ bản của đạo đức tư sản. Quan hệ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đã kích thích các nhà tư bản làm giàu và đã định hướng trong ý thức và hành vi đạo đức của họ. Họ coi việc làm giàu với mọi cách và mọi giá là hoạt động chính, là mục đích cao nhất của cuộc sống.

Trong quá trình tích lũy tư bản, với máu và mồ hôi sự bóc lột lao động làm thuê, chủ nghĩa cá nhân đã chiến thắng quan hệ chật hẹp đẳng cấp phong kiến dưới khẩu hiệu cách mạng tư sản là tự do, bình đẳng, bác ái.

Sự hoạt động tích cực của nền kinh tế công nghiệp có tác động mạnh mẽ đến tính cách cá nhân con người. Lênin nhận xét, trong thời kỳ thiết lập tư bản chủ nghĩa, con người được giải phóng và phát triển, đó là một tiến bộ vĩ đại.

Nhưng sự bình đẳng ở đây chỉ là sự bình đẳng hình thức chứ không phải là bình

đẳng trong thực tế cuộc sống xã hội. Nhà tư bản bóc lột người công nhân trên cơ sở bóc

lột giá trị thặng dư bằng nhiều thủ đoạn khác nhau.

Sự che đậy mối quan hệ bản chất của xã hội tư bản bằng những “*hình mẫu đạo đức*

tất yếu” của giai cấp tư sản để mọi người noi theo là “hết sức lộ liễu”, làm sao có sự bình đẳng trong quan hệ và thực tiễn đạo đức khi mà xã hội còn tồn tại và thừa nhận quan hệ bóc lột giá trị thặng dư và bằng những thủ đoạn đê hèn, tàn bạo.

Vấn đề trách nhiệm đạo đức cá nhân chỉ là sự “bắt buộc” từ phía xã hội chứ không

là từ ý muốn bên trong của cá nhân, nên trách nhiệm đạo đức cũng trở thành thuần túy hình thức phô trương bên ngoài nhằm che đậy sự giả dối bên trong.

Đó là lý do dẫn đến tình trạng biệt lập nhân cách, một trạng thái tâm lý lạnh lẽo, xa lánh nhau, thậm chí trở nên thù ghét nhau.

Tóm lại, xã hội tư bản đã làm cho lực lượng sản xuất phát triển nhanh, cùng nền sản xuất nhỏ phân tán được xã hội hóa ngày càng cao, phân công lao động phát triển, năng suất lao động có hiệu quả rõ rệt. Ngoài những mặt tích cực đó, giai cấp tư sản đã để

lại cho xã hội không ít những hậu quả tiêu cực: vấn đề công lý và nền đạo đức trong xã

hội không được đảm bảo bình thường, con người trở nên ích kỷ, đạo lý trong xã hội ngày càng suy giảm.

5. Đạo đức cộng sản chủ nghĩa.

Đạo đức trong xã hội tư bản bao gồm nhiều kiểu đạo đức khác nhau. Đạo đức của giai cấp tư sản, đạo đức của giai cấp công nhân, đạo đức của những lực lượng xã hội khác các kiểu đạo đức này thường xâm nhập vào nhau, đan xen và không ngừng đấu tranh với nhau, tạo nên con đường phát triển xã hội trên cơ sở khẳng định mặt tích cực, tiến bộ, triệt tiêu mặt lạc hậu, mở rộng khả năng phát triển đạo đức trong tương lai của một xã hội mới

– xã hội xã hội chủ nghĩa.

Khi chủ nghĩa xã hội đã thắng lợi và các giai cấp bóc lột trong xã hội đã bị tiêu diệt, thì đạo đức cộng sản cũng được toàn dân thừa nhận, nó trở thành đạo đức thống trị.

Đạo đức cộng sản là giai đoạn cao nhất trên con đường tiến lên của đạo đức loài người. So với đạo đức tiên tiến trước đây, đạo đức cộng sản là một thứ chất mới. Nó biểu hiện những đặc điểm mới vì bộ mặt tinh thần của những con người đã tiêu diệt thể giới bóc lột và đã lập nên chủ nghĩa cộng sản.

II. MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẠO ĐỨC VỚI MỘT SỐ HÌNH THÁI Ý THỨC XÃ HỘI KHÁC.

Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội đặc thù, là sự phản ánh tồn tại xã hội, là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng như chính trị, pháp luật, tôn giáo, khoa học, nghệ thuật.

1. Mối quan hệ giữa đạo đức và chính trị.

Chính trị là mối quan hệ giữa các giai cấp đối với vấn đề nhà nước, đứng về mặt lịch sử chính trị chỉ xuất hiện khi có nhà nước còn đạo đức xuất hiện rất sớm cùng với sự xuất hiện xã hội loài người.

Trong xã hội có giai cấp, đạo đức cũng như chính trị đều là sản phẩm của một cơ

sở kinh tế xã hội nhất định. Do đó giữa đạo đức và chính trị có quan hệ chặt chẽ với nhau, dưới những hình thức khác nhau, đạo đức là chính trị biểu hiện lợi ích kinh tế của một giai cấp nhất định và phục vụ mục đích của nó. Nhiều khi các quan hệ đạo đức thường lẫn vào chính trị, ngược lại có những quan điểm chính trị phản ánh những giá trị đạo đức.

Đối với giai cấp và nhà nước tiên tiến thì nó thường gắn liền với những quan điểm đạo đức tiến bộ, ngược lại giai cấp suy tàn thì gắn liền với quan điểm đạo đức lạc hậu, bảo thủ kìm hãm sự phát triển của xã hội.

29

Đạo đức chúng ta ngày nay, đạo đức tiên tiến là đạo đức của giai cấp vô sản, đạo

đức phục vụ cho sự nghiệp thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Sự thống nhất biện chứng giữa chính trị và đạo đức còn được thể hiện cụ thể trong việc xây dựng con người mới, trong đó tài và đức phải kết hợp chặt chẽ và lấy đức làm gốc.

2. Mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật.

Ý thức đạo đức và ý thức pháp luật có mối quan hệ biện chứng với nhau và có chức năng chung là điều chỉnh các mối quan hệ xã hội nhằm bảo toàn và phát triển xã hội. Tuy nhiên giữa chúng có những điểm khác nhau

Pháp luật thường được thực hiện thông qua nhà nước, do nhà nước soạn thảo, phổ biến và thi hành trong toàn xã hội. Còn đạo đức được bảo đảm do lương tâm con người do sự phê phán của dư luận xã hội.

Phạm vi đạo đức có nội dung bao quát và rộng hơn pháp luật. Luật pháp điều chỉnh một số mặt của đời sống xã hội, đạo đức xâm nhập vào tất cả các hoạt động xã hội, trong mọi quan hệ kể cả đối với chính bản thân mỗi người.

Trong thực tế có những hiện tượng pháp luật trừng trị nhưng đạo đức không lên án và có hiện tượng đạo đức lên án nhưng pháp luật không trừng trị.

Luật pháp căn cứ vào kết quả hành vi còn đạo đức căn cứ vào động cơ hành vi.

Để đảm bảo cho luật pháp được chấp hành nhà nước áp dụng chủ yếu các hình thức cưỡng bức hình phạt, còn đạo đức thì được bảo đảm bằng giáo dục, thuyết phục, ủng hộ hoặc lên án của dư luận xã hội và sự kiểm soát của lương tâm con người.

- Quan hệ giữa đạo đức với luật pháp:

Đạo đức và pháp luật phù hợp với nhau khi ý chí của giai cấp thống trị phù hợp với

lợi ích xã hội và cộng đồng dân cư. Trong xã hội có giai cấp đối kháng thì đạo đức và pháp luật thường có mâu thuẫn với nhau vì đạo đức phản ánh quan hệ lợi ích của quần chúng nhân dân lao động còn pháp luật bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị mà lợi ích của hai giai cấp đối kháng luôn mâu thuẫn với nhau.

4. Quan hệ giữa đạo đức và tôn giáo.

- Tôn giáo là một khái niệm huyền ảo và sai lệch của con người về hiện thực, trong khái niệm đó lực lượng ngoại giới (lúc đầu là lực lượng siêu tự nhiên về sau lại thêm lực lượng xã hội) chi phối đời sống hàng ngày của con người bằng hình thức siêu trần thế, siêu tự nhiên.

- Tôn giáo và đạo đức đều hướng con người tới những lý tưởng sống thiện, nhân đạo, tránh cái ác. Tuy nhiên chúng khác nhau về bản chất.

- Về mặt lịch sử, đạo đức xuất hiện cùng với sự xuất hiện xã hội loài người, trước rất lâu so với sự ra đời của các tôn giáo. Như vậy, đã có một giai đoạn lịch sử rất dài, đạo đức tồn tại không có tôn giáo. Điều đó cho thấy đạo đức không thể bắt nguồn từ tôn giáo và nó tồn tại như một đời sống tinh thần khác với niềm tin tôn giáo.

- Đạo đức phản ánh chân thực những nhu cầu khách quan, hiện thực còn tôn giáo

lại phản ánh thế giới một cách hư ảo với những khát vọng tự giải thoát trong thế giới tinh thần mà hiện thực tỏ ra hoàn toàn bất lực.

- Đạo đức và tôn giáo đều thấy được nỗi đau khổ của con người và hướng tới việc phấn đấu làm giảm nỗi đau khổ ấy để con người đi đến hạnh phúc. Nhưng đạo đức xem nỗi đau khổ của con người trong tính lịch sử hiện thực của nó và tin tưởng chắc rằng chính con người là động lực duy nhất giải thoát con người khỏi nỗi đau khổ và tự xây dựng hạnh phúc của mình trong đời sống hiện thực thông qua hoạt động lao động của mình. Còn tôn giáo tin rằng, chỉ có những lực lượng siêu nhiên, thần linh, thượng đế mới

có khả năng cứu vớt con người ra khỏi nỗi đau khổ và điều đó chỉ có thể xảy ra trong thế

giới khác, thế giới sau cái chết (phủ nhận vai trò của con người trong việc sáng tạo ra giá

trị đạo đức của mình).

- Trong điều kiện nước ta Đảng và Nhà nước ta luôn tôn trọng tự do tín ngưỡng của nhân dân. Mỗi công dân đều có quyền tham gia hoặc không tham gia thực hiện tín ngưỡng của mình, đều có quyền tham gia hoặc không tham gia vào bất cứ tôn giáo nào. Các hoạt động tôn giáo đều được pháp luật bảo vệ và hoạt động theo hiến pháp.

Để đảm bảo cho các tôn giáo thực hiện được những lý tưởng tôn giáo chân chính của mình, phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước và phụng sự tín ngưỡng tôn giáo, pháp luật nước ta nghiêm cấm việc lợi dụng tôn giáo để kích động nhân dân gây rối loạn trật tự

xã hội nhằm thực hiện các mưu đồ chính trị đen tối.

5. Mối quan hệ giữa đạo đức và nghệ thuật.

Nghệ thuật là một hình thái ý thức xã hội, nó phản ánh tồn tại xã hội. Trung tâm

mà nghệ thuật phản ánh là phản ánh cái đẹp, nghệ thuật là nơi hội tụ cái đẹp. Nghệ thuật

đem lại cho con người những khoái cảm thẩm mỹ, những giá trị tinh thần.

Do vậy, giữa đạo đức và nghệ thuật có mối quan hệ chặt chẽ nhau. Cái đẹp là hiện tượng của cái thiện và chỉ có cái thiện mới có thể đẹp. Thậm chí, khi nghệ thuật miêu tả cái ác, cái xấu xa cũng nhằm mục đích đạt đến cái đẹp, cái thiện.

31

Nghệ thuật là phương thức tồn tại của ý thức, một hoạt động sáng tạo độc đáo, một hình thức giao tiếp đặc biệt của con người, nó có tác dụng định hướng, thay đổi, tô điểm làm đẹp cho bản thân con người, các chuẩn mực đạo đức xã hội tạo nên thị hiếu thẩm mỹ của con người.

Ví dụ: “tốt gỗ hơn tốt nước sơn. Xấu người, đẹp nết còn hơn đẹp người”, “Chồng lớn, vợ bé thì xinh, chồng nhỏ vợ lớn ra tình chị em”.

- Nghệ thuật gắn liền với tâm tư, tình cảm, khơi dậy những ước mơ, khát vọng tốt

đẹp, trang phục, giao tiếp.

- Nghệ thuật là hoạt động sáng tạo, tác giả không chỉ đổ mồ hôi, công sức mà còn

thể hiện cả: tư tưởng tình cảm, sự nghiền ngẫm về cuộc đời, là phương tiện giao tiếp làm đẹp cho quan hệ người - người ngày càng đẹp hơn. Nghệ thuật có tác dụng giáo dục sâu sắc và nghỉ ngơi giải trí độc đáo.

- Đạo đức đặt ra cho nghệ thuật một nhiệm vụ:

Nghệ thuật có nhiệm vụ quan trọng là giáo dục và hoàn thiện nhân cách con người. Nghệ thuật sở dĩ sống được, đứng vững được là do nhiều yếu tố nhưng yếu tố quan trọng nhất là hướng thiện, đề cao cái thiện.

Cái thiện là khao khát của nhân dân lao động. Do đó tác phẩm nghệ thuật nào làm tốt giáo dục đạo đức thì sẽ tồn tại mãi.

- Nghệ thuật có tác dụng trở lại đạo đức:

Nghệ thuật cung cấp cho con người tình cảm đạo đức tốt đẹp. Nghệ thuật có lợi thế

là phản ánh bằng hình tượng nghệ thuật, do vậy nó sẽ dễ đi vào lòng người. Đối tượng và mục đích phản ánh của nghệ thuật là con người, nên nó rất gần với đạo đức, ảnh hưởng đến đạo đức.

Đạo đức và nghệ thuật giúp cho con người tránh cái xấu, học hỏi hướng tới cái đẹp

và làm theo cái đẹp, tiến tới tự giác làm điều tốt. Tương quan giữa đạo đức và nghệ thuật

là mối tương quan giữa cái thiện và cái đẹp. Cái này làm tiền đề cho cái kia và bổ sung cho nhau cùng phát triển. Nghệ thuật còn làm chức năng giáo dục chân chính, giáo dục và hoàn thiện nhân cách con người, ngược lại đời sống đạo đức là nguồn chất liệu làm nền móng cho sáng tác nghệ thuật.

Nghệ thuật chân chính phải lấy cuộc sống, lấy đạo đức làm điểm xuất phát vì nó là

cơ sở, là nguồn cảm hứng của nghệ thuật phát triển.

- Lịch sử đã cho thấy, những tác phẩm nghệ thuật tiêu biểu, bất tử với con người cả

về không gian và thời gian là những tác phẩm chứa đựng các giá trị cao cả về con người.

32

Nó là biểu tượng kiệt xuất về con người, về lý tưởng, lòng nhân ái, về số phận, về sức mạnh tinh thần và phẩm chất của con người và xã hội con người của từng thời đại cụ thể.

Trong điều kiện của đất nước, Đảng ta chủ trương lãnh đạo nhân dân ta xây dựng một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc là hoàn toàn phù hợp với điều kiện và nguyện vọng tha thiết của nhân dân. Trong nền văn hóa ấy giữa truyền thống và hiện đại được kết hợp với nhau một cách hài hòa trên cơ sở gắn liền đạo đức cách mạng và nghệ thuật cách mạng. Chỉ có đạo đức cách mạng và nghệ thuật cách mạng mới đủ sức bao chứa trong mình những giá trị tiên tiến của thời đại và những giá trị quý báu mang đậm đà bản sắc dân tộc. Đồng thời nâng cao giá trị đó, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước theo mục tiêu “*dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh*”.

6. Mối quan hệ giữa đạo đức với khoa học.

Vấn đề đạo đức và khoa học có mối quan hệ gắn bó nhau, không thể tách rời nhau,

vì khoa học luôn là cơ sở cho nền đạo đức thực sự của con người.

Mục đích của khoa học và đạo đức có sự thống nhất hài hòa. Khoa học và đạo đức

là điều kiện để con người cải biến xã hội, xây dựng cuộc sống hạnh phúc.

Thực tế lịch sử đã chứng tỏ những thành quả của khoa học và công nghệ đã ngày càng giữ

vai trò cơ bản, chủ đạo nâng cao cuộc sống của con người cũng nhờ những thành tựu vĩ

đại đó mà con người đã ngày càng xây dựng được những quy luật tự nhiên, quy luật xã hội để thực hiện những ước mơ, khát vọng của mình.

Như vậy khoa học chẳng những đã chứa đựng trong bản thân nó những lý tưởng đạo đức mà còn là một phương thức mà nhờ đó con người biến những lý tưởng, ước mơ của mình thành hiện thực đời sống. Chính những lý tưởng đạo đức đã đóng vai trò không nhỏ làm thành một trong những động lực của sự phát triển khoa học.

Nhiều phát minh khoa học vĩ đại đó được sinh ra từ chính nhu cầu của cuộc sống, nhu cầu cải thiện đời sống con người, nhu cầu bảo vệ con người trước thiên nhiên khắc nghiệt, nhu cầu hạnh phúc của con người.

So với ý thức đạo đức, ý thức khoa học thường mang tính vượt trước và mang tính biến đổi, tính cách mạng mau lẹ hơn. Khoa học còn làm cho những lý tưởng, ước mơ đạo đức biến đổi ngày càng gần với cuộc sống và góp phần loại bỏ những nhân tố lạc hậu, bảo thủ trong đạo đức, làm cho cái thiện trong đạo đức ngày càng gắn liền với cái chân lý trong khoa học.

Khoa học công nghệ đóng vai trò quyết định nâng cao lực lượng sản xuất và do nâng cao lực lượng sản xuất đó dẫn tới thay đổi các quan hệ sản xuất. Nhưng khi các quan

33

hệ sản xuất thay đổi sẽ làm cho tất cả các quan hệ xã hội đều phải thay đổi, trong đó có các quan hệ đạo đức.

Sự thay đổi đó không phải diễn ra theo một quá trình giản đơn, trực tiếp mà nó diễn ra dưới ảnh hưởng của những kết cấu lợi ích xã hội, đặc biệt là lợi ích giai cấp.

Dưới chủ nghĩa tư bản, với cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, lực lượng sản xuất phát triển, lẽ ra nhân loại bước vào vào một cuộc sống tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn nhưng trong thực tế, cứ một bước tiến của khoa học và công nghiệp thì nhân dân lao động lại đẩy thêm một bước vào vòng đói khổ và ngu tối, con người lại lâm vào cảnh khốn khổ, bất hạnh. Vì những lợi ích ích kỷ của mình, giai cấp tư sản đã độc chiếm toàn bộ những thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghiệp, biến chúng thành công cụ bóc lột nhân dân lao động, đàn áp con người, hủy hoại mọi giá trị của xã hội đã có được, phục vụ cho mục đích vì mục đích lợi nhuận tối đa của mình.

Theo quan điểm đạo đức học Mác-xít, giữa đạo đức và khoa học luôn có mối quan

hệ biện chứng khăng khít. Những mâu thuẫn, những xung đột giữa tiến bộ khoa học công nghệ và tiến bộ đạo

đức trong xã hội tư bản đang diễn ra ngày càng gay gắt là sự phản ánh những mâu thuẫn ngày sâu sắc giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.

Chính trong các xã hội tư sản, giai cấp tư sản một mặt sử dụng các thành quả của khoa học công nghệ như một công cụ xâm lược, đàn áp, bóc lột, nhưng mặt khác họ cũng đang lợi dụng những thành quả đó để mong điều hòa làm giảm bớt những mâu thuẫn xã hội nhằm củng cố địa vị thống trị của mình.

Như vậy, việc giải quyết cơ bản và toàn diện những xung đột gay gắt giữa tiến bộ khoa học công nghệ và tiến bộ đạo đức chỉ diễn ra trong điều kiện một xã hội không có giai cấp đối kháng, không có chế độ người bóc lột người, chế độ sở hữu cá nhân.

Ở đó những thành quả của khoa học công nghệ sẽ để xã hội sử dụng như một phương thức giải phóng con người, nâng cao các giá trị nhân phẩm, làm cho con người được sống ngày càng tự do, hạnh phúc hơn, đồng thời hạn chế những tác động bất lợi được cuộc sống của xã hội con người mang tính tự phát từ bản thân tiến bộ khoa học công nghệ.

Trong điều kiện nước ta, Đảng và Nhà nước ta chủ trương đưa nước ta bước vào một thời kỳ mới, thời kỳ đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trong thời kỳ này, khoa học công nghệ đóng vai trò hết sức cơ bản. Để phát huy những thành quả của khoa học công nghệ trong điều kiện mới, tất cả các tiến bộ khoa học công nghệ đều được diễn ra trong phạm vi của chiến lược chính sách phát triển khoa học công nghệ quốc gia một cách toàn diện.

Chiến lược này đi từ phát triển tiềm lực con người, sử dụng phân phối các nguồn lực tài nguyên quốc gia, kết hợp phát triển toàn diện với lựa chọn các ngành mũi nhọn,
kết hợp giữa chính sách phát triển công nghiệp với bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Do đó, nghệ thuật mang chức năng giáo dục, trong đó có cả vị trí hết sức quan trọng trong giáo dục đạo đức, làm cho việc chuyển tải các lý tưởng, nguyên tắc đạo đức
tới mọi đối tượng một cách nhẹ nhàng, nhưng lại hết sức sâu sắc.

BÀI 4

MỘT SỐ PHẠM TRÙ CƠ BẢN CỦA ĐẠO ĐỨC HỌC

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG QUANH PHẠM TRÙ ĐẠO ĐỨC HỌC.

- Phạm trù đạo đức học là những khái niệm đạo đức cơ bản phản ánh những đặc tính căn bản, những phương diện và những quan hệ phổ biến nhất của những hiện tượng đạo đức trong đời sống hiện thực.

- Nghiên cứu các phạm trù đạo đức học giúp người nghiên cứu nắm được một cách hệ thống, cơ bản nội dung của khoa học đạo đức học.

- Hệ thống các khái niệm, phạm trù đạo đức học cung cấp phương tiện và công cụ

để các chủ thể phản ánh các hiện tượng đạo đức hết sức phức tạp, đa dạng trong đời sống hiện thực, đồng thời nó còn làm phát triển khả năng tư duy khoa học một cách hệ thống và có căn cứ.

- Phạm trù đạo đức học có lịch sử phát triển lâu dài. Trong từng thời đại và xã hội

cụ thể, các phạm trù đạo đức học là sự khái quát hóa những hiện tượng và nhu cầu đạo đức của đời sống hiện thực gắn liền với sự phát triển của những điều kiện kinh tế - xã hội tương ứng.

Cùng với sự phát triển của lịch sử, nội dung các phạm trù, khái niệm đạo đức học

lại được bổ sung và phát triển. Qua đó, qua hệ thống các phạm trù và những nội dung của

nó phản ánh một cách khái quát nhất sự hình thành và phát triển tư tưởng đạo đức qua các thời đại.

Các phạm trù đạo đức là sự khái quát dưới hình thức lý luận các hiện tượng đạo

đức trong đời sống hiện thực và những quan niệm của con người về những hiện tượng đó.

Vì vậy, phạm trù đạo đức ngoài ý nghĩa thông tin các nội dung cơ bản, nó còn bao hàm sự đánh giá và nhận định các giá trị.

Tính phân cực là một trong những điểm đáng chú ý của phạm trù đạo đức học. Đó

là sự phân cực giữa thiện và ác, giữa hạnh phúc và bất hạnh, lương tâm và vô lương tâm....

36

- Nội dung các phạm trù đạo đức học tuy là kết quả phản ánh của đời sống hiện thực, mà còn chứa đựng những quan niệm giá trị như niềm tin bên trong đã được thăng hoa thành những tình cảm thiêng liêng cao cả.

II. MỘT SỐ PHẠM TRÙ ĐẠO ĐỨC HỌC CƠ BẢN.

1. Phạm trù lễ sống (ý nghĩa cuộc sống):

Lễ sống hay ý nghĩa cuộc sống là một trong những vấn đề trung tâm của đời sống con người. Có thể xem quan niệm con người về lễ sống là nền tảng tinh thần của họ. Nó

chi phối và liên quan mật thiết đến những định hướng sống của con người hết sức cơ bản như lý tưởng, niềm tin, thái độ sống, các quan niệm về hạnh phúc, thiện, ác...

Người có lễ sống tốt đẹp sẽ có khả năng vượt qua mọi khó khăn để vươn lên trong cuộc sống. Ngược lại, sự khủng hoảng về quan niệm lễ sống sẽ có thể dẫn con người tới đổ vỡ niềm tin, chao đảo tinh thần, lệch hướng trong cuộc sống, rối loạn trong hành động dẫn tới những hậu quả khó lường.

Do lễ sống là vấn đề mang bản chất tinh thần sâu xa nhất gắn liền với xã hội và con người, nên nhiều nhà triết học, đạo đức học đã xem lễ sống là vấn đề vừa có ý nghĩa triết học, vừa có ý nghĩa đạo đức học và là trung tâm khi nghiên cứu con người của mọi thời đại.

Ngay từ thời cổ đại, lễ sống của con người đã trở thành một trong những vấn đề thu hút sự quan tâm sâu sắc của các nhà triết học. Người đặt vấn đề lễ sống đầu tiên là nhà triết học cổ đại Epyquya. Ông quan niệm lễ sống của con người là sự hài hòa với tự nhiên, trong đó con người có một cuộc sống tinh thần thanh thản, yên tĩnh. Do đó, ông cho nguồn gốc của lễ sống đúng đắn của mỗi người là trí thông minh của họ. Chính trí thông minh giúp con người lựa chọn sự hợp lý và loại bỏ khỏi mình những ảo tưởng, những tham vọng không có căn cứ.

Epyquya đặt câu hỏi con người sống có ý nghĩa là gì? Trả lời câu hỏi này có một

số quan niệm khác nhau.

- Quan điểm thứ nhất cho rằng con người sống không có ý nghĩa gì cả. Tiêu biểu cho quan niệm này là các trường phái tôn giáo, duy tâm, chủ nghĩa bi quan lịch sử. Theo họ, con người ra đời đã khổ sở, chẳng có ý nghĩa gì.

- Quan điểm thứ hai cho rằng cuộc sống con người có ý nghĩa, nhưng ý nghĩa khác nhau tùy thuộc vào những quan điểm khác nhau.

37

Trung Quốc thời cổ đại: Theo Nho giáo thì mẫu người quân tử và lẽ sống “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, “nhân, lễ, nghĩa, trí, tín”. Mạnh Tử: “giàu sang không đánh mất tâm tính, nghèo nàn không đổi được khí tiết, uy quyền, bạo lực không làm mình nhục chí, như thế mới đáng bậc trượng phu”.

Thời cận đại thì lẽ sống là tìm kiếm tri thức khoa học, đề cao lý trí con người. Thời hiện đại tư bản chủ nghĩa, lẽ sống là tiền bạc.

- Ý nghĩa cuộc sống? Mỗi con người trong cuộc sống của mình đều trực tiếp hay gián tiếp trả lời câu hỏi này. Thông thường trả lời câu hỏi này có hai thái độ.

+ Tích cực đối với cuộc sống: tức thấy được bản chất con người thì bản chất xã hội là quan trọng, chủ yếu. cuộc sống chỉ có ý nghĩa khi thấm đượm chủ nghĩa nhân đạo sâu sắc, khi quán triệt nguyên tắc “mình vì mọi người và mọi người vì mình”. Do đó, nhìn nhận trách nhiệm và hạnh phúc của mình trong mối quan hệ biện chứng với nhau.

+ Tiêu cực với cuộc sống: Thấy mọi giá trị trên đời đều là hư ảo, cuộc sống có ý nghĩa khi thực hiện nghĩa vụ của mình. Hay chỉ thấy lợi ích của mình mà không thấy lợi

ích của người khác và xã hội, cuộc sống chỉ có ý nghĩa khi được thỏa mãn những nhu cầu ham muốn của cá nhân mình như giàu có, danh lợi, vì tiền...

Từ việc lý giải ý nghĩa cuộc sống này mà hình thành nên những ước mơ, khát vọng cần vươn tới gọi là lẽ sống.

Lẽ sống có hai loại:

+ Lẽ sống tầm thường: được nảy sinh và giới hạn bởi những ham muốn cụ thể và

ít liên quan đến trách nhiệm của mình đối với người khác và xã hội.

+ Lẽ sống đạo đức: là một quan niệm sống của con người mà nội dung chính là mối quan hệ giữa hạnh phúc và nghĩa vụ. Nói cách khác, lẽ sống đạo đức lẽ sống đạo đức chính là ý nghĩa cuộc sống mà con người tự nhận thức được, tự giác hành động vì một lý tưởng đạo đức cao đẹp dựa trên một quan niệm nhân sinh tiến bộ.

- Lễ sống đạo đức khác lễ sống tầm thường ở chỗ con người nhận ra ý nghĩa cuộc sống của mình hướng tới những giá trị đích thực, tự nguyện, tự giác làm điều lợi vì hạnh phúc của xã hội, tự giác sống vì người khác dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào đều có ý thức giữ gìn nhân cách, phẩm giá của mình. “giàu sang không quyến rũ, nghèo khó không chuyển lay, uy vũ không khuất phục”.

Vai trò của lễ sống:

Lễ sống là phạm trù trung tâm của đạo đức học vì nó quan trọng và quyết định nội dung, tính chất của các phạm trù khác.

38

- Xác định lễ sống đúng đắn: tạo thành một lối sống, một quan niệm đúng đắn. Sống để cống hiến cho xã hội, sống vì hạnh phúc người khác “đời yêu ta ta phải hiến cho đời”, nó sẽ thúc đẩy con người hành động tiến lên. Nhân phẩm được đánh giá cao, giữ gìn phẩm chất, danh dự. “Ngọc nát còn hơn giữ ngói lành”, “làm trai sống trong trời đất phải xứng danh gì với núi sông”.

- Lễ sống đạo đức sẽ mang lại hạnh phúc chân chính cho xã hội, cá nhân. lễ sống

đúng đắn tạo nên tinh thần lạc quan, yêu đời “thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương

đất Bắc” (Trần Bình Trọng). Các vị lãnh tụ đã chọn lễ sống để cống hiến, mang lại hạnh phúc nhiều nhất cho nhân dân nên trong khó khăn vẫn luôn lạc quan yêu đời.

Quan niệm về lễ sống của đạo đức học Mác-Lênin:

- Đạo đức học Mác xít khẳng định ý nghĩa cuộc sống của con người trong đời sống hiện thực và xem đó như nền tảng tinh thần của đời sống con người.

- Để có thể giải quyết một cách khoa học nội dung của ý nghĩa cuộc sống con người cần phải xuất phát từ những tiền đề hiện thực, khách quan gắn liền với những hoạt động cơ bản, hoạt động sinh sống của con người.

- Để có thể tồn tại và phát triển, con người và xã hội loài người phải dựa vào lao

động sản xuất, lao động là phương thức tồn tại và phát triển xã hội.

Lao động sản xuất còn là động lực, là phương thức hình thành và phát triển hoàn thiện con người cả về mặt thể chất lẫn tinh thần.

Lao động sản xuất của con người không chỉ bó hẹp trong một mục đích duy nhất

là duy trì sự tồn tại thể xác của họ, mà còn biến bản thân hoạt động ấy thành đối tượng của ý thức và ý chí

khiến cho hoạt động ấy trở nên chủ động, sáng tạo và theo quy luật của cái đẹp.

Quá trình lao động sản xuất không chỉ là sự sản xuất các giá trị vật chất, đồng thời còn sản xuất ra các giá trị tinh thần thấm đượm vào các sản phẩm vật chất khiến cho bản thân chúng cũng được thể hiện ra như những giá trị tinh thần xã hội.

Vì vậy, trong quá trình lao động sản xuất và hưởng thụ xã hội để duy trì và phát triển đời sống, con người tìm đối tượng không chỉ là vật chất mà còn là tinh thần, văn hóa. Cùng với sự phát triển của hoạt động lao động sản xuất với tính xã hội hóa ngày càng cao, chứa đựng hàm lượng trí tuệ ngày càng lớn thì đời sống tinh thần, văn hóa càng có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với lao động sản xuất xã hội. Chính vì vậy, lao động sản xuất của con người không chỉ dừng lại ở trình độ kỹ thuật, công cụ mà trên một bình diện cao hơn, nó còn đòi hỏi tìm cho mình một ý nghĩa cho toàn bộ hoạt động đó.

39

Những hoạt động lao động sản xuất là cốt lõi của toàn bộ hoạt động của con người, là bản chất sâu xa nhất của con người, cho nên ý nghĩa của lao động sản xuất cũng là ý nghĩa cuộc sống con người.

Như vậy, vấn đề ý nghĩa cuộc sống con người là một quá trình phát triển không ngừng bắt nguồn từ hoạt động sống của con người, xét đến cùng là từ lao động sản xuất xã hội.

Lao động sản xuất của con người bao giờ cũng mang tính chất xã hội. Quá trình

đó cũng là quá trình phát triển và hoàn thiện con người thông qua sự phát triển các quan

hệ xã hội. Vì thế khi xem xét ý nghĩa cuộc sống của con người không thể xem xét nó với

ý nghĩa là một con người đơn độc mà phải đặt con người trong xã hội và chỉ có như vậy, ý nghĩa cuộc sống con người mới có tính chất hiện thực.

- Đạo đức mác xít cho rằng quá trình hoạt động sống mà cốt lõi là lao động sản xuất bao giờ cũng mang tính xã hội. Các chủ thể tham gia vào lao động sản xuất xã hội đã

tạo nên những giá trị vật chất hoặc tinh thần đóng góp vào thành quả chung của xã hội. Chính những thành quả đó làm cho cuộc sống của các chủ thể hoạt động mang một ý nghĩa xã hội.

Việc các chủ thể lao động sản xuất đóng góp vào xã hội như vậy cũng là sự đòi hỏi của xã hội đối với mỗi cá nhân thành viên trong quá trình lao động sống của mình.

Quá trình lao động đóng góp mang ý nghĩa cống hiến cho xã hội của mỗi cá nhân, mỗi chủ thể hoạt động như vậy chính là thực hiện nghĩa vụ của mình.

Mặt khác, trong quá trình hoạt động sống, các chủ thể không chỉ thực hiện với ý nghĩa cống hiến, đóng góp cho xã hội mà còn làm cho các hoạt động sống trở nên có ý nghĩa với bản thân chủ thể. Đó là sự hoàn thiện năng lực hoạt động, kỹ năng, kỹ xảo nâng cao phẩm chất trí tuệ, làm sâu sắc và phong phú nhận thức, bồi dưỡng tình cảm tốt đẹp, cao thượng, tạo ra những nguồn thu nhập nhằm bồi dưỡng, bù đắp phát triển thể chất, tinh thần và cả những phương thức hưởng thụ những thành quả do mình và xã hội sáng tạo ra.

Toàn bộ những ý nghĩa đó đối với chủ thể hoạt động chính là hạnh phúc con

người.

Như vậy, ý nghĩa cuộc sống hay lẽ sống của con người là sự thống nhất nghĩa vụ

và hạnh phúc thông qua hoạt động thực tiễn, hoạt động xã hội của con người, cho nên lẽ

sống đạo đức đó là sống đúng đắn biết kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân và xã hội.

Một điều chú ý là ý nghĩa cuộc sống không phụ thuộc vào thời gian sống mà phụ thuộc vào chất lượng sống, phụ thuộc vào giá trị xã hội trong đó con người được lao động tự giác, sáng tạo và tự do, cống hiến cho xã hội và hưởng thụ sản phẩm mà họ tạo ra. Do

40

đó, con người có thể nhân cuộc sống của mình lên gấp nhiều lần thông qua lao động sáng tạo.

2. Phạm trù hạnh phúc:

Hạnh phúc là mối quan tâm hàng đầu của nhân loại từ thời cổ đại đến nay. Vậy hạnh phúc là gì?

Quan niệm về hạnh phúc của con người có ý nghĩa hết sức quan trọng trong đời sống tinh thần nói chung và đời sống đạo đức nói riêng. Nó là một trong những nền tảng tinh thần giúp con người xây dựng những lý tưởng, mục tiêu, thái độ sống. Nó cũng là hạt nhân, là thước đo, định hướng để con người thiết lập các khái niệm thiện, ác, phẩm giá và hàng loạt các khái niệm nhân bản khác.

- Các quan niệm khác nhau về hạnh phúc.

+ Thời cổ đại:

- Đê-mô-crit: hạnh phúc là sự yên tĩnh, sự thanh thản của tâm hồn. Mọi dục vọng, ham muốn của con người là nguyên nhân của đau khổ.
- Arixtote: hạnh phúc con người có được là do hoạt động lý trí và do quan niệm của mỗi người.
- Khổng Tử – Mạnh Tử: hạnh phúc là do mệnh trời “bất phong trần phải phong trần, cho thanh cao mới được phần thanh cao”.

Tôn giáo : hạnh phúc không có ở cuộc sống trần thế mà chỉ có ở thế giới bên kia.

- Quan niệm truyền thống dân gian Việt Nam: hạnh phúc gắn liền với tình bạn, tình yêu lứa đôi, gia đình là sự thỏa mãn các nhu cầu vật chất và tinh thần.

Tóm lại, có thể tóm tắt các quan niệm trước chủ nghĩa Mác về hạnh phúc theo 3

xu hướng sau:

- Thứ nhất, cho hạnh phúc của con người là sự thỏa mãn thường xuyên những nhu cầu vật chất như ăn, ở, mặc, khỏe mạnh, sống lâu... Để có sự thỏa mãn đó con người phải giàu có, của cải dư thừa.

Xu hướng này có từ thời cổ đại Hy Lạp và phát triển mạnh trong TK XVII – XVIII ở châu Âu gắn liền với sự đi lên của giai cấp tư sản.

41

Tính hợp lý trong các quan niệm gắn với xu hướng này là ở chỗ tình trạng nghèo đói, khổ cực không thể nói đến hạnh phúc. Cho nên, niềm sung sướng, hạnh phúc của con người không thể tách rời việc thỏa mãn đến mức độ nhất định các nhu cầu vật chất.

Nhưng trong thực tế, sự giàu có về của cải vật chất, sự thừa thãi trong hưởng thụ

các nhu cầu vật chất chưa hẳn đã làm cho con người cảm thấy hạnh phúc.

Sở dĩ có tình trạng như vậy là do nhiều khi sự thỏa mãn một cách tối đa thừa thãi thường xuyên các nhu cầu vật chất nang tính chất một chiều như vậy không những không nâng cao hoặc phát triển các nhu cầu mà lại làm cho các nhu cầu đó ngày càng trở nên hời hợt, nhàm chán, vô vị.

Những niềm vui của sự hưởng thụ ban đầu cùng với thời gian và sự thừa thãi sẽ

ngày càng mất đi và thay thế vào đấy là cảm giác chán chường của kẻ sống thừa và mất đi cái nhận thức quý giá làm người của mình.

Đó là lý do vì sao tình trạng khủng hoảng tinh thần, tâm lý, nhiều thói hư, tật xấu, các tệ nạn xã hội, chủ nghĩa bi quan, chán đời thường hay xuất hiện trong những hoàn cảnh dư thừa của cải, tiền bạc. Cùng với kiểu chạy theo sự hưởng thụ một chiều còn dẫn

tới sự tham lam vô độ, ích kỷ của chủ nghĩa cá nhân cực đoan tàn bạo và bạc bẽo.

Như vậy, nếu chỉ có sự hưởng thụ, thỏa mãn những nhu cầu vật chất cũng chưa hẳn đã làm cho con người có được hạnh phúc chân chính.

- Xu hướng thứ 2, ngược lại với xu hướng trên, cho hạnh phúc đích thực của con người là sự thỏa mãn các nhu cầu tinh thần mà bản chất của nó là sự thanh thản, yên tĩnh tâm hồn, tránh mọi xúc động, lo âu, suy nghĩ, trăn trở, sống với tự nhiên, vô tư hiền hòa, tránh xa mọi âm mưu quỷ kế và thói thâm độc của người đời.

Những quan niệm theo xu hướng này có tính hợp lý ở chỗ, xem sự thanh cao, yên tĩnh ở tinh thần con người là tiêu chuẩn hạnh phúc. Thật vậy, tâm hồn giữ được sự yên tĩnh, thanh cao, trong sáng, thanh thản sẽ đem lại cho con người những niềm vui nhẹ nhàng nhưng sâu sắc.

Xu thế này dẫn đến những mâu thuẫn cả về lý thuyết lẫn thực tiễn.

Theo các quan niệm của xu hướng này thì muốn có được hạnh phúc con người phải giữ cho được sự yên tĩnh của tinh thần, làm cho tinh thần không bị quấy rối bởi các nhu cầu ước muốn không hợp lý. Nhưng trong thực tế rất khó phân định những nhu cầu nào là hợp lý còn nhu cầu nào là không hợp lý, nếu lấy theo tiêu chuẩn của sự yên tĩnh.

Vì thế về thực chất là sự kìm hãm, giảm bớt các nhu cầu, làm cho các nhu cầu đó ngày càng thấp đến mức tối thiểu, nếu làm thế là làm là phá bỏ bản thân cái gốc làm nên

42

khái niệm hạnh phúc, khiến cho khái niệm này chỉ còn lại có ý nghĩa tiêu cực đi ngược lại bản chất của nó.

Trong thực tế, xu thế này khuyến khích chủ nghĩa khắc kỷ, giam hãm con người vào chủ nghĩa thầy tu. Cuối cùng là một xu hướng xem ra có vẻ hoàn bị nhưng lại phản ánh thái độ phản ứng thất vọng của con người trước thực tế đầy đau khổ không có chỗ đứng cho hạnh phúc. Các quan niệm hạnh phúc theo xu hướng này cho rằng hạnh phúc của con người là sự thỏa mãn thường xuyên các nhu cầu vật chất, tinh thần và loại trừ mọi nỗi đau khổ.

Một quan niệm như vậy là không thể có được nhất là khi xem xét con người với toàn bộ cuộc đời của họ. Vòng đời của con người sinh, lão, bệnh, tử ai mà thoát được.

- Biểu hiện sự khủng hoảng của con người về quan niệm hạnh phúc trong xã hội

tư sản hiện đại là sự xuất hiện của chủ nghĩa hiện sinh, xem cuộc đời chỉ là sự bi đát và đau khổ. Theo các đại biểu hiện sinh thì trong hiện thực chỉ toàn nỗi đau khổ, còn hạnh phúc chỉ có trong trí tưởng tượng mà thôi.

* hạnh phúc theo quan điểm đạo đức học Mác xít:

Hạnh phúc theo nghĩa rộng là sự đánh giá chung nhất đời sống của con người là

sự tổng hợp những yếu tố xã hội của con người có tính lịch sử xã hội. hạnh phúc đích thực của con người là sống và hoạt động để tạo ra nhiều giá trị vật chất, tinh thần nhằm thỏa mãn các nhu cầu xã hội, là cảm xúc vui sướng khi thỏa mãn nhu cầu đạo đức cao cả.

Hạnh phúc đúng nghĩa không phải chỉ có cái do con người cảm nhận được mà bao hàm cả sự đánh giá, thừa nhận của xã hội. Do đó, nhiều lúc con người thỏa mãn các nhu cầu của mình mà không coi là hạnh phúc thậm chí có khi đó là sự cắn rứt của lương tâm, có khi là bất hạnh nếu bị xã hội lên án.

- Hạnh phúc theo nghĩa hẹp là cảm xúc vui sướng khi thỏa mãn các nhu cầu đạo

đức cao cả. Do đó, hạnh phúc bao gồm 2 yếu tố:

+ Mặt khách quan của hạnh phúc chính là nhu cầu phát triển của xã hội mà chủ

thể nhận thức biến thành tình cảm, trách nhiệm.

+ Mặt chủ quan là nỗ lực hăng say hoạt động của con người vươn tới những thành quả phù hợp nhu cầu xã hội.

+ Thỏa mãn nhu cầu đạo đức cao cả nghĩa là khi nhu cầu thỏa mãn mang lại cho chủ thể sự thanh thản của lương tâm, tự hào về cuộc sống, nâng cao ý thức nghĩa vụ. Loại nhu cầu này thỏa mãn mang lại hạnh phúc.

43

Trong cuộc sống không phải bất cứ nhu cầu nào thỏa mãn cũng là hạnh phúc, có khi nhu cầu thỏa mãn mang lại sự cắn rứt lương tâm. Hơn nữa nhu cầu luôn lớn lên, tức

là nhu cầu này thỏa mãn thì xuất hiện nhu cầu khác, cảm giác về sự thỏa mãn nhu cầu này không bền.

- Hạnh phúc có tính lịch sử xã hội:

Thời đại khác nhau, hoàn cảnh khác nhau thì quan niệm về hạnh phúc cũng khác

nhau.

VD: khi năng suất lao động thấp thì người ta cần thỏa mãn nhu cầu no để tồn tại.

Khi năng suất phát triển thì xuất hiện nhu cầu ăn ngon, mặc đẹp. khi có tích lũy thì xuất hiện nhu cầu du lịch, thưởng thức văn hóa, nghệ thuật.

- Hạnh phúc cá nhân là sự thống nhất lâu bền giữa khỏe mạnh, đáp ứng nhu cầu

về vật chất, sự thỏa mãn về đời sống tinh thần. hạnh phúc gia đình là cảm giác vui sướng của cuộc sống do gia đình mang lại, đó là sự tin yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và tạo điều kiện cho từng thành viên của gia đình phát triển phù hợp với sự tiến bộ của xã hội.

- hạnh phúc chỉ có được trong hoạt động thực tiễn mà chủ yếu nhất là thực tiễn sản xuất vật chất. Trong thực tế, để thỏa mãn những nhu cầu sống của mình con người phải lao động sản xuất của cải vật chất xã hội. Cùng với quá trình sản xuất ra của cải vật chất để duy trì và phát triển cuộc sống xã hội, con người cũng đồng thời sản xuất ra các giá trị tinh thần. Như vậy, con người không những sản xuất ra của cải vật chất mà còn nhận thức, suy nghĩ cảm nhận về quá trình sản xuất và hưởng thụ các giá trị xã hội đó. Qua đó, con người nhận ra và suy nghĩ về niềm sung sướng hạnh phúc và nỗi bất hạnh đau khổ của mình.

- Quá trình lao động sản xuất và hoạt động xã hội của con người chẳng những là quá trình con người sản xuất ra giá trị vật chất và tinh thần nhằm thỏa mãn các nhu cầu của bản thân con người và xã hội, đồng thời cũng là quá trình nảy sinh, phát triển các nhu cầu.

- Nhờ có lao động, con người chẳng những đã có được những sản phẩm có thể thỏa mãn những nhu cầu sống của mình mà còn làm cho những nhu cầu nguyên thủy mang tính động vật trở thành những nhu cầu mang tính người. Quá trình đó cứ phát triển làm cho những nhu cầu của con người ngày càng phong phú, đa dạng, sâu sắc cả về vật chất lẫn tinh thần.

Quá trình lao động sản xuất và hoạt động xã hội không những tạo ra các giá trị

vật chất và tinh thần, phát triển các nhu cầu mà còn tạo nên những phương thức thỏa mãn

các nhu cầu đó ngày càng phong phú, sâu sắc, giàu cảm xúc và nâng cao tính văn hóa của bản thân quá trình hưởng thụ xã hội.

Đó cũng là quá trình mỗi chủ thể hoạt động hoàn thiện thể chất, nâng cao năng lực hoạt động, làm p[ong phú tri thức, tinh thần, tư tưởng, cảm xúc, phát triển và làm giàu các quan hệ xã hội một cách tích cực.

Kết quả đó đưa lại cho con người niềm vui, niềm tự hào sung sướng, nâng cao ý thức phẩm giá con người, tin tưởng vào xã hội và con người, gắn bó mỗi cá nhân với cộng đồng trong tình thương yêu, quý trọng lẫn nhau, đó chính là hạnh phúc của con người.

Như vậy hạnh phúc o bao giờ được đặt ra như mục tiêu trực tiếp, cuối cùng mà nó

chỉ đến với con người như một tặng thưởng kèm theo những giá trị vật chất, tinh thần mà

họ đã tạo ra vì xã hội.

Do đó, hạnh phúc không phải là cái gì có sẵn để con người có thể nhận lấy một cách thụ động mà phải do chính bản thân họ sáng tạo ra. Đó là lẽ vì sao, sự lười biếng, thói ỷ lại, trì trệ, hưởng thụ một chiều trong thực tế là kẻ thù của hạnh phúc.

Trong đời sống xã hội con người, về cơ bản có thể phân ra 2 loại nhu cầu: nhu cầu vật chất và nhu cầu tinh thần. Nhu cầu vật chất thường cấp bách nhưng có tính lặp lại cao, nhu cầu tinh thần có tính phát triển và sâu sắc.

Trong các nhu cầu tinh thần thì nhu cầu đạo đức có thể coi là nhu cầu có tính xã hội cao, sâu sắc nhất và mang tính giáo dục cao nhất. Chính vì thế, những hoạt động của con người thỏa mãn những nhu cầu đạo đức xã hội làm cho con người đạt đến hạnh phúc cao nhất.

hạnh phúc được quan niệm như vậy không loại trừ hoàn toàn mọi nỗi đau khổ. Nhiều khi chính nỗi đau khổ hay sự khổ não của con người cũng tham gia vào làm thành một mặt của hạnh phúc. Những nỗi đau khổ, đau khổ có tính tích cực là những trở ngại trong sáng tạo, đau khổ vì nỗi đau khổ của người khác, những gian truân, khổ ải, vượt qua khó khăn trong lao động và cuộc sống.

Niềm vui, niềm hạnh phúc mà con người nhận được phụ thuộc rất nhiều vào những trở ngại và đau khổ mà họ phải trải qua, đau khổ ở mức độ càng cao, mục đích trong sáng, hướng tới cái tốt đẹp, cái thiện, cái cao cả càng lớn lao bao nhiêu, thì niềm vui, niềm hạnh phúc mà họ nhận được sau khi đã hoàn thành công việc càng lớn bấy nhiêu.

3/ Phạm trù nghĩa vụ đạo đức:

Nghĩa vụ đạo đức chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong đời sống đạo đức xã hội. Việc thực hiện nghĩa vụ đạo đức tốt hay xấu là thước đo đặc thù nói lên tình trạng tiến bộ hay thoái hóa của đời sống đạo đức trong một xã hội nhất định. Do đó, phạm trù nghĩa vụ đạo đức đã được nhiều nhà tư tưởng, nhà hiền triết của các thời đại bàn luận, quan tâm sâu sắc.

a/ Quan niệm khác nhau về nghĩa vụ đạo đức trước Mác.

- Đê-mô-crít là người đầu tiên đưa phạm trù nghĩa vụ vào đạo đức. Ông cho rằng

ý thức nghĩa vụ là động cơ sâu kín bên trong của con người, là động lực thúc đẩy con người hành động.

- Các tôn giáo: nghĩa vụ là ý thức trách nhiệm trước thượng đế. con người có nghĩa vụ hy sinh quyền lợi trước thực tại để hưởng hạnh phúc ở thế giới bên kia.

- Kant: nghĩa vụ là mệnh lệnh tuyệt đối, là chân lý tất yếu con người cần phải làm

dù muốn hay không nghĩa vụ như một mệnh lệnh bắt buộc.

- Các nhà duy vật Pháp TK XVII – XVIII coi nghĩa vụ đạo đức như gắn liền với lợi ích cá nhân, nó là tất yếu với mọi người và mọi người phải thực hiện.

- Một số khuynh hướng triết học tư sản hiện đại, nhất là chủ nghĩa hiện sinh, xem

ý thức nghĩa vụ đạo đức là hoàn toàn không có ý nghĩa, thậm chí đó là những ràng buộc

vô bổ với những hoạt động của con người. Từ đó họ cho rằng sự thừa nhận những chuẩn mực nghĩa vụ đạo đức là có hại cho các cá nhân hiện sinh. Những lý thuyết này biện hộ và cổ vũ cho những hành động bất chấp mọi hệ chuẩn đạo đức xã hội và mở đường cho

tội ác.

b/ Quan niệm nghĩa vụ đạo đức của đạo đức học Mác xít:

- Nghĩa vụ đạo đức không thể là sự ép buộc từ bên ngoài, mà gắn bó chặt chẽ với

ý thức của con người về lẽ sống, lý tưởng về hạnh phúc và về những quan niệm mang tính triết lý của cuộc sống. Những quan niệm đúng đắn giúp con người trước hết là nhận thức được sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội, thống nhất hạnh phúc cá nhân và hạnh phúc xã hội và người khác.

Vì thế có thể xem sự trưởng thành của ý thức nghĩa vụ đạo đức liên quan chặt chẽ đến mức độ trưởng thành trong nhận thức của con người về những vấn đề lẽ sống, hạnh phúc, thiện, ác...

Ý thức nghĩa vụ đạo đức thường được nuôi dưỡng, củng cố phát triển trong môi trường của một nền giáo dục tốt, môi trường gia đình đầm ấm, xã hội lành mạnh. Trong

46

những điều kiện đó, mỗi thành viên của cộng đồng chẳng những được hưởng thụ một bầu không khí đạo đức trong sáng, cao quý và chứa chan tình người mà bản thân họ cũng đồng thời là những cá nhân trưởng thành về đạo đức, yêu lao động, có lý tưởng hoài bão, kính người, yêu đời, lạc quan tin tưởng vào xã hội. Mất đi ý thức nghĩa vụ đạo đức cũng chính

là đánh mất ý thức về chính bản thân mình, mất đi ý nghĩa làm người của mình.

Ý thức nghĩa vụ đạo đức là quá trình phát triển lâu dài từ hàng ngàn, hàng vạn năm. Thông qua hoạt động lao động sản xuất và hoạt động xã hội, bảo vệ cái thiện, chống

cái ác, xã hội đã hình thành nên những quan hệ giữa người và người ngày càng đa dạng

phong phú, sâu sắc nếu thiếu nó thì lợi ích xã hội, lợi ích cá nhân, lợi ích của mọi cộng đồng, mọi xã hội sẽ bị đe dọa. Các quan hệ đó có thể là quan hệ chính trị, quan hệ kinh tế, quan hệ xã hội, nhưng bao trùm lên tất cả, thấm sâu vào mọi mối quan hệ xã hội là quan

hệ đạo đức mà đặc trưng là nghĩa vụ đạo đức của con người.

Vì thế ý thức nghĩa vụ đạo đức được tất cả mọi người trong xã hội vun đắp, giữ gìn, phát triển để trở thành niềm tin, thành tình cảm thiêng liêng mà mỗi thế hệ người kế tiếp giữ gìn, kế thừa, bổ sung hoàn thiện như một di sản quý báu thể hiện lòng biết ơn, sự quý trọng đối với thế hệ đi trước và trách nhiệm cao quý với thế hệ đi sau.

Mỗi cá nhân con người, khi sinh ra đã bắt đầu được giáo dục ý thức nghĩa vụ đạo

đức, trước hết bằng con đường giáo dục gia đình. Bằng tình thương yêu, sự chăm sóc của

gia đình, con người đã cảm thụ và hình thành tình thương yêu đối với cha mẹ, ông bà, anh

chị em và những người thân. Những cảm thụ ban đầu ấy dần dần sâu sắc thêm, lớn thêm

và được củng cố để làm thành những yếu tố tạo nên hạt nhân ban đầu của ý thức nghĩa vụ đạo đức sau này.

Cùng với quá trình trưởng thành, mỗi con người còn được hưởng một nền giáo dục của nhà trường, của cộng đồng, đoàn thể xã hội và những nhân tố văn hóa truyền thống, văn hóa xã hội. Qua đó mỗi cá nhân, tùy thuộc vào đặc điểm và mức độ hoạt động tích cực mà dần dần hoàn thiện ý thức nghĩa vụ đạo đức của mình như niềm tin bên trong, như tình cảm thiêng liêng, như ý thức về đạo đức làm người.

Ý thức nghĩa vụ đạo đức không thể được hình thành thật sự chỉ bằng con đường giáo dục lý thuyết. ý thức nghĩa vụ bao giờ cũng được củng cố, phát triển bền vững bằng con đường trải nghiệm. Thông qua hoạt động lao động sản xuất, hoạt động xã hội với tất

cả những khó khăn trở ngại cũng như thách thức, con người ngày càng nhận thức, kiểm nghiệm trong thực tiễn những giá trị mà nghĩa vụ đạo đức mang lại.

Ý thức nghĩa vụ đạo đức mang tính chất một tình cảm thiêng liêng cao cả. Nó là nền tảng tinh thần của đạo trung, hiếu, nhân, nghĩa. Chính ý thức nghĩa vụ đạo đức cao quý

47

đã hun đúc lòng yêu nước trung thành với tổ quốc, tình yêu thương kính trọng, chăm sóc cha mẹ, lối sống thủy chung trong đạo vợ chồng, tình nghĩa anh em, bầu bạn.

Ý thức nghĩa vụ đạo đức là động lực tinh thần sâu sắc thúc đẩy từ nội tâm để con người sáng tạo nên những giá trị đạo đức cao cả. Vì thế, nghĩa vụ đạo đức không phải chỉ

là những giá trị tinh thần mà quan trọng hơn, nó phải được thể hiện ra trong đời sống thực tiễn, tạo nên những giá trị hiện thực đóng góp tích cực vào sự phát triển, sự tiến bộ của xã hội.

Ý thức nghĩa vụ đạo đức của con người là quá trình phát triển không ngừng cùng với quá trình trưởng thành của xã hội và con người. Vì thế, việc hình thành ý thức nghĩa

vụ đạo đức và sáng tạo nó trong đời sống thực tiễn phải là quá trình tu dưỡng bền bỉ, rèn luyện không ngừng trong suốt cả cuộc đời một con người.

4. Phạm trù lương tâm.

Quan niệm của các cá nhân về nghĩa vụ của mình đối với xã hội và với người khác là tiền đề của hành vi đạo đức của mình. ở đây còn chịu sự phản xử của lương tâm. Vậy lương tâm là gì?

Lương là tốt lành. Tâm là lòng. Xu hướng tiêu biểu của con người là hành động hướng thiện, mong muốn làm điều thiện và tự định giá, phán xử hành vi của mình. Có được những điều đó là nhờ có lương tâm. lương tâm là thế giới nội tâm sâu kín bên trong,

nó có tác dụng điều chỉnh ý thức, hành vi của con người, nhờ có lương tâm mà đạo đức xã hội mới bảo tồn và phát triển. lương tâm giúp con người hối cải và điều chỉnh lỗi lầm. Người có lương tâm dù bất kỳ ở đâu và trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng giữ được nhân cách tốt đẹp của mình. Do đó lương tâm hướng con người đến những điều tốt đẹp và đấu tranh chống lại cái ác. Nếu người không có lương tâm thì họ không thể thực hiện tốt nghĩa

vụ đạo đức, ngược lại họ sẵn sàng làm điều ác, tàn bạo.

a/Một số quan niệm về phạm trù lương tâm trong lịch sử.

- Platon: lương tâm là sự mạch bảo của thần linh thượng đế do đó nó tồn tại vĩnh

viễn.

- Locko: lương tâm là khả năng khống chế những dục vọng của mình, và tuân

theo sự hướng dẫn tuyệt đối của lý trí. Ông rất coi trọng giáo dục lương tâm “khoa học mà không có lương tâm chỉ là sự phá hoại tâm hồn”.

- Kant: lương tâm là sự thao thức của tinh thần, gắn với con người như là bẩm sinh.

48

- Heghen: lương tâm là sản phẩm của tinh thần, là ý thức được điều thiện và lẽ công bằng.

Nhìn chung, các nhà đạo đức học trước Mác đều khẳng định lương tâm là một phạm trù của đạo đức học, là yếu tố cấu thành đạo đức nhưng lý giải về lương tâm chưa khoa học.

b/ Quan niệm về lương tâm của đạo đức học Mác xít:

- **Khái niệm:** lương tâm là ý thức trách nhiệm và tình cảm đạo đức cá nhân về sự

tự đánh giá hành vi và cách cư xử của mình trong đời sống xã hội, hoặc lương tâm là năng lực tự đánh giá hành vi đạo đức của tình cảm đạo đức.

Lương tâm được xem như một loại cảm xúc đặc biệt thể hiện ra như thước đo mức độ trưởng thành đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội.

- Lương tâm vừa là ý thức vừa là tình cảm con người, càng có thiện tâm, thiện ý

và càng hành động tốt bao nhiêu thì lương tâm càng yên ổn bấy nhiêu và ngược lại. do đó, lương tâm là ngọn nguồn của hạnh phúc.

- Nguồn gốc của lương tâm:

Sự hình thành lương tâm là một quá trình phát triển lâu dài từ ý thức đến tình cảm

đạo đức.

+ Con người ý thức được cái cần phải làm vì sợ xấu hổ trước người khác và trước dư luận xã hội.

+ Con người ý thức được cái cần phải làm nếu không làm thì không chỉ sợ người khác và xã hội chê cười mà cơ bản là tự xấu hổ với chính mình, đạt tới trình độ tự xấu hổ sẽ làm xuất hiện lương tâm.

+ Lương tâm xuất hiện khi ý thức, tình cảm, trách nhiệm trước điều thiện và lẽ

công bằng. do đó lương tâm có thể xuất hiện từ lúc bắt đầu dự kiến hành vi cho đến khi

kết thúc hành vi. Nhưng sự thức tỉnh của lương tâm tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh cụ

thể của mỗi người.

- Sự hình thành cảm xúc lương tâm gắn liền với nhận thức con người về lẽ sống,

lý tưởng, hạnh phúc của con người, đặc biệt là với ý thức nghĩa vụ đạo đức. nghĩa vụ đạo đức là ý thức trách nhiệm trước xã hội và người khác, còn lương tâm là ý thức trách nhiệm trước bản thân mình. Có thể xem ý thức nghĩa vụ đạo đức là nền tảng, là cơ sở hình thành lương tâm của con người.

- Lương tâm được biểu hiện ở hai trạng thái khẳng định và phủ định.

+ Trạng thái khẳng định là sự thư thái của lương tâm là cảm giác trong sạch của lương tâm.

+ Trạng thái phủ định, con người cảm thấy sự cắn rứt, sự không trong sạch của lương tâm.

- Trạng thái khẳng định của lương tâm có vai trò nâng cao tính tích cực của con người, giúp con người tin tưởng vào bản thân trong quá trình hoạt động. Đó là niềm tin bên trong có ý nghĩa thôi thúc con người vươn tới cái thiện, cái tốt đẹp, đóng góp tích cực vào sự phát triển xã hội.

- Đạo đức học Mác xít không đồng nhất sự thư thái của lương tâm với sự yên tĩnh của tinh thần mang tính thụ động đến mức thờ ơ với mọi giá trị đạo đức, không quan tâm

gì đến cái thiện và ác. Sự thư thái của lương tâm gắn liền với hoạt động tích cực của con người vì hạnh phúc của xã hội và người khác.

- Trạng thái phủ định của lương tâm gây cho con người cảm giác đau khổ, làm suy giảm hoạt động tích cực của con người, nhưng trạng thái này cũng có vị trí quan trọng trong hoạt động của con người. Bằng sự cắn rứt, đau khổ, trạng thái phủ định của lương tâm nhắc nhở, giúp các chủ thể hành động suy nghĩ lại và uốn nắn những hành vi sai trái của mình trở lại con đường đúng đắn.

Lương tâm là đặc trưng của cá nhân nên nó có tính chủ quan nghĩa là lương tâm phụ thuộc bởi năng lực, khả năng, tình cảm và trí tuệ của mỗi con người. Nhưng lương tâm còn có tính chất giai cấp tức là do lập trường quan điểm giai cấp chi phối ý thức đạo đức và tình cảm đạo đức đồng thời lương tâm còn có tính nhân loại phổ biến đó là sự công bằng và các giá trị phổ quát... Do đó, có những kẻ thuộc giai cấp thống trị vẫn tỏ ra có lương tâm.

Vai trò của lương tâm:

Lương tâm trong sạch khi hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức được xã hội công nhận, tức ý thức được sự lương thiện của mình và tạo ra cảm giác vững tâm về nhân phẩm, danh dự, tạo ra sự thanh thản cho tâm hồn.

Nếu cảm giác lương tâm không trong sạch khi chủ thể hành động không đúng chuẩn mực đã được công nhận, dẫn đến cảm giác lương tâm không trong sạch chính là sự cắn rứt lương tâm. Tình cảm lương tâm là sự hài hòa giữa khát vọng hạnh phúc và tận tâm với nghĩa vụ. Thực hiện nghĩa vụ một cách trung thực là ngọn nguồn cơ bản của niềm vui hạnh phúc của con người. Nếu lương tâm cắn rứt dằn vặt thì bất hạnh sẽ lớn hơn nhiều.

Kant cho rằng sự tự đánh giá của lương tâm như là sự xét xử trước tòa. Màn kịch nội tâm là đấu tranh giữa nhân vật hành động và nhân vật phán xử. Ngược lại, kẻ nào o có

năng lực tự đánh giá hành vi, kìm chế hành vi vì lợi ích của mình chà đạp lên tất cả đó là những kẻ vô lương.

Sự hình thành lương tâm phải là một quá trình phấn đấu rèn luyện bền bỉ, lâu dài. lương tâm hết sức nhạy cảm, tinh

tế và thường trực giúp con người cảm nhận nên gọi là giác quan thứ 6. Người ta cho rằng lương tâm thường không mắc sai lầm, nhưng tiếng nói của nó nhiều khi lại hết sức yếu ớt đến nỗi con người có thể dập tắt nó không khó khăn.

Vì vậy, vấn đề rèn luyện, giáo dục lương tâm phải là công việc thường xuyên cho suốt cả cuộc đời.

5/ Phạm trù thiện và ác.

Trong lịch sử nhân loại, phạm trù thiện, ác được đề cập rất sớm. Nhân loại bao giờ cũng mơ tới cuộc sống thiện, tốt đẹp, hạnh phúc.

Trong đời sống của dân tộc ta luôn đề cao cái thiện và đấu tranh loại trừ cái ác.

“ác lai, ác báo”, “gieo gió gặp bão”, “ở hiền gặp lành”, “chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”, “tu nhân tích đức”.

Thiện là lợi ích của con người phù hợp với sự tiến bộ xã hội. Thiện cũng là những hoạt động phấn đấu hy sinh vì con người làm cho con người ngày càng sung sướng hơn, tự do, hạnh phúc hơn. xã hội càng văn minh càng yêu cầu con người sống thiện.

a/ Một số quan niệm thiện ác trong lịch sử:

- Các xu hướng duy tâm tôn giáo, xem cái thiện chính là ý muốn của thượng đế.

+ Abrelia cho rằng “ý muốn của thượng đế đó là cái thiện” và giải thích chúa là người duy nhất sáng tạo và mong cái thiện. Xung quanh chúng ta đều là cái ác và do đó con người sa ngã và mất hết tự do để vươn tới cái thiện, nên chúa phải cứu vớt con người ra khỏi cái ác đó chính là cái thiện của chúa.

+Platon: thượng đế đem lại cho con người điều thiện nên con người phải biết vâng mệnh thượng đế sống thiện và làm điều thiện.

+ Mạnh Tử: “nhân chi sơ tính bản thiện”.

Các quan niệm thiện, ác trên có sai lầm cho là phạm trù tiên thiên, nó như là bản chất vốn có, thậm chí có người cho rằng con người sinh ra đã mang theo mầm móng tội ác. Họ không hiểu được bản chất xã hội và tính lịch sử của phạm trù thiện ác.

b/ Quan niệm của đạo đức học Mác xít:

Đạo đức học Mác xít cho rằng quan niệm thiện, ác của con người là một sản phẩm lịch sử. Vì thế nội dung của nó không phải là một cái gì vĩnh viễn không thay đổi. ngược

51

lại, ở mỗi thời đại, từ những quan hệ kinh tế, xã hội và giai cấp, con người hình thành nên những quan niệm thiện hay ác khác nhau tương ứng với xã hội trong thời đại đó.

VD: Yêu cầu cái thiện trong chế độ phong kiến là cơm no, áo ấm cho nông dân

thì cái thiện trong xã hội tư bản là tự do dân chủ, bình đẳng, bác ái. Ngày xưa, cái thiện cao nhất là trung với vua, hiếu với cha mẹ thì ngày nay nó mang thêm nội dung mới “trung với đảng, hiếu với dân”.

Đạo đức mang tính giai cấp do vậy thiện, ác mang tính giai cấp. giai cấp này cho

là thiện thì giai cấp khác có khi cho là ác.

- Trong một quan niệm cụ thể về cái thiện bao giờ cũng hàm xúc nhiều lý tưởng

về đạo đức của con người, về lợi ích, sự yêu thương, kính trọng đối với con người, về sự

tôn vinh phẩm giá cao quý của con người. Những giá trị đó được thể hiện ra thông qua giá

trị tinh thần, vật chất mà bằng những nỗ lực, hy sinh, phấn đấu của bản thân mình, con người đã sáng tạo nên trong những điều kiện kinh tế xã hội cụ thể.

- Cấu trúc nội tại của bản thân cái thiện đòi hỏi có sự tương hợp giữa lý tưởng đạo đức và hiện thực đạo đức. Nếu những lý tưởng đạo đức phù hợp thì sẽ thúc đẩy sự phát triển của hiện thực đạo đức. Nếu lý tưởng đạo đức vượt quá xa đời sống hiện thực thì nó

chỉ có thể dừng lại ở những lý tưởng thuần túy mặc dù con người hết sức ngưỡng mộ và tôn thờ nhưng không thể sáng tạo nên cái thiện tương ứng. Ngược lại trong đời sống hiện thực, nếu không được hướng dẫn, được thúc đẩy bằng những lý tưởng đạo đức chân chính

thì cái thiện cũng khó có điều kiện hình thành và phát triển.

- Cái thiện bao giờ cũng phải là sự sáng tạo tích cực của con người theo những lý tưởng cao đẹp, đúng đắn. Trong một xã hội cụ thể, tùy theo những điều kiện khách quan, chủ quan nhất định, mỗi cá nhân hay nhóm thành viên đều có thể và cần phải tham gia vào sáng tạo nên cái thiện. Điều này làm cho cái thiện trong một xã hội cụ thể có thể tồn

tại và thể hiện ra ở nhiều cấp độ khác nhau, tùy thuộc vào sự phát triển các quan hệ xã hội, sự trưởng thành về đạo đức của chủ thể và những hoàn cảnh mà trong đó cái thiện được sáng tạo.

- Vì là sản phẩm của hoạt động sáng tạo của con người nên trong điều kiện nào cái thiện cũng gắn bó chặt chẽ với cái chân lý và cái đẹp.

Cái thiện trước hết phải là cái chân lý, cái đúng đắn. Thiếu những điều kiện đó không thể trở thành cái thiện, cái chân lý chứa đựng trong cái thiện chính là lợi ích của tổ quốc, của nhân dân, lợi ích chân chính của con người và xã hội loài người.

52

Cái thiện đồng thời phải thỏa mãn những quan niệm thiện, ác khác nhau. Tuy nhiên, những lý thuyết đạo đức nói chung và quan niệm thiện ác nói riêng gắn với các giai cấp tiến bộ của thời đại thì đều là những lý thuyết, những quan niệm tiến bộ.

- Đối lập với cái thiện là cái ác, cái mà chúng ta phải kiên quyết gạt bỏ khỏi đời sống xã hội.

Mặc dù phản đối việc đề cao cái ác hoặc biện hộ cho cái ác. Nhưng đạo đức học Mác-Lênin không đối lập một cách tuyệt đối giữa cái thiện và cái ác. Do là sản phẩm của lịch sử xã hội nên quan niệm về cái ác cũng thay đổi thậm chí trái ngược nhau từ xã hội này đến xã hội khác, từ thời đại này đến thời đại khác.

Có trường hợp một hiện tượng nào đó được một thời đại này coi là cái bình thường thậm chí là cái thiện, nhưng đến thời sau, do sự tiến bộ của xã hội lại bị coi là ác, bị xã hội lên án.

BÀI 5

NHỮNG NGUYÊN TẮC CỦA ĐẠO ĐỨC MỚI VÀ

TÍNH QUY LUẬT CỦA SỰ HÌNH THÀNH ĐẠO ĐỨC MỚI

I.VAI TRÒ CỦA ĐẠO ĐỨC MỚI TRONG VIỆC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.

1. Khái niệm đạo đức mới.

Đạo đức là một phạm trù lịch sử. Mỗi hình thái kinh tế xã hội đều có những chuẩn mực đạo đức phù hợp. Khi hình thái kinh tế xã hội thay đổi thì những chuẩn mực đạo đức

cũ cũng dần dần mất đi nhường chỗ cho những chuẩn mực đạo đức mới. Trong thời đại ngày nay, đạo đức mới là đạo đức cách mạng của giai cấp công nhân, đạo đức cộng sản chủ nghĩa, đỉnh cao của đạo đức trong lịch sử xã hội loài người.

Đấu tranh xóa bỏ mọi sự khác biệt giai cấp mâu thuẫn giai cấp, xây dựng xã hội công bằng dân chủ, văn minh là tư tưởng cao nhất của giai cấp vô sản. Đạo đức cộng sản phản ánh những lợi ích căn bản của giai cấp mình trong cách mạng vô sản, nó cũng là vũ khí tinh thần mạnh mẽ của giai cấp này sử dụng để xóa bỏ xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Đây là lần đầu tiên và lần cuối cùng đạo đức của một giai cấp lao động trở thành đạo đức cách mạng và chiếm địa vị thống trị trong đời sống đạo đức của xã hội. Nó thực hiện bước phủ định của phủ định, hình thành một vòng khâu phát triển làm nên bước tiến bộ toàn diện của đạo đức.

Chính vì khái niệm đạo đức cộng sản hoàn toàn mới trong lịch sử xã hội, nó đối

lập với đạo đức của giai cấp bóc lột và cũng khác với đạo đức của những người sản xuất nhỏ khác. Xét về bản chất và theo Lênin, đạo đức mới là những gì góp phần đoàn kết tất

cả những người lao động xung quanh giai cấp vô sản đang sáng tạo ra xã hội mới xã hội cộng sản chủ nghĩa.

2. Vai trò của đạo đức mới.

Với thắng lợi bước đầu của việc giành được chính quyền, giai cấp công nhân xác

lập địa vị thống trị về chính trị của mình và dùng địa vị đó xác lập thống trị về kinh tế, văn hóa và tư tưởng.

Mỗi bước thắng lợi của sự nghiệp xây dựng xã hội mới – Xã hội xã hội chủ nghĩa

là mỗi bước khẳng định địa vị thống trị của giai cấp công nhân về kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, trong đó có đạo đức mới. Đạo đức cộng sản dần dần khẳng định địa vị thống trị của mình trong đời sống đạo đức xã hội và là vũ khí tinh thần của giai cấp công nhân trong quá trình xây dựng xã hội mới.

Vai trò của đạo đức mới thể hiện ở những nội dung sau:

Thứ nhất, Các lý tưởng và nguyên tắc đạo đức cộng sản là cơ sở để các đảng Macxit và chính quyền nhà nước vô sản hoạch định chiến lược, sách lược, chính sách kinh tế, chính sách văn hóa – tư tưởng. Ở đây đạo đức và chính trị đều có chung mục đích

là khẳng định lợi ích của giai cấp công nhân. Kết quả là đạo đức cộng sản theo một ý nghĩa nhất định, nó vừa mang tính chất chính trị vừa mang tính pháp quyền.

Thứ hai, đạo đức cộng sản đã nhân đạo hóa một cách phổ biến mọi quan hệ xã hội nhờ tính phổ biến của các giá trị nhân đạo của mình. Dù trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền, hay trong thời kỳ xây dựng xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa, hành vi của giai cấp vô sản đều nhằm mục đích cao cả là giải phóng mình và giải phóng các loại người. Bởi vì, giai cấp vô sản, muốn giải phóng mình giải phóng cả nhân loại; muốn một người được tự do thì mọi người phải được tự do. Ở đây nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là sự thống nhất về chính trị, tinh thần và đạo đức trong các giai cấp và tầng lớp xã hội là cơ sở quy định tính phổ biến của các giá trị nhân đạo trong xã hội. Mặt khác, nội dung nhân đạo của đạo đức cộng sản còn là tư tưởng về con đường và phương thức của sự khẳng định sự tồn tại, hạnh phúc và phát triển tự do của con người.

Đạo đức cộng sản xâm nhập vào các tầng lớp xã hội, các lĩnh vực hoạt động xã hội tạo nên hai kết quả:

+ *Thứ nhất* là sự hoàn thiện cấu trúc đạo đức của cá nhân, các tập thể lao động công tác và chiến đấu.

+ *Thứ hai* là sự điều chỉnh, điều tiết đạo đức có tính thống nhất trên phạm vi toàn

xã hội. Sự phản ánh điều chỉnh đạo đức mạng tính tự giác, tự nguyện và tự do.

Ở đây Đảng và Nhà nước của giai cấp vô sản là chủ thể giáo dục động viên lãnh đạo toàn thể nhân dân lao động và các tầng lớp tiến bộ khác tham gia vào phong trào cách mạng. Đạo đức mới bao giờ cũng mang tính tự giác có tổ chức, có kế hoạch và có tính pháp lệnh. Điều đó bảo đảm cho các giá trị đạo đức mới tồn tại phổ biến trong đời sống

xã hội đang gặp khó khăn và thử thách nghiêm trọng. Thế giới quan và đạo đức tư sản đã

ảnh hưởng khá rõ nét trong đời sống tinh và đạo đức ở các nước xã hội chủ nghĩa. Ở nước

ta, trong quá trình đổi mới cơ chế hiện nay, do tác động của kinh tế thị trường, bên cạnh

mặt tích cực đã xuất hiện những hiện tượng “*đánh mất giá trị đạo đức*”. Đạo đức mới vừa phải đấu tranh với các thể hệ đạo đức khác, vừa phải đấu tranh tự đổi mới, tự khẳng định vai trò của mình trong điều kiện mới.

II. NHỮNG NGUYÊN TẮC CỦA ĐẠO ĐỨC MỚI.

Các nguyên tắc của đạo đức mới mang tính khách quan, được quy định bởi địa vị và

vai trò và sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản. Đây là những chuẩn mực khuyến khích, định hướng căn bản

cho đạo đức cộng sản, do đó chúng nên cần có những đòi hỏi cao đối với chủ thể đạo đức cả trong nhận thức và thực tiễn. *Đạo đức cộng sản có những nguyên*

tắc cơ bản sau:

1.Chủ nghĩa tập thể là cơ sở của đạo đức mới.

Tập thể là một cộng đồng người được tổ chức trên cơ sở phân công và hợp tác với nhau, cùng hoạt động nhằm mục đích chung, qua đó đem lại lợi ích cho cộng đồng, cho từng thành viên trong cộng đồng trong xã hội.

Tập thể chân chính có một số đặc trưng sau:

- Mục đích đúng đắn, nghĩa là lợi ích tập thể thống nhất với lợi ích xã hội.
- Phải có tổ chức nhất định và bộ máy phải thực sự hoạt động. Nếu bộ máy tê liệt, các thành viên không hoạt động (hoặc mạnh ai nấy làm) thì thực chất không còn tập thể nữa.
- Các lợi ích của tập thể, cá nhân, xã hội phải được tôn trọng và phải được xử lý một cách hài hòa.

Tính tập thể của con người xuất hiện rất sớm trong lịch sử do nhu cầu lao động tạo

ra vật phẩm để duy trì sự tồn tại và phát triển của con người. Chính lao động và nhờ lao động mà con người càng phát triển, hoạt động của con người càng phong phú. Suy cho cùng mọi giá trị vật chất, tinh thần của con người đều bắt nguồn từ hoạt động lao động. Tính tập thể của con người không chỉ biểu hiện ở những hoạt động cộng đồng có tính xã hội trực tiếp mà ở ngay cả những hoạt động độc lập, có tính chất cá nhân. Tinh thần tập thể nếu được thừa nhận là một giá trị cao đẹp, là một triết lý sống, một nguyên tắc sống

thì phát triển thành chủ nghĩa tập thể.

Chủ nghĩa tập thể là sự thống nhất tự giác giữa cá nhân vì những lý tưởng cao quý của con người. Đó là sự thống nhất của tình đồng chí, tinh thần trách nhiệm, thái độ tôn trọng và chăm sóc lẫn nhau, nhằm bảo đảm cho các cá nhân phát triển cao nhất, phục vụ lợi ích xã hội.

Chủ nghĩa tập thể là nguyên tắc, là cơ sở khoa học và là trung tâm của đạo đức mới. Trong đó, con người không chỉ nghĩ và hành động vì mình mà còn vì người khác, có trách nhiệm và thái độ tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau. Tập thể ở đây vừa là mục đích, vừa là phương tiện, là hình thức để cho các cá nhân phát triển.

Chủ nghĩa tập thể là kết quả của sự phát triển hợp quy luật của lịch sử loài người. Mỗi giai đoạn lịch sử đòi hỏi phải có kiểu tập thể thích hợp.

Dưới chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tập thể trở thành quan hệ xã hội phổ biến, thể hiện trong mối quan hệ xã hội và trong mọi hình thức của đời sống xã hội. Với những hình thức thích hợp, chủ nghĩa tập thể quy định tính chất hoạt động của người lao động. Trong đó, con người không chỉ nghĩ về mình mà còn vì người khác với một tinh thần trách nhiệm, chăm sóc lẫn nhau, thực hiện mục tiêu chung phù hợp với sự tiến bộ của xã hội-, vì vậy nó chính là cơ sở của chủ nghĩa nhân đạo cộng sản.

Chủ nghĩa tập thể không dung nạp chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa phường hội vì chủ nghĩa phường hội chẳng qua là sự biến tướng của chủ nghĩa cá nhân. Biện pháp chống chủ nghĩa cá nhân không chỉ dừng lại ở việc giáo dục cá nhân mà điều quan trọng là phải xây dựng những tập thể thực sự tốt đẹp. Ở đâu tập thể tốt đẹp thì ở đó chủ nghĩa cá nhân ít

có điều kiện nảy nở. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn nhắc nhở cán bộ và nhân dân ta phải nâng cao tinh thần tập thể, chống chủ nghĩa cá nhân. Theo Người chủ nghĩa cá nhân

là kẻ thù nguy hiểm mà mọi người chúng ta phải luôn luôn tỉnh táo đề phòng và kiên quyết tiêu diệt. Người cũng nhấn mạnh, chống chủ nghĩa cá nhân là một cuộc đấu tranh

lâu dài, kiên quyết, phải kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân dưới mọi hình thức, chống chủ nghĩa cá nhân nhưng không chống lại lợi ích cá nhân.

Do đó nếu quá nhấn mạnh đến lợi ích cá nhân con người dễ sa vào chủ nghĩa cá nhân, và ngược lại chống chủ nghĩa cá nhân không thận trọng sẽ “giày xéo” lên lợi ích chính đáng của cá nhân. Cả hai khuynh hướng trên đều dẫn tới sự đối lập giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể.

2. Lao động tự giác, sáng tạo là cội nguồn của đạo đức mới.

Lao động “là lực lượng bản chất của con người” quá trình con người tác động vào giới tự nhiên để cải biến tự nhiên, xã hội và chính mình phù hợp với nhu cầu lợi ích bản thân mình vì sự phát triển và tiến bộ của xã hội.

Có nhiều chuẩn mực về phẩm giá của con người như: lương tâm, động cơ, hành vi,...thái độ đối với lao động. Nhưng thái độ đối với lao động là thước đo quan trọng nhất, bởi vì căn cứ vào đó mà ta đánh giá lao động nghiêm túc, trung thực có trách nhiệm,

hay dối trá, qua quýt, tiết kiệm hay hoang phí. Thái độ lao động đúng đắn, biểu hiện cụ thể

ở những nội dung sau:

- Lao động cần cù, khoa học sáng tạo, lao động năng suất, chất lượng hiệu quả.
- Chăm lo thực hành tiết kiệm, chống tham ô lãng phí.
- Coi trọng lao động trí óc và lao động chân tay.
- Yêu quý lao động của mình, lao động của người khác.

Xã hội xã hội chủ nghĩa đòi hỏi thỏa mãn ngày càng cao nhu cầu đời sống của con người. Đòi hỏi đó hoàn toàn phụ thuộc vào lao động nhiệt tình sáng tạo với năng suất chất lượng cao của người lao động. Theo Lênin chủ nghĩa xã hội bắt đầu từ bắt đầu từ chỗ nào

mà những công nhân bình thường biết quan tâm với một tinh thần hy sinh và không quản ngại nhọc đến việc nâng cao năng suất lao động. Đây là vấn đề mà Lênin cho là quan trọng nhất, căn bản nhất cho thắng lợi của chế độ mới so với nhiệm vụ chiến đấu để đánh

đổ chế độ. Thái độ lao động tự giác, có kỷ luật, lao động sáng tạo thể hiện bản chất con người lao động cho xã hội, cho mình mà mình làm chủ. Đạo đức của con người trước hết được thẩm định bằng thái độ lao động, hiệu quả lao động đóng góp của họ đối với xã hội. Đạo đức mới hoàn toàn xa lạ với kiểu lao động hình thức, tắc trách, kém hiệu quả và vụ lợi. Chủ nghĩa hình thức, cảm tính chủ quan trong việc đánh giá đạo đức nhân cách của con người cần phải được phê phán và khắc phục.

3. Chủ nghĩa yêu nước kết hợp với chủ nghĩa quốc tế.

Lòng yêu nước là tình cảm tự nhiên mang tính xã hội của con người với tổ chức mình. Mỗi con người sinh ra đều có cội nguồn, quê hương, đất nước, dân tộc và mọi người đều có quyền yêu cội nguồn, quê hương dân tộc ấy. Đây là một thuộc tính tự nhiên có ý nghĩa phổ biến.

Gắn bó với nơi chôn rau cắt rốn của mình, nơi ghi đậm những kỷ niệm vui buồn của tuổi ấu thơ là một nét tình cảm và tâm lý phổ biến mà ai cũng có. Đo đó, dù chốn quê hương là đồng khô cỏ cháy, nắng trải mưa dầm, nó vẫn có sức gọi nhớ sức lay động những gì ẩn kín tận đáy tâm hồn của chúng ta. Ai cũng tìm thấy nét tự hào về quê hương mình, song niềm tự hào chính đáng nhất, cao cả nhất có sức cổ vũ mạnh mẽ nhất là tự hào

về truyền thống dân tộc. Chính lòng tự hào đó đem lại cho tình yêu Tổ Quốc một nội dung phong phú sâu sắc ở mỗi con người.

Một khi lòng yêu nước phát triển thành một triết lý nhân sinh, triết lý xã hội, một

lối sống một trình độ nhận thức sâu sắc và có hệ thống chi phối một cách có ý thức mọi hành vi và ứng xử của con người thì trở thành chủ nghĩa yêu nước.

Chủ nghĩa yêu nước là tình yêu đối với đất nước, lòng trung thành với Tổ Quốc và khát vọng phục vụ những lợi ích của Tổ Quốc và nhân dân. Chủ nghĩa yêu nước *“là một trong những tình cảm sâu sắc nhất, đã được củng cố qua hàng trăm năm hàng nghìn năm tồn tại của Tổ Quốc biệt lập”* – Như Lênin từng nhận định.

Chủ nghĩa yêu nước có quá trình phát triển có tính lịch sử lâu dài và trong xã hội

có giai cấp nó mang tính giai cấp. Yêu nước theo quan niệm của giai cấp phong kiến là trung quân tức là trung với vua. Theo quan niệm của giai cấp tư sản là yêu chế độ tư sản. Chủ nghĩa yêu nước tư sản chứa đựng trong lòng nó tính bản vị dân tộc và tham vọng thống trị các dân tộc khác, phục vụ cho lợi ích của giai cấp tư sản. Cái gọi là lợi ích dân

tộc mà giai cấp tư sản vẫn thường tuyên truyền thực chất chỉ là lợi ích riêng, ích kỷ của bản thân giai cấp tư sản. Yêu nước trên lập trường giai cấp công nhân khác hẳn về chất với quan niệm của giai cấp bóc lột. Nội dung của nó được thể hiện như sau:

- Yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội, yêu nhân dân lao động. Tổ Quốc xã hội chủ

nghĩa là tổ quốc của nhân dân, chứ không phải là tài sản của riêng cá nhân nào. Lý tưởng

xã hội chủ nghĩa và lý tưởng của dân tộc là thống nhất. Yêu nước xã hội chủ nghĩa đó là lòng tự hào của dân tộc, lòng tự hào về sức sáng tạo trong lao động sản xuất, lòng tự hào

về những anh hùng bất khuất bảo vệ lợi ích của tổ quốc, của nhân dân, xả thân vì sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, vì độc lập tự do của Tổ Quốc. Vì vậy, chủ nghĩa yêu nước của giai cấp công nhân luôn gắn liền với lợi ích của nhân dân lao động, gắn liền với mục đích giải phóng nhân dân lao động khỏi mọi áp bức bóc lột, nâng cao phát triển đời sống vật chất, văn hóa tinh thần, làm cho người lao động làm chủ đất nước mình.

- Yêu nước trên lập trường chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. Chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân nhằm đoàn kết giúp đỡ và giải phóng nhân dân lao động toàn thế giới khỏi mọi xiềng xích áp bức bóc lột giai cấp thống trị. Thực tế lịch sử cho thấy, vấn đề dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế quan hệ hữu cơ không thể tách rời. Muốn hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc phải làm tốt nhiệm vụ quốc tế. Đồng thời làm nhiệm vụ quốc tế cũng là để góp phần thúc đẩy sự nghiệp cách mạng dân tộc. Sự kết hợp chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế trở thành một nguyên tắc của xây dựng đạo đức mới có những yêu cầu sau:

+ Trong khi bảo vệ độc lập về lãnh thổ, kinh tế chính trị và văn hóa của dân tộc mình phải trân trọng dân tộc khác và trân trọng nền độc lập của họ. Đòi hỏi này nhằm chống chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chủ nghĩa “nước lớn”, chủ nghĩa thực dân dưới mọi hình thức và tạo nên sự bình đẳng dân tộc mà thực chất là bình đẳng giữa những người lao động sống ở những quốc gia dân tộc khác nhau.

+ Yêu tố quốc nhân dân mình đồng thời yêu nhân dân lao động các dân tộc khác, chống lại mọi thành kiến dân tộc, kỳ thị và phân biệt chủng tộc.

+ Lao động chiến đấu hoạt động với tinh thần đạo đức cộng sản để bảo vệ, xây dựng tổ quốc mình và tích cực đoàn kết ủng hộ và giúp đỡ đối với phong trào công nhân, phong trào cộng sản và phong trào giải phóng dân tộc trên toàn thế giới.

+ Chủ nghĩa quốc tế vô sản và chủ nghĩa dân tộc tư sản không chỉ là hai thế giới quan đối lập mà còn là hai chính sách, hai nguyên tắc đối lập về vấn đề dân tộc. Nếu nguyên tắc dân tộc chủ nghĩa phản ánh sự thù hận và ghen ghét giữa các dân tộc, thì nguyên tắc quốc tế chủ nghĩa đòi hỏi giữa người với người hoặc giữa nhân dân các dân

tộc này với dân tộc khác đều phải có quan hệ trong sáng, hợp nhân tính. Đây là một nguyên tắc nói lên tính chất đạo đức chân chính của con người, là đặc trưng không thể thiếu được của đạo đức cộng sản.

4. Chủ nghĩa nhân đạo cộng sản.

Chủ nghĩa nhân đạo có gốc Latinh (Humanus) có nghĩa là về con người, về tính người, có học thức. Theo nghĩa hẹp, chủ nghĩa nhân đạo là một trào lưu tư tưởng thế tục của thời đại Phục hưng, gắn với việc nghiên cứu các di sản cổ đại trong triết học, luân lý học, nghệ thuật và mô tả đặc điểm của nền văn hóa thời kỳ Phục hưng.

Theo nghĩa rộng, chủ nghĩa nhân đạo là một trào lưu xã hội tiến bộ, là tổng hợp những quan điểm nhằm bảo vệ phẩm giá và quyền của con người, là sự chăm lo đến hạnh phúc và sự phát triển toàn diện của con người.

Ngay từ xa xưa những tư tưởng nhân đạo của nhân dân lao động đã hình thành một cách tự phát trong cuộc đấu tranh chống áp bức bóc lột và chống lại những hành vi vi phạm đạo đức. Chủ nghĩa nhân đạo chỉ được hình thành rõ nét từ phong trào Phục hưng

thế kỷ XV – XVI ở Italia. Các đại biểu tư tưởng của giai cấp tư sản đang lên, đòi giải phóng con người, đòi tự do, bình đẳng, bác ái cho con người, phản đối chủ nghĩa khổ hạnh tôn giáo. Những tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa thời Phục hưng được các nhà khai sáng thế kỷ XVIII và sau đó là những tư tưởng gia tư sản tiến bộ thế kỷ XIX tiếp thu. Đó

là những tư tưởng tiến bộ phù hợp với yêu cầu của quần chúng đông đảo, vì thế nó trở

thành ngọn cờ tư tưởng của cách mạng tư sản. Trước Mác, tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa

đã hình thành hai xu hướng sau:

- Thứ nhất: chủ nghĩa nhân đạo của các nhà tư tưởng tư sản tiến bộ thế kỷ XVII – XVIII, dựa trên cơ sở vật chất là chế độ tư hữu, cơ sở đạo đức là chủ nghĩa cá nhân. Tư tưởng này biểu hiện lợi ích và hệ tư tưởng phi tôn giáo của giai cấp tư sản đang lên tiến tới nắm chính quyền.

- Thứ hai: gắn liền với chủ nghĩa xã hội không tương biểu hiện lợi ích của những người lao động, những người nông dân, công nhân kể cả giai cấp bình dân thành thị. Họ chống lại hệ tư tưởng phong kiến và giáo quyền, bảo vệ lợi ích cá nhân mà trọng tâm chú

ý của họ là vấn đề yêu cầu mọi người bình đẳng về tài sản, đòi lập một chế độ xã hội công bằng.

Hai khuynh hướng này tuy có khác nhau nhưng quan hệ với nhau, đều chống phong kiến, chống giáo hội. Nhưng có nhược điểm chung là:

+ Trừu tượng, kêu gọi tình thương chung chung.

+ Không thể thực hiện trong thực tế.

Chủ nghĩa nhân đạo cộng sản là sự kế thừa và phát triển trên quan điểm biện chứng những tinh hoa lý tưởng nhân đạo trong lịch sử nhân loại. Đây là chủ nghĩa nhân đạo “có tính chất hiện thực và trực tiếp nhằm vào hành động, nhằm giải phóng con người chứ không phải là những cảm nhận thương xót về thân phận con người”. Trên ý nghĩa đó chủ nghĩa nhân đạo cộng sản là nội dung cơ bản của đạo đức mới, vì “cái gốc của đạo đức, của luân lý và lòng nhân ái”.

Lý tưởng nhân đạo triệt để là tạo lập điều kiện xóa bỏ tận gốc mọi điều kiện áp bức, bóc lột và nô dịch con người. Chủ nghĩa cộng sản là chủ nghĩa nhân đạo triệt để nhất, hiện thực nhất.

Cần chú ý là, chủ nghĩa nhân đạo macxit đề cao tình yêu thương con người, thì đồng thời tỏ rõ thái độ phần nộ đối với những thế lực đối địch thù ghét người. Chủ nghĩa nhân đạo ở đây mang tính lịch sử cụ thể, nghĩa là mọi thời đại, mỗi dân tộc, mỗi giai cấp đều đưa vào chủ nghĩa nhân đạo những nội dung phù hợp với mình.

Chủ nghĩa nhân đạo cộng sản khác hoàn toàn về chất so với chủ nghĩa nhân đạo tư

sản vì:

Chủ nghĩa nhân đạo cộng sản có nội dung toàn diện, triệt để và sâu sắc, nó thủ tiêu

tất cả mọi áp bức bóc lột trong xã hội, mọi người đều được tự do, được thực hiện đầy đủ quyền làm người. Đây là chủ nghĩa nhân đạo tự do và đầy đủ nhất đối với nhân loại, là chủ nghĩa nhân đạo hoàn bị nhất trong lịch sử loài người.

III. TÍNH QUY LUẬT CỦA SỰ HÌNH THÀNH ĐẠO ĐỨC MỚI.

1. Đạo đức mới bắt nguồn từ đạo đức cách mạng của giai cấp vô sản hình thành trong cuộc đấu tranh cách mạng.

Về mặt lịch sử, đạo đức mới đã tồn tại và phát triển trước khi tồn tại xã hội xã hội chủ nghĩa, nó được hình thành từ cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại giai cấp

tư sản, nhằm xác lập địa vị thống trị chính trị của mình. Chính nội dung cuộc đấu tranh này quy định nội dung của đạo đức cộng sản. Khi xác lập được chính quyền và nền chuyên chính của mình, giai cấp công nhân lãnh đạo xã hội xây dựng nền kinh tế mới, một cơ cấu xã hội – giai cấp mới, một đời sống văn hóa tinh thần mới có tính xã hội chủ nghĩa. Đây là cơ sở tất yếu cho sự phát triển đạo đức mới. Đạo đức mới hình thành và phát triển từ đạo đức cách mạng của giai cấp vô sản trên cơ sở kế thừa những giá trị truyền thống có chọn lọc và ngày càng trở thành đạo đức chung của nhân loại.

...

Tài liệu tham khảo: Giáo trình Đạo đức và Pháp luật xã hội, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, 2015.

- Đạo đức cộng sản được hình thành và phát triển qua các giai đoạn sau:

Đạo đức cách mạng	Đạo đức xã hội	Đạo đức cộng sản
của giai cấp vô sản	chủ nghĩa	

Đạo đức cộng sản (theo nghĩa rộng).

Như vậy, đạo đức xã hội chủ nghĩa chỉ là một giai đoạn trong sự hình thành đạo đức cộng sản.

Bản chất nhân đạo của đạo đức cộng sản xã hội chủ nghĩa bắt nguồn từ bản chất nhân đạo của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa quy định, tuyệt nhiên không phải do một đầu

ốc uyên thâm, thiện chí của một người nào đó nghĩ ra mà bị chi phối bởi nền kinh tế xã hội xã hội cộng sản. Chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa đồng thời là một kết quả của quá trình hình thành và phát triển của đạo đức mới. Đây cũng là giai đoạn triển khai, phổ biến của đạo đức cộng sản trên quy mô toàn xã hội. Do đó, quá trình này vô cùng khó khăn và phức tạp, trải qua một cuộc phê phán gay gắt với mọi hình thức, chuẩn mực của đạo đức phi vô sản khác.

62

Đạo đức cộng sản, theo nghĩa hẹp là đạo đức mới được phát triển ở một giai đoạn cao nhất trong lịch sử xã hội loài người.

2. Đạo đức mới là sản phẩm tổng hợp của quá trình xây dựng xã hội mới.

Đạo đức mới không phải từ trên trời rơi xuống mà nó xuất phát từ điều kiện kinh tế

- xã hội nhất định. Đời sống xã hội sản sinh ra đạo đức quyết định nội dung và khuynh hướng phát triển của đạo đức. Với tư cách là một hình thái ý thức xã hội, một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, nó bị quy định bởi một tồn tại xã hội, một cơ sở hạ tầng nhất định. Quá trình xây dựng xã hội mới cũng là quá trình hình thành và phát triển của đạo đức mới. Điều đó được thể hiện như sau:

- Nền sản xuất xã hội xã hội chủ nghĩa là cơ sở kinh tế của đạo đức mới. Khác với mọi nền sản xuất khác, nền sản xuất xã hội xã hội chủ nghĩa có mục đích cao nhất vì lợi ích và hạnh phúc của nhân dân lao động. Nó tạo ra sự công bằng trong hưởng thụ và sự

hài hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội, theo nghĩa đó, nó mang tính chất nhân đạo cao cả. Chính vì vậy, đạo đức cộng sản phản ánh và lấy cơ sở từ nền kinh tế xã hội đó cũng mang tính nhân đạo. Nền sản xuất xã hội chủ nghĩa càng phát triển bao nhiêu thì đạo đức cộng sản càng nhân đạo bấy nhiêu.

- Quan hệ bình đẳng giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa và các tầng lớp lao động khác là cơ sở xã hội – giai cấp của đạo đức cộng sản. Ở đây, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và các tầng lớp

lao động khác đã được giải phóng khỏi điều kiện kinh tế và chính trị, họ trở thành chủ thể

của mọi quá trình xã hội, là nguồn sáng tạo chân chính. Đó là cơ sở trực tiếp quyết định

sự phản ánh và điều chỉnh đạo đức mới dựa trên sự thống nhất về lợi ích của các chủ thể

trong xã hội. Cơ cấu xã hội – giai cấp đó là hệ thống quan hệ giữa những người lao động

có quan hệ thân ái, đoàn kết, có chung lợi ích và mục đích. Chính quan hệ này trong xã hội chủ nghĩa là cơ sở chính trị - xã hội của đạo đức cộng sản.

- Nền văn hóa tinh thần của xã hội xã hội chủ nghĩa là cơ sở tinh thần của đạo đức cộng sản. Sự tác động của chính trị đến đạo đức là hết sức to lớn và mang ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của đạo đức, nhất là đối với đạo đức cộng sản. Điều đó được thể hiện trong đường lối chính sách và các biện pháp giáo dục của con người mới nói chung, đạo đức mới nói riêng của nhà nước vô sản. Ý thức chính trị có vai trò xác định phương hướng, phạm vi, biện pháp phát triển của đạo đức cộng sản. Khoa học trong xã hội xã hội chủ nghĩa luôn tác động tích cực đến đời sống đạo đức bằng cách làm phong phú nội dung đạo đức mới, nâng sự phản ánh, điều chỉnh của đạo đức mới lên trình độ ngày càng cao hơn. Khoa học còn là phương tiện hữu hiệu để giáo dục đạo đức cộng sản trong xã hội xã hội chủ nghĩa.

63

Nghệ thuật có vai trò to lớn trong đời sống tinh thần nói chung, đời sống đạo đức nói riêng, khi nó thực hiện chức năng giáo dục của mình. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa,

sự phát triển hoàn thiện nền nghệ thuật không vì mục đích tự thân, mà là nhằm xây dựng con người mới, đạo đức mới. Và nó trở thành phương tiện có hiệu quả để giáo dục đạo đức cộng sản.

Tóm lại: cơ sở kinh tế - xã hội – giai cấp quyết định nội dung của đạo đức mới, bảo đảm sự tồn tại vững chắc của nó. Cơ sở tinh thần làm phong phú nội dung và hoàn thiện cấu trúc của đạo đức cộng sản. Nó có ý nghĩa như là công cụ phương tiện giáo dục và hoàn thiện đạo đức cộng sản.

3. Đạo đức mới không là sản phẩm tự phát mà được hình thành một cách tự giác (nói cách khác nó là kết quả của giáo dục và tự giáo dục).

Giáo dục có vai trò quan trọng hàng đầu trong quá trình hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách. Nhờ có giáo dục mà đạo đức mới dần dần được phát triển và hoàn thiện trong ý thức cá nhân và ý thức xã hội, trở thành yếu tố phổ biến, thống trị trong đời sống xã hội. Quá trình giáo dục đạo đức cộng sản cần tuân theo một số yêu cầu sau:

- Một là: giáo dục đạo đức cộng sản phải là quá trình giáo dục tổng hợp bao gồm giáo dục chính trị, giáo dục đạo đức, thẩm mỹ, văn hóa, lao động...và chúng luôn gắn bó với nhau.

- Hai là: giáo dục đạo đức cộng sản phải là một quá trình thống nhất giữa lý luận

và thực tiễn. Trong chủ nghĩa xã hội tính tự giác của quá trình hình thành đạo đức mới không chỉ thể hiện ở công tác giáo dục, mà nó còn thể hiện trong toàn bộ hoạt động xây dựng xã hội mới, xây dựng nền kinh tế mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết cần có con người xã hội chủ nghĩa”. Đây là quá trình hình thành và phát triển các phẩm chất đạo đức cá nhân: quá trình đó, một mặt, con người thể hiện niềm tin đạo đức, những biểu hiện về giá trị, chuẩn mực đạo đức, mặt khác, nhờ

những kết quả hoạt động, họ xác nhận một cách thực tiễn những giá trị đạo đức của mình.

- Ba là: giáo dục đạo đức cộng sản là quá trình kết hợp giữa giáo dục và tự giáo dục. Quá trình tự giáo dục là sự tiếp tục giáo dục đạo đức ở chủ thể, là mặt bên trong, nội tâm cả quá trình giáo dục đạo đức do xã hội thực hiện đối với mỗi cá nhân. Những tri thức

về đạo đức trở thành đối tượng của những rung cảm sâu lắng, trở thành những nội dung

cơ bản của đối tượng giáo dục. Quá trình giáo dục và tự giáo dục có ý nghĩa quyết định

đến tính tự giác của đạo đức mới.

BÀI 6

MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC MỚI TRONG NỀN KINH TẾ

THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

I. ĐẠO ĐỨC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.

1. Ảnh hưởng của kinh tế thị trường đối với đạo đức

Hiện nay đất nước ta đang tiến hành đổi mới toàn diện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó đổi mới kinh tế là trọng tâm. Thực chất của đổi mới kinh tế là chuyển từ mô hình kinh tế tập trung quan liêu hành chính bao cấp sang phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Việc chuyển sang phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã và đang tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nó vừa có tính tích cực, vừa có tính tiêu cực đối với đạo đức.

Ảnh hưởng của cơ chế thị trường đối với đạo đức là một hiện tượng hết sức phức tạp; có thể khái quát mặt tích cực và tiêu cực của nó như sau:

*** Về mặt tích cực:**

Cơ chế thị trường kích thích sự phát triển kinh tế, nâng cao tổng công lợi xã hội,

tạo điều kiện cho sự phát triển con người về mọi mặt, trong đó có đạo đức. Con người tham gia vào hoạt động kinh tế thị trường về nhân cách được độc lập, tự do có quyền bình đẳng trong cạnh tranh, giữ chữ tín trong trao đổi và tăng cường quan tâm phát triển lợi ích chung của toàn xã hội.

Tham gia vào kinh tế thị trường, con người có điều kiện phát triển nhân cách cá nhân: Tính quyết đoán, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tính năng động sáng tạo trong lập thân, lập nghiệp được khẳng định.

*** Về mặt tiêu cực:**

Bên cạnh những mặt tích cực nói trên, cơ chế thị trường cũng gây ra hàng loạt những hiện tượng tiêu cực đối với đạo đức và tiến bộ xã hội.

Đó là, sự phân hoá giàu nghèo một cách sâu sắc, từ đó làm sâu sắc thêm những mâu thuẫn xã hội.

Kinh tế thị trường dễ nảy sinh những tệ nạn xã hội: tham nhũng, tội phạm, bạo lực.

Đó là sự kích thích lòng tham lợi, dẫn đến khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên cũng như sức lực của người lao động. Kinh tế thị trường còn kích thích chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa cá nhân cực đoan, lối sống chạy theo đồng tiền bất chấp đạo lý. Đặc biệt, đối với những nước mới bước vào kinh tế thị trường, sự đụng độ giữa kinh tế thị trường

và các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc cũng trở thành một vấn đề nan giải.

Như vậy, kinh tế thị trường vừa có ảnh hưởng tích cực, vừa có ảnh hưởng tiêu cực

đối với đạo đức.

Là một lĩnh vực đặc trưng cho nhân tính, đạo đức rất nhạy cảm trước tác động của kinh tế

thị trường, nó trở thành vấn đề cấp bách gây ra mối quan tâm không chỉ trên bình diện lý luận mà cả trên bình diện thực tiễn. Vì thế, việc lựa chọn nội dung và hình thức giáo dục thích hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc định hướng phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

2. Vai trò của đạo đức trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Đạo đức là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng của ý thức xã hội, một mặt bị

quy định bởi cơ sở hạ tầng của tồn tại xã hội; mặt khác nó cũng có tính độc lập tương đối

và tác động tích cực trở lại đối với cơ sở hạ tầng, tồn tại xã hội. Vì vậy trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đạo đức có vai trò rất to lớn. Chúng ta xem xét một số khía cạnh sau: Một là, đạo đức góp phần định hướng mục tiêu chủ nghĩa xã hội.

Hiện nay nước ta đang xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ

nghĩa. Ở đây xã hội mới không phải là sự cộng sinh giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa

xã hội mà là sự phản ánh tổng thể các mối quan hệ biện chứng của các nhân tố xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội vừa là mục tiêu của sự định hướng, vừa hiện diện ngay từ đầu trong sự định hướng đó với tính cách là những nhân tố hợp thành, là những chồi non đang trưởng thành và phát triển hoàn thiện đạt đến mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Những nhân

tố đó là “nhà nước của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng”, “nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác trở thành nền tảng”, “tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội”.

Như vậy, mục tiêu định hướng xã hội chủ nghĩa của cách mạng nước ta đồng nhất với mục tiêu của chủ nghĩa nhân đạo là làm cho mọi người đều có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Hai là, nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, ngay từ

trong bản chất của nó đã chứa đựng yếu tố luân lý đạo đức.

Trước hết cần phải thấy rằng, nền kinh tế thị trường không phải là thuộc tính riêng của chủ nghĩa tư bản. Nó là phương thức tiến hành sản xuất của nhiều chế độ xã hội phù hợp với yêu cầu hoạt động của lực lượng sản xuất kể cả trình độ hiện đại.

Trong điều kiện xã hội tư bản, dựa trên chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, mục đích của người sản xuất hàng hóa là thu được giá trị thặng dư, tức là bóc lột lao động thặng dư của người lao động để gia tăng tư bản tư nhân, còn thỏa mãn nhu cầu đời sống của con người chỉ là phương tiện để đạt mục đích. Ngược lại nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa khác hẳn về chất so với nền kinh tế thị trường khác. Ở đây kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế hợp tác trở thành nền tảng cho toàn bộ nền kinh tế. Nhiệm vụ của nó là giải phóng lực lượng sản xuất, lấy việc nâng cao hiệu quả của kinh tế và xã hội, cải thiện đời sống nhân dân là mục tiêu hàng đầu trong việc khuyến khích các thành phần kinh tế. Muốn vậy, đòi hỏi phải sử dụng hợp lý, hữu hiệu các nguồn vốn (thiết bị, nguyên liệu, nhân lực) để nâng cao hiệu quả sản xuất, bảo đảm chất lượng sản phẩm và bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng là biểu hiện các quan niệm giá trị đạo đức.

Ngày nay thước đo đánh giá hoạt động của chủ thể sản xuất kinh doanh không hoàn toàn là hiệu quả kinh tế mà còn là tình cảm, trách nhiệm và danh dự xã hội.

Ba là, các tiêu chuẩn đạo đức và quan niệm giá trị biểu hiện hình thái ý thức cấu thành tiền đề nhân văn trong hoạt động của chủ thể kinh tế.

Thực tiễn cho thấy, động lực của sự phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ngoài những nhân tố kinh tế, còn có cả nhân tố phi kinh tế, kể cả nhân tố tinh thần đạo đức: như tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý thức độc lập tự chủ, tự cường của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đó chính là những tình cảm và giá trị đạo đức cao đẹp của người Việt Nam. Dựa trên những giá trị đó, mọi tài năng sáng tạo, mọi nguồn lực to lớn của đất nước, của nhân dân ta sẽ được tập hợp và phát huy để hướng vào mục tiêu đưa nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, sánh vai cùng các nước phát triển trên thế giới.

Ngày nay, trong công cuộc đổi mới đất nước, Đảng ta xác định nhiệm vụ trọng tâm

là phát triển kinh tế, điều đó không có nghĩa là xem nhẹ vai trò của đạo đức. Đảng ta luôn khẳng định vai trò quyết định của nhân tố con người, đó phải là những con người phát triển cao về trí tuệ, cường tráng về thể chất, trong sáng về đạo đức, phong phú về tinh thần, trong đó đạo đức mới là một động lực tinh thần to lớn thúc đẩy phong trào thi đua

yêu nước, hăng say lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, phát huy sáng kiến kỹ thuật, làm việc có chất lượng và hiệu quả cao của nhân dân lao động.

Bốn là, đạo đức góp phần điều tiết các quan hệ lợi ích trong kinh tế thị trường

định hướng xã hội chủ nghĩa.

Quan hệ đạo đức gắn liền “tiềm ẩn” trong các quan hệ xã hội. Các chuẩn mực đạo đức duy trì trật tự chung trong các lĩnh vực sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng, điều hòa quan hệ lợi ích giữa con người với con người. Trong các xí nghiệp thuộc kinh tế nhà nước, vấn đề đặt ra là làm sao cho công nhân yêu mến xí nghiệp mình, làm sao để họ

coi trọng lợi ích xí nghiệp và thành quả lao động của công nhân gắn bó chặt chẽ với vinh

dự xã hội và lợi ích vật chất của họ. Ở đây không chỉ là tác động của kinh tế, chính trị mà còn là yếu tố đạo đức nữa.

Đối với khu vực kinh tế tư bản tư nhân, quan hệ giữa chủ và người làm thuê cũng

đặt ra nhiều vấn đề. Ngoài việc phải tuân thủ chính sách và pháp luật của Nhà nước, giữa

họ còn có quan hệ về mặt đạo nghĩa: tôn trọng nhân cách của người lao động, quan tâm cải thiện điều kiện lao động và đãi ngộ phúc lợi hợp lý...

Trong quan hệ giữa nhà sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng, yêu cầu đạo đức phải thực hiện đúng các quy phạm đạo đức nghề nghiệp, hàng hóa phải hợp quy cách, đúng chất lượng, mẫu mã. Chủ doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm trước người tiêu dùng

về hàng hóa mình bán ra, bảo đảm “hàng thực, giá đúng”. Nhà doanh nghiệp luôn có ý thức về đạo đức trong kinh doanh, ngoài lợi nhuận chính đáng còn phải suy nghĩ xem có nên sản xuất loại hàng này không? Hàng hóa này có nên đem bán ra thị trường không?

Như vậy đạo đức có vai trò hết sức quan trọng và là yếu tố bên trong của chính nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

II. SỨC BIẾN ĐỔI CỦA THANG GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Giá trị và thang giá trị đạo đức.

Giá trị là cái gì làm cho một vật trở nên có ích lợi, có ý nghĩa, là đáng quý về mặt nào đó. Có giá trị cá nhân và giá trị xã hội. Từ quan niệm trên, có thể hiểu giá trị đạo đức

là những cái được con người lựa chọn và đánh giá, là những cái có ý nghĩa tích cực với

đời sống xã hội và phù hợp với dư luận xã hội.

Một tổ hợp giá trị đạo đức hay một hệ thống giá trị đạo đức được xếp theo một thứ

tự ưu tiên nhất định được gọi là thang giá trị đạo đức. Ví dụ, khi nói về giá trị đạo đức

truyền thống của dân tộc ta, giáo sư Trần Văn Giàu nhấn mạnh bằng nội dung sau: “yêu nước, cần cù, anh hùng, sáng tạo, lạc quan, thương người, vì nghĩa”. Đó là thang giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc được xếp theo thứ tự nhất định.

Thang giá trị đạo đức được hình thành và phát triển phụ thuộc vào điều kiện lịch sử

xã hội nhất định, và từ thang giá trị đạo đức, chủ thể đạo đức (dân tộc, nhóm, cá thể) có

thể vận dụng nó để tạo lập một hoạt động, hành vi hay đánh giá một hiện tượng xã hội, một cử chỉ hành vi... được gọi là thước đo giá trị.

Đạo đức không sinh ra từ đạo đức mà là sản phẩm của những điều kiện lịch sử cụ thể. Các giá trị đạo đức là kết quả của các mối quan hệ giữa người với người trong những hoàn cảnh lịch sử nhất định.

Nghiên cứu thang giá trị đạo đức truyền thống Việt Nam có thể nêu lên một số

nhận xét sau:

Trong thang giá trị đạo đức truyền thống, lòng yêu nước được xem là cốt lõi, cơ bản, phổ biến và cao nhất. Tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng, lao động cần cù thông minh sáng tạo, thương người vì nghĩa, lối sống tình nghĩa thủy chung là những giá trị truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam. Nghị quyết 09 của Bộ chính trị về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay chỉ rõ: “Những giá trị văn hóa truyền thống vững bền của dân tộc Việt Nam là lòng yêu nước nồng nàn, ý thức cộng đồng sâu sắc, đạo lý thương người như thể thương thân”, đức tính cần cù, vượt khó, sáng tạo trong

lao động. Đó là thang giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc. Cũng cần phải thấy rằng, bên cạnh những mặt ưu điểm, trong thang giá trị đạo đức Việt Nam cổ truyền cũng bộc lộ nhiều hạn chế của một nền văn hóa đạo đức được xây dựng trên cơ sở xã hội nông nghiệp

và luôn luôn phải tiến hành chiến tranh chống ngoại xâm. Nó chủ yếu đề cao phẩm chất chiến đấu “chống giặc cứu nước” mà ít nhiều xem nhẹ những phẩm chất lao động, xây dựng làm giàu cho đất nước. Các giá trị đạo đức được đề cao là các giá trị cộng đồng, còn các giá trị cá nhân còn mờ nhạt.

2. Sự biến đổi của thang giá trị đạo đức hiện nay.

Hiện nay nước ta đang thực hiện quá trình đổi mới toàn diện đất nước. Từ đổi mới kinh tế, đến đổi mới chính trị, đổi mới văn hóa xã hội, đổi mới quan hệ quốc tế. Do đó, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội đang có sự chuyển đổi sâu sắc và tác động đến đời sống tinh thần, trong đó các nhân tố tác động chủ yếu đến đạo đức là:

- Nước ta chuyển từ cơ chế kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị

trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường định

69

hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đang từng bước làm thay đổi các điều kiện kinh tế theo các hướng:

+ Chuyển từ nền kinh tế nông nghiệp hiện vật sang kinh tế hàng hóa, trao đổi lao

động cho nhau qua thước đo giá trị là tiền.

+ Chuyển từ kinh tế khép kín sang nền kinh tế mở, gắn với phân công lao động trong nước và quốc tế, chuyển từ nền kinh tế trên phạm vi hộ gia đình, làng xóm, ít tính cạnh tranh sang kinh tế hàng hóa cạnh tranh quyết liệt trên phạm vi trong nước và thế giới. Tác động của môi trường kinh tế vào giá trị đạo đức truyền thống, đặc biệt lối sống là rất đáng kể. Chuyển sang cơ chế kinh tế mới, sự phân hóa xã hội là không tránh khỏi. Cạnh tranh tạo ra sáng kiến và nâng cao năng suất lao động, đồng thời cũng làm cho sự rủi ro ngày càng cao, sự phân hóa thu nhập có chiều hướng gia tăng.

Do tác động của lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền, “có cầu sẽ cung”, trong

xã hội xuất hiện những tệ nạn xã hội mới, ảnh hưởng nghiêm trọng đến những chuẩn mực

giá trị đạo đức truyền thống. Đó là những điều kiện khách quan không thể tránh khỏi đang

tác động trực tiếp vào những giá trị đạo đức truyền thống, nhất là vào tính cộng đồng, tình làng, nghĩa xóm.

- Nước ta đang mở cửa giao lưu với thế giới, tham gia vào quá trình hợp tác phân công lao động quốc tế trong bối cảnh quốc tế và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, tuy có nhiều thời cơ thuận lợi, nhưng cũng rất nhiều khó khăn thử thách tác động đến nền tảng đạo đức dân tộc. Những tư tưởng tư sản như chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa tự do mới, chủ nghĩa đa nguyên chính trị và các thứ văn hóa phẩm đồi trụy cũng xâm nhập vào nước ta. Mặt khác, lợi dụng ta mở cửa nền kinh tế, các thế lực phản động quốc tế đang thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, tập trung vào lĩnh vực tư tưởng văn hóa, đạo đức, nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Sự biến động mạnh mẽ của các điều kiện kinh tế - xã hội, tất yếu không thể không

có sự chuyển đổi thang giá trị đạo đức. Vấn đề là chuyển đổi theo hướng nào, tiến bộ hay thoái hóa, thăng hoa hay sa đọa. Phải chăng kinh tế phát triển thì trình độ đạo đức xã hội tự nhiên sẽ được nâng cao? Phải chăng quan niệm hiệu quả kinh tế đồng nghĩa với chủ

nghĩa sùng bái đồng tiền? Thực tế ở Việt Nam gần hai mươi năm đổi mới cho thấy, thang

giá trị đạo đức xã hội đang thay đổi cực kỳ nhanh chóng, phức tạp, có cả tích cực và tiêu cực, thậm chí có cả

đảo lộn, sự biến động diễn ra nhiều chiều chưa ổn định.

Trong điều kiện mới, các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc đang có những chuyển biến phức tạp, có đấu tranh giữa cái tiến bộ và cái lạc hậu, giữa thiện và ác, giữa

lối sống lành mạnh, trung thực, thủy chung với lối sống thực dụng, dối trá, ích kỷ, ăn bám, chạy theo đồng tiền. Đạo đức mới vừa phải đấu tranh với các hệ thống đạo đức

70

khác, vừa phải đấu tranh để tự đổi mới, tự khẳng định mình trong điều kiện mới, trên cơ

sở kế thừa đổi mới cho thích ứng với tình hình mới. Trong quá trình kế thừa và đổi mới, những giá trị đạo đức nổi lên mấy xu hướng sau:

- Các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc được khẳng định và phát triển trong điều kiện mới, chẳng hạn như: lòng yêu nước, lòng nhân ái, ý thức đoàn kết cộng đồng, lòng vị tha, tính trung thực...đều có sự biến đổi.

- Tư tưởng yêu nước là giá trị đạo đức hàng đầu xuyên suốt quá trình lịch sử dân

tộc Việt Nam từ khi dựng nước tới nay. Ngày nay, yêu nước là yêu nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội, không chỉ yêu nhân dân nước mình mà còn quý trọng yêu mến nhân dân nước khác. Yêu nước phải gắn với ý chí tự lực tự cường, sáng tạo trong lao động, học tập

và nghiên cứu, khai thác mọi tiềm năng đất nước, bảo vệ độc lập dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc, chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, từng bước nâng cao đời sống ấm no hạnh phúc của nhân dân, vươn lên ngang tầm thời đại mới.

Lòng nhân ái là một truyền thống quý báu của dân tộc, cội nguồn của đạo đức cần phải phát huy mạnh mẽ hơn. Ngày nay, những vấn đề ngăn chặn cái ác, khuyến khích cái thiện, đoàn kết thương yêu con người, quý trọng của công, quan tâm đến nỗi bất hạnh của con người, chống chiến tranh, chống ma túy, nạn mại dâm, bệnh AIDS, chống nạn đói và mù chữ...là những vấn đề nhân đạo cấp bách.

Các giá trị đạo đức vốn hình thành trong cách mạng dân tộc dân chủ được giữ gìn, trân trọng và bổ sung nội dung mới:

+ Chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến tranh nay chuyển sang hòa bình, chủ

nghĩa anh hùng cách mạng lại được phát huy trong công cuộc đổi mới xây dựng đất nước.

Từ ý chí không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ chuyển sang ý chí không chịu nghèo đói, lạc hậu và lệ thuộc. Giá trị tự do trước đây được hiểu là quyền tự do của toàn dân tộc, nay mang thêm nhiều ý nghĩa về quyền tự do cá nhân, tự do hành nghề, tự do mưu cầu hạnh phúc. Những giá trị đạo đức mới được bổ sung góp phần làm nên

sự phát triển đời sống tinh thần của xã hội ta hôm nay và những giá trị đó đang tạo một động lực thúc đẩy sự nghiệp đổi mới đất nước. Trong quá trình đổi mới và định hướng thang giá trị đạo đức cần chống hai khuynh hướng cực đoan:

Một là, chống thái độ bảo thủ, đề cao quá mức truyền thống mà coi nhẹ hoặc phủ nhận đổi mới.

Hai là, chống thái độ hư vô, đi vào kinh tế thị trường hiện đại hóa đất nước mà xa

lờ những giá trị đạo đức truyền thống, làm mất đi bản sắc dân tộc, đánh mất bản thân mình. Những hiện tượng yêu nước, lòng nhân ái, tính cộng đồng, ý chí kiên cường, bất

71

khuất, siêng năng, tận tụy, liêm khiết, thủy chung, cần cù đã trở thành lối sống bền vững trong lịch sử dân tộc giờ đây phải được tăng cường đổi mới và hoàn thiện cả về nội dung, phương hướng.

III. ĐẠO ĐỨC NGƯỜI CÁN BỘ LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ TRONG ĐIỀU KIỆN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM.

1. Đạo đức đối với cán bộ

Cán bộ là “Người làm công tác có chức vụ trong một cơ quan, một tổ chức, phân biệt với người thường, không có chức vụ”.

Ở nước ta, trong các thời kỳ cách mạng, cán bộ luôn là vấn đề nổi lên hàng đầu và giữ vai trò hết sức trọng yếu. Nó chẳng những có ý nghĩa quyết định đối với công tác xây dựng Đảng mà còn là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng. Lênin cho rằng:

“Trong lịch sử chưa hề có một giai cấp nào giành được quyền thống trị nếu nó không đào

tạo ra được trong hàng ngũ của mình những lãnh tụ chính trị, những đại biểu tiên phong

có đủ khả năng tổ chức và lãnh đạo phong trào. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc và muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém”.

Cán bộ là người định ra đường lối chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, đồng thời là người đưa chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước đến với nhân dân, vận động, tổ chức nhân dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra, đưa đất nước ngày càng phát triển và tiến bộ. Do vậy, trong mỗi giai đoạn cần có một đội ngũ cán bộ thích ứng, vừa có phẩm chất đạo đức vừa có năng lực để đáp ứng được sự đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng.

Trong sự phát triển kinh tế - xã hội hiện nay đạo đức cần phải được nhấn mạnh trong mỗi con người, đặc biệt đối với đội ngũ cán bộ của Đảng, Nhà nước và các tổ chức đoàn thể quần chúng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: làm cách mạng để cải tạo xã hội cũ thành xã hội mới là một sự nghiệp rất vẻ vang, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ rất nặng nề, một cuộc đấu tranh rất phức tạp và gian khổ. Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cán bộ phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng chỉ ra công tác cán bộ trong thời kỳ mới rất nặng nề: Chúng ta phải chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ ngang tầm thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần thực hiện hai

72

nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Những yêu cầu định

ra về phẩm chất đạo đức của người cán bộ hiện nay là:

Một là, có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Hai là, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, có ý thức tổ chức, kỷ luật, trung thực, không cơ hội, gấn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm.

Ba là, có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có trình độ văn hóa, chuyên môn, đủ năng lực và sức khỏe để làm việc có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Các tiêu chuẩn nói trên có quan hệ mật thiết với nhau, coi trọng cả đức lẫn tài, trong đó đức là gốc. Cán bộ ở cấp càng cao thì càng phải gương mẫu, càng phải gìn giữ phẩm chất đạo đức.

Cũng cần phải thấy rằng, trong điều kiện nền kinh tế đất nước vận hành theo cơ

chế thị trường, một bộ phận không nhỏ cán bộ thoái hóa về phẩm chất chính trị, đạo đức,

lối sống, tham nhũng, buôn lậu, lãng phí, quan liêu thì việc nhấn mạnh đức là gốc theo tư tưởng của Bác Hồ là hoàn toàn có ý nghĩa thực tiễn và cần thiết. Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa là xem nhẹ tài. Bởi vì, không xây dựng đội ngũ cán bộ có tài thì cũng không thể thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hơn nữa, đức ở đây bao gồm phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, phong cách làm việc. Người có bản lĩnh chính trị vững vàng là người có cả đức và tài, là sự thống nhất giữa đức và tài.

2. Học tập tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, xây dựng đạo đức cách mạng.

Hồ Chí Minh là người tài đức song toàn. Dân tộc Việt Nam và nhân loại tiến bộ mãi mãi tự hào về Hồ Chí Minh - Người anh hùng giải phóng dân tộc và danh nhân văn hóa thế giới.

Những phẩm chất đạo đức cao quý ở Hồ Chí Minh về tinh thần cách mạng cao cả, suốt đời phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, về đức khiêm tốn, giản dị, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; mãi mãi là tấm gương sáng về nhân cách cho các thế hệ hôm nay và mai sau học tập.

Xuyên suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh đã đánh giá rất cao vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng. Theo Người đạo đức là nền tảng của

73

người cách mạng cũng giống như gốc của cây, ngọn nguồn của sông của suối. Người vẫn thường nói, người cách mạng phải có đạo đức cách mạng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng. Không có đạo đức cách mạng thì dù tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân.

Đạo đức cách mạng không chỉ là cái gốc của người cách mạng, mà còn là động lực mạnh mẽ để người cách mạng đi đến cái trí. Và khi đã có trí, hiểu biết về khoa học, chủ nghĩa Mác, phương pháp cách mạng... thì cái đức chính là cái bảo đảm cho người cách mạng giữ vững được chủ nghĩa mà mình đã giác ngộ, đã đi theo.

Sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là sự nghiệp to lớn, khó khăn và nặng nề, con đường đi đến độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là con đường dài, không phải là một đại lộ thẳng tắp. Do đó, đạo đức cách mạng giúp người cách mạng vững tin trên con đường đi tới mục tiêu của mình. Có đạo đức cách mạng thì gặp khó khăn, gian khổ cũng không sợ sệt, lùi bước. Do đó, chăm lo cái gốc, cái nguồn, cái nền tảng ấy phải

là công việc thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân, của mỗi gia đình và mỗi người trong

xã hội.

Học tập tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh xây dựng đạo đức cách mạng chúng ta cần

tập trung vào những nội dung chủ yếu sau đây:

Một là, trung với nước, hiếu với dân, suốt đời chiến đấu hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội và hạnh phúc của nhân dân.

Trung và hiếu là hai khái niệm cơ bản, là trọng tâm của tư tưởng đạo đức Nho giáo. Ở đó trung là trung với

vua và hiếu với cha mẹ; đã được Hồ Chí Minh mở rộng ra phạm vi xã hội là trung với nước, hiếu với dân.

Ở đây nước là của dân và dân là chủ của nước. “Trung”, “hiếu” đã mang một chất lượng mới với ý nghĩa cách mạng, hết sức sâu sắc, vượt xa những giá trị đạo đức truyền thống Nho giáo.

Không có gì quý hơn độc lập tự do suốt đời chiến đấu cho độc lập tự do, cho hạnh phúc của nhân dân là tư tưởng đạo đức tiếp nối truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam, là phẩm chất đạo đức lớn nhất, cao nhất của con người Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh.

Có thể nói, chiến đấu vì độc lập tự do, vì hạnh phúc của nhân dân, là phẩm chất nổi trội trong các phẩm chất đạo đức Hồ Chí Minh. Phẩm chất này đã trở thành ý chí bất khuất, thành chủ nghĩa anh hùng, thành thái độ không cam chịu nô lệ, “thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước”. Phẩm chất này đã trở thành bản lĩnh của người Việt Nam trước những thử thách, khó khăn gian khổ, đã hóa thành lối sống có tình có nghĩa,

74

có thủy chung, có văn hóa – lối sống thấm đượm chủ nghĩa nhân đạo chiến đấu. Phẩm chất này đã ảnh hưởng rất lớn và sâu sắc trong cộng đồng người Việt Nam, trong sự tập hợp sức mạnh Việt Nam và sức mạnh nhân loại.

Chiến đấu vì độc lập tự do vì chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân đã hòa nhập với dòng chảy chung của ý thức đạo đức cao đẹp nhất của nhân loại và nhân loại cũng đã cổ vũ nó, tiếp nhận nó, như là chính phẩm chất và giá trị của mình. Vì vậy, ngày nay khi trên thế giới còn có những đất nước, những bộ phận dân cư chưa được hưởng

độc lập tự do, cơm no áo ấm, chưa được học hành, hạnh phúc thì phẩm chất này ở tư tưởng

đạo đức Hồ Chí Minh vẫn là khát vọng cháy bỏng, là chất men kích thích, là động lực nội

tại thúc đẩy nhân loại tiến lên, vươn tới.

Hai là, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công,

vô tư là phẩm chất đạo đức cơ bản, được Hồ Chí Minh đề cập thường xuyên vì nó gắn liền với hoạt động hàng ngày của mỗi người cách mạng và quan hệ mật thiết với phẩm chất “Trung với nước, hiếu với dân”. Cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, theo Bác Hồ giải thích là:

Cần là cần cù siêng năng, tăng năng suất trong công việc. Ví dụ trong sản xuất quan trọng bậc nhất của cần là phát triển sản xuất. Phải lấy hiệu quả của sản xuất mà đo ý chí cách mạng.

Kiệm là tiết kiệm, tức là không lãng phí thời gian, của cải của mình và của dân. Nghĩa là, chữ kiệm có nội dung khá

toàn diện: tiết kiệm thời gian, tiết kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, tiết kiệm ở cả xã hội và ở mỗi cá nhân.

Liêm tức là không tham ô và luôn luôn tôn trọng, giữ gìn của công, của nhân dân. Liêm đã trở thành thước đo bản chất người, bản chất cách mạng của mỗi người.

Chính là thẳng thắn, thấy điều phải dù nhỏ cũng phải làm, thấy trái dù nhỏ cũng phải tránh. Khi nói tới chính, trước hết phải lấy mình làm đối tượng.

Chí công vô tư là đem lòng chí công, vô tư mà đối với người, với việc; ham làm những việc ích nước, lợi dân, không ham địa vị công danh, phú quý. Khi làm bất cứ việc

gì cũng đừng nghĩ đến mình trước, khi hưởng thụ thì mình nên đi sau. Chí công vô tư là chăm lo việc nước như chăm lo việc nhà. Như vậy chí công vô tư không phải là không chăm lo lợi ích riêng. Ở đây Bác chỉ yêu cầu trong quan hệ lợi ích chung và riêng cần phải hài hòa. Nghĩ đến lợi ích riêng nhưng cần ưu tiên lợi ích chung. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, chí công vô tư phải gắn liền với chống chủ nghĩa cá nhân, theo Bác, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là giày xéo lên lợi ích cá nhân. Mỗi người đều

75

có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và của gia đình mình. Nếu những lợi ích cá nhân không trái lợi ích tập thể thì không phải là xấu.

Cũng cần phải thấy rằng, Hồ Chí Minh phê phán chủ nghĩa cá nhân, nhưng yêu cầu giải quyết hài hòa lợi ích cá nhân và xã hội, không trừ dập lợi ích cá nhân, phải tôn trọng và phát triển cá nhân để chống chủ nghĩa cá nhân.

Ba là, tu dưỡng đạo đức cách mạng suốt đời.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh “Đạo đức cách mạng không phải trên trời xuống. Nó

do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”.

Cuộc sống luôn luôn vận động, biến đổi không ngừng. Do vậy, việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức phải được tiến hành liên tục, không ngừng. Hôm nay có thể tốt, có thể

vĩ đại, nhưng ngày mai có thể biến chất, thoái hóa hư hỏng nếu không tu dưỡng thường xuyên.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, thực tiễn cách mạng liên tục phát triển, con người cách mạng và đạo đức cách mạng cũng phải tiến lên nếu không muốn lạc hậu với cuộc sống. Nếu không tiến lên tức là thoái. Và nếu thoái thì những thắng lợi đã đạt được sẽ không thể củng cố và phát triển.

Bốn là, nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức.

Bản thân cuộc đời Hồ Chí Minh là chuẩn mực tuyệt vời, một tấm gương ngời sáng về sự nói đi đôi với làm, lý luận nhuần nhuyễn với thực tiễn. Người đã diễn đạt những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin thành những phương châm chỉ đạo hành động, những chuẩn mực, để rèn luyện đạo đức cho cán bộ, đảng viên.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là Người vĩ đại khi nói về đạo đức, Người càng vĩ đại khi thực hành đạo đức. Người không chỉ nói là làm, mà người còn nói ít làm nhiều, và trên phương diện đạo đức phần nhiều người chỉ làm nhiều mà không nói. Chính điều này hôm nay đang đòi hỏi chúng ta phải suy ngẫm sâu sắc mới có thể khám phá được tầng sâu bản chất trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh.

Nói đi đôi với làm, nêu tấm gương về đạo đức theo Hồ Chí Minh có liên quan đến sự thành bại của cách mạng, sự sống còn của Đảng, của chế độ. Sự thành công phần lớn là do cán bộ, vậy cán bộ phải cố gắng hơn mọi người, để làm kiểu mẫu cho mọi người. Không có những tấm gương đạo đức thực tế, mọi tiêu chuẩn sẽ không còn giá trị gì hết. Chính vì vậy, cán bộ phải gương mẫu phải nêu tấm gương về nói đi đôi với làm.

Năm là, xây đi đôi với chống.

76

Trong cuộc sống hiện nay những hình tượng tốt xấu, đúng sai vẫn còn đan xen, đối chọi, thúc đẩy, hoặc kìm hãm nhau. Trong đó, cái tốt vẫn là dòng chính, dòng chủ đạo, những cái xấu đang có nguy cơ lây lan, phát triển. Muốn phát triển cái tốt, muốn ngăn chặn cái xấu, Hồ Chí Minh đòi hỏi phải kết hợp “xây” với “chống”, trong đó “xây” là nổi trội.

Theo Hồ Chí Minh, xây là xây dựng, học tập, tu dưỡng, rèn luyện những phẩm chất đạo đức cách mạng; xây dựng chủ nghĩa tập thể, xây và nêu những tấm gương về đạo đức, những điển hình “Người tốt, việc tốt”, xây dựng tinh thần phụng sự Đảng, phụng sự

Tổ Quốc, phụng sự nhân dân. Xây dựng ý thức tổ chức kỷ luật, sự đoàn kết trong tổ chức, trong nhân dân.

“Chống” là chống chủ nghĩa cá nhân, chống quan liêu, tham ô, lãng phí, chống thói “quan cách mạng”, chống kiêu ngạo, chống thói vô tổ chức, vô kỷ luật, mất đoàn kết.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh luôn luôn chú trọng tới cả hai mặt “xây” và “chống” và trong “chống” có “xây”...Ở đây xây là xây cái hay, cái đẹp, đồng thời cũng là chống cái dở, cái xấu. Xây chủ nghĩa tập thể cũng đồng thời là chống chủ nghĩa cá nhân. Ngược lại, chống tiêu cực là để khẳng định và xây cái tích cực, chống tham ô, lãng phí, quan liêu – cũng chính là xây dựng liêm chính, tiết kiệm hiệu quả.

Theo Hồ Chí Minh, muốn “xây” và “chống” có kết quả phải kiên trì, kiên quyết, phải tạo ra các phong trào cách mạng sôi động trong quần chúng. Các phong trào, các cuộc vận động “xây” và “chống” phải cụ thể. Có phong trào, có cuộc vận động chung cho toàn Đảng, toàn dân, nhưng cũng có phong trào, những cuộc vận động gắn với từng ngành, từng giới, từng địa phương, từng lứa tuổi. Qua các phong trào, các cuộc vận động

mà lôi cuốn mọi người vào cuộc đấu tranh “xây” và “chống”. Yêu cầu mỗi cá nhân, đảng viên phải có bản lĩnh, trung thực, quyết tâm cao, thường xuyên cố vũ, chiến đấu bồi đắp cho cái thiện, cái đẹp, cái đúng, kiên quyết đấu tranh đẩy lùi cái xấu, cái sai, cái ác.

Sáu là, luôn luôn tự phê bình và phê bình.

Tự phê bình và phê bình là vũ khí sắc bén của Đảng, của mỗi cán bộ, đảng viên trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện, xây dựng đạo đức cách mạng. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh là một mẫu mực của tinh thần, phong cách macxit – leninnít trong tự phê bình và phê bình. Theo người, phê bình là nêu ưu điểm và vạch ra khuyết điểm của đồng chí mình. Tự phê bình là nêu ưu điểm và vạch khuyết điểm của mình. Tự phê bình và phê bình phải đi đôi với nhau. Như vậy, theo Hồ Chí Minh tự phê bình và phê bình có mục đích và ý nghĩa tốt đẹp để mọi người học tập ưu điểm của nhau, để mọi người ngày càng đoàn kết, thống nhất, để mọi người tiến bộ, trưởng thành.

77

Hồ Chí Minh còn chỉ ra trong tự phê bình và phê bình phải tấn hành thường xuyên, triệt để, chỉ rõ nguyên nhân, chỉ rõ biện pháp cụ thể để sửa chữa. Người luôn luôn nhắc nhở cán bộ phải chống thói trước mặt thì nể, kể lể sau lưng. Nể nang không phê bình khác nào thấy trên mặt đồng chí có nhọ mà không chỉ. Nể nang không phê bình để cho đồng chí mình cứ sa vào lầm lỗi, đến nỗi hỏng việc. Thế thì khác nào thấy đồng chí ốm mà không chữa cho họ.

Hồ Chí Minh cho rằng, trong tự phê bình và phê bình, mỗi cán bộ, đảng viên phải

bắt đầu từ chính mình. Mỗi người nếu không bắt đầu đòi hỏi từ chính bản thân mình, thì không có cơ sở để đòi hỏi người khác.

Thực tiễn cho thấy, ở đâu tự phê bình và phê bình lặn đi, ở đó có chủ nghĩa cá nhân có điều kiện phát triển. Chống chủ nghĩa cá nhân sẽ không có hiệu quả nếu sao nhãng việc tự phê bình và phê bình một cách nghiêm túc theo tinh thần, tư tưởng đạo đức

Hồ Chí Minh. Hiện nay, trong điều kiện kinh tế thị trường, bên cạnh những yếu tố tích cực cơ bản, đã nảy sinh những yếu tố tự phát, gây nhiều tiêu cực và tệ nạn xã hội. Do đó việc nâng cao tinh thần đấu tranh phê bình và tự phê bình là sự dũng cảm nhìn thẳng vào

sự thật, nhận rõ và nghiêm khắc tự phê bình đối với những thiếu sót yếu kém vi phạm đạo đức của mình, kiên quyết sửa chữa khuyết điểm của mình để ngày càng tiến bộ là công việc thường xuyên của mỗi cán bộ, đảng viên, mỗi tổ chức, chính quyền, đoàn thể.

[1]. Giáo trình đạo đức học. NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội – Năm

2000.

[2]. Về giáo dục đạo đức cách mạng trong cácn bộ đảng viên hiện nay - Thực trạng và giải pháp. NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội – năm 2004

[3]. Giáo dục đạo đức cho cán bộ đảng viên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước. NXB Chính trị quốc gia Hà Nội – năm 2004.